

nhà báo, nhà văn viết truyện
ngắn tiên phong tại Việt Nam



sổ kỷ niệm đệ thất chu niên

tưởng niệm
PHẠM DUY TỐN



TẠP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỚNG NGHỆ-THUẬT

 NĂM THỨ TÁM • SỐ 169 • RA NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1971

đọc trong số này :

● TƯỚNG-NIỆM PHẠM DUY TỐN :

2. Thử bút của Phạm Duy Tốn (thư gửi con)
3. Viết về bố
9. Nói chuyện với Phạm Duy về Phạm Duy Tốn
19. Chân dung Phạm Duy Tốn
(lục chồng báo cũ)
30. Phạm Duy Tốn, bậc đàn anh
trong lối văn hài hước
41. Phạm Duy Tốn nhìn bởi...
(sao lục các bài phê bình)
48. « Tiểu làm Quảng ký » của Thọ-An
60. Ba truyện ngắn tiêu biểu của

Phạm Duy
Vũ Bằng

Vũ Bằng

Thiên-Tướng

Phạm Duy Tốn

● MỤC THƯỜNG-XUYỀN :

67. Sự già nua không phải là
một định mệnh, *phỏng vấn*
91. Tro than, *truyện dài* [tiếp theo]
97. Giải đáp thắc mắc bạn đọc
103. *Tên văn văn*

Patrick Loriot *thực-hiệp*
Lê Huy Oanh *dịch*
Nguyễn-dinh Toàn

☐ ☐

☐ ☐

● BÌA : CHÂN DUNG PHẠM DUY TỐN — MẪU BÌA : VĂN-THANH



Tòa-soạn và Trị-sự : 38. Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Đ.T. : 23.596

Tạp-san xuất-bản do nghị-định số 64/BTT/NH, ngày 4/12/1963

- Chi-phiếu để tên ông Nguyễn-dinh Vương (chủ-nhiệm kiêm chủ-bút)
- ★ Thư-tử, bản-thảo, để tên ông Trần Phong-Giao (thư-ký tòa-soạn)
- Giao - thiệp trực - tiếp : ông Gia-Tuấn (phụ-tá thư-ký tòa - soạn)
- ★ In tại nhà in riêng của báo VĂN — Quản-lý : cô Nguyễn-thị Tuấn

Số 169 : số đặc biệt

Tưởng-niệm Phạm Duy Tồn

W 294717
4017

Hiền ơi,

Câu cho em mê-day tây này. Còn lá c
thư cho cháu. Cậu yêu ba em và hôn

ba em. Duy tọng

Cậu nhiều việc và bận lắm.

Bonjour à M. Hân,
à Lê Liêm et baisers à Nin.

THỦ-BÚT CỦA PHẠM DUY TỐN (THƯ GỬI CON)

PHẠM DUY

Viết về bố...

Tôi mồ côi cha từ khi mới lên hai ! Tôi không có một chút kỷ niệm sống nào với bố cả, ngoại trừ vài tấm bưu ảnh mà bố tôi gửi về cho anh em tôi khi cụ đi dự Đấu xảo Marseille... Đối với tôi, người cha đã thật là xa lạ ; khi còn bé, vì phép tắc gia đình, không bao giờ tôi được nhắc đến tổ tiên, dòng họ và những người quá cố ; lớn lên, đi giang hồ rồi đi kháng chiến, mẹ chết đi là thôi, không bao giờ tôi được biết tận tường về bố tôi cả !

Nhưng có một hôm, lục trong mở giấy tờ hộ tịch, tìm thấy tờ giấy khai tử của bố tôi, tôi bỗng thương ông vô cùng ! Tờ trích lục khai tử đó ghi :

- Ngày và nơi chết : 25 tháng 2 năm 1924, 6 giờ 20 ;
54 Phố Felloneau (Hàng Dầu)
Hà-nội
- Tên và họ người chết : Phạm Duy Tồn
- Tuổi và nghề nghiệp : 43 tuổi, ký giả
- Chỗ ở của người chết : 54 Phố Felloneau Hà-nội
- Là chồng của : Nguyễn thị Hoà
- Ngày sinh của người chết : 1881
- Nơi sinh của người chết : 54 Phố Felloneau Hà-nội
- Tên bố của người chết ; Phạm Duy Đạt (chết)
- Tên mẹ của người chết : Nguyễn thị Huệ

vân vân...

Tôi giật mình vì thấy bố tôi chết quá sớm : 43 tuổi ! Nghĩa là tính ra cụ chỉ có khoảng 20 năm để sống, để yêu, để làm, để thành công, để thất bại... Và tôi bắt đầu hỏi tra về cha tôi, hỏi các anh chị, tra các sách báo, để biết thêm về tác giả bài « *Sống Chết Mặc Bay* », đồng thời cũng là tác giả đời mình !



Khi còn nhỏ, tôi thường nghe người ta gọi gia đình tôi là gia đình cụ Thiên. Tôi cứ tưởng đó là tên ông nội tôi, nhưng về sau thì biết Thiên là Thiên hộ (chef de quartier) một chức vụ của ông nội tôi khi làm trưởng một khu phố Hà-nội trước hồi Pháp thuộc. Cụ Thiên hộ có hai người con, một gái, một trai. Bố tôi là con trai độc nhất ; chị của bố tôi (chúng tôi gọi là Cô) thì lấy một vị An sát ở Bắc-ninh.

Gia đình tôi khi xưa làm nghề buôn bán dầu (trong nhà có chôn rất nhiều chum lớn để đựng dầu) như hầu hết các gia đình khác ở cái phố hàng Dầu này. Và chắc bố tôi cũng được lớn lên trong một hoàn cảnh dễ chịu, không bị thôi thúc vì đồng tiền. Sinh vào năm 1881 là lúc nước nhà vừa bị mất trong tay thực dân, khi trưởng thành chắc chắn bố tôi cũng phải đấu tranh ghê gớm để quyết định làm những người cuối cùng của Nho học hay chọn Tây học để làm những người đầu tiên của một phong trào mới...

Và như ta đã thấy, cùng với các cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Đỗ Thận vân vân... bố tôi đã đi học ở trường Thông ngôn Hà-nội (Quai de Commerce) vào những ngày cuối cùng của thế kỷ cũ...

Tốt nghiệp rồi, bố tôi được bổ đi làm tại tòa Sứ ở Ninh-bình, nhưng không biết vì lý do gì mà bố tôi lại thôi việc và trở về với các nghề tự do khác. Hỏi một vài người trong họ thì họ bảo rằng bố tôi chống Pháp, nhưng tôi đoán có lẽ lý do dẫn dụ hơn : cụ là người thích bay nhảy !



Người gầy gầy, cao, mặt hơi đỏ, tính tình vui vẻ, hay nói đùa, hút thuốc lá nặng, không biết nhạc, không nghe nhạc... Đó là một

vài nét về bố tôi qua vài người đã biết cụ và đang còn sống. Bố tôi lấy mẹ tôi là con một cụ đồ ở phố hàng Gai. (Bên họ ngoại tôi cũng sản xuất được một người có công trong việc sưu tập văn học dân gian : Ôn-Như Nguyễn Văn Ngọc là anh họ tôi, con di con già). Theo lời mẹ tôi nói trong lúc răn dạy tôi khi còn bé thì bố tôi là một người rất đam mê, nhưng chóng chán. Làm đủ mọi việc nhưng không bao giờ làm hết một việc. Tính tình đó đã cắt nghĩa sự hành nghề lung tung của bố tôi trong một quãng đời ngắn ngủi...

Thôi làm ở Tòa Sứ ra, bố tôi đi dạy học ở trường Trí Tri phố hàng Quạt Hà-nội. Đáng lẽ cụ phải thành công trong nghề dạy học, vì lúc đó các cụ là người đầu tiên biết Quốc ngữ và Pháp ngữ. Tại sao cụ lại bỏ nghề đó để đi mở một tiệm cao lâu ở phố Cầu Gỗ ? Người anh họ tôi nói rằng cụ là người háo thắng. Tiệm cao lâu của cụ là tiệm cao lâu đầu tiên của người Việt Nam. Nghề mở tiệm ăn lúc đó nằm trong tay Hoa kiều. Dám cạnh tranh với họ là một sự can đảm. Nhưng cạnh tranh không nổi thì mang nợ vào thân vì tiệm phải đóng cửa và bố tôi phải tìm một nghề khác...

Bố tôi không biết lấy tiền ở đâu để đứng ra mở một tiệm vàng lấy tên là Nam Bảo ? Chắc lại đi vay ! Tôi vẫn còn nhớ suốt đời mẹ tôi là phải làm để trả nợ cũ của chồng hơn là để nuôi con ăn học ! Tiệm vàng thất bại, bố tôi không tính đến chuyện gây cơ sở nữa và bắt đầu một cuộc đời lưu động...

Cụ cùng với một số bạn bè đi tìm mỏ ở Quảng-yên. Tìm mỏ lúc đó không phải mất công nghiên cứu thử thách địa chất như bây giờ. Hình như công việc tìm mỏ của cụ lúc đó chỉ là đi tìm những đất hoang rồi quây périmètre và xin chính phủ khai thác. Sau đó khai thác hay không là tùy ý. Và nghe đâu cụ bán những miếng đất đó cho họ De Monpezat...

Nhưng việc tìm mỏ chắc không đem lại cho bố tôi những thích thú về tiền bạc hay tinh thần. Sau khi bị thất bại liên tục trên mọi phương tiện sinh kế, cụ được một người bạn Pháp giúp

đỡ bằng cách cho vào làm việc nhà băng. Cụ được gửi đi làm tại chi nhánh của Banque d'Indochine ở Mông-tự (bên Tàu). Cụ ở đó cũng không lâu, rồi lại bỏ việc trở về và đến lúc này thì hình như cụ đã quyết định làm một nghề mà xưa nay cụ chỉ coi như nghề phụ : viết văn, viết báo !

Là người đồng lứa với các cụ Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ vân vân... bố tôi không thể không dính líu đến các hoạt động của các bạn. Ít nhất thì cũng phải gặp nhau luôn, sinh hoạt với nhau (ăn uống, đi nghe hát ả đào...) rồi dính líu với nhau luôn về công việc.

Vô hình chung các cụ ngày xưa đã tổ chức thành một thư văn đoàn và dù không sinh hoạt chặt chẽ với nhau nhưng vẫn có tàng buộc tinh thần với nhau để tạo thành một phong trào văn học mới. Bố tôi viết cho *Nam Phong*, *Đông Dương Tạp-chí* (bút hiệu Ưu Thời Mẫn) ngay từ khi chưa thành một ký giả hay văn sĩ thực thụ. Sau này, khi đã quyết định làm nghề báo, cụ vào ở hẳn trong Nam để viết cho các báo *Nóng Cờ Mìn Đàm* (bút hiệu Đông Phương Sóc), *Thực Nghiệp*... Trong thời gian này, cụ làm được một việc đáng kể là dùng báo chí để cổ động cho phong trào cứu trợ nạn lụt ở miền Bắc. Ngoài ra cụ cũng có viết cho *Đảng Cờ Tùng Báo ở Huế*...

Qua những bài báo, những truyện ngắn, nhất là qua tập tuyển *Tiểu Lâm Quảng Ký* (bút hiệu Thọ-An) tôi thấy bố tôi quả là một người có đầu óc phê bình xã hội, một người sống trong một cái xã hội mà mình không chấp nhận hoặc không nhập thể được ! Đời sống làm ăn của cụ đã chứng minh điều đó : cụ không thể nào thành công trong một cái xã hội mà cụ thực tâm khước từ. Cuối cùng chỉ biết dùng cây viết để nói vào cái xã hội mà mình đang sống. Đọc những bài « Sống Chết Mặc Bay », « May Cho Ta » ... ta thấy cụ chống quan liêu, sỗ thực dân, nhưng khi đọc « Tiểu lâm » ta thấy cụ giễu đủ mọi hạng người : lang băm, sư hồ mang, gian thương, cường quyền ... Người ta có thể cho rằng bố tôi chỉ làm một việc sưu tập những chuyện cười của dân chúng, nhưng

tôi có thể tin rằng cụ cũng đã bịa ra nhiều chuyện rất độc đáo. Bài thơ nói về cóc uống trà tàu chắc chắn phải đi từ trong tim óc của cụ chứ không hẳn phải từ dân chúng vô danh !

Nhưng dù sưu tập, phóng tác hay sáng tác chuyện tiểu lâm, bố tôi, với bút hiệu Thọ An, cũng đã để lại cho chúng ta ba tập truyện khôi hài rất lý thú. Tôi có cái may mắn là hồi còn bé được đọc những bản thảo của nhiều truyện tiểu lâm mà tôi không thấy được in ra sau này. Chẳng hạn truyện « Chồng Mù Vợ Điếc » kể chuyện hai vợ chồng gặp một đám rước. Chồng thì bảo rằng đám rước là cái đám kêu « tùng bi li bi li » còn vợ thì cứ nhất định cãi rằng đám rước không kêu mà chỉ có cờ đỏ tán xanh ... Hay là truyện « Ông Không Mồm », chuyện của một ông nọ có râu xồm bị tụi trẻ con phê phán là không có mồm ! Ông tức quá, vén râu xồm lên và bảo tụi trẻ con : « Mồm hay là l ... mẹ chúng mày đây ? ».

Những truyện như « Lạ Cụ Đề », « Con Mất Dọc », « Thầy Đề Liếm Dĩa », thì chĩa mũi dùi vào các loại « thầy » : thầy đề, thầy lang, thầy đồ. Cười đùa các vị đại diện tôn giáo thì có truyện « Thi Lâm Sư » : nhiều vị sư được mời tham gia cuộc thi khá kỳ. Mỗi vị sư phải ngồi lên một cái trống đề thưởng ngoạn một cảnh khiêu khích của mỹ nữ. Vị nào không kiềm chế được mình thì tự nhiên trống bị khua vang. Khi tất cả mọi vị đều khua trống và chỉ có một vị im tiếng thì mọi người đều thán phục và định tôn vị đó làm sư trưởng. Nhưng khi ngài đứng dậy thì té ra cái trống đã bị đánh một cú mạnh đến nỗi trống thủng ngay và cầm tiếng luôn. Truyện « Đề Ra Sư » thì ghê gớm hơn : một chị mò cua bị cua cắn vào bẹn. Một vị sư thương tình muốn cứu nhưng sợ uestạp nên không dùng tay mà dùng răng để gỡ cua. Ai ngờ cua cắn luôn sư, và mọi người chạy ra hô to : đề ra sư ! đề ra sư !!!

Chống quan liêu thì ngoài truyện « Bầm Quan Lớn Ngài Minh Lắm » kể chuyện cái tầm lông vọi hay lông l... bà Huyện, còn có chuyện quan Huyện hỏi vạ anh lính « nâng bi » rằng tại sao lại biết quan bà sẽ đề ra phượng hoàng ? Anh lính bèn quả quyết : Con biết lắm chứ, hôm qua khi bà ngồi tắm, con thấy cái mỏ phượng hoàng nó thò ra !!!

Nói tóm lại, văn nghiệp của bố tôi khi đó, dưới thời Bảo hộ của Pháp và dưới quyền của một thứ chế độ mới, giai cấp mới đã là một cách phê phán, đả kích, chế giễu xã hội !



Thế rồi vào những năm cuối cùng của đời cụ, cụ được cử vào làm Hội viên của Hội đồng Thành phố Hà-nội. Cụ được đi dự Đấu sảo ở Marseille. Ra đi hồi tháng tư 1922, cụ sống chuyến viễn du này trong vòng nửa năm đề rồi trở về nước với bệnh lao phổi và chết đi vào hồi tháng hai 1924.



Gần năm mươi năm sau, bây giờ tôi mới có dịp ngồi viết về bố. Tôi thương bố tôi quá ! Cụ chết sớm quá ! Phải chi cụ còn sống thêm nhiều năm nữa, chắc cụ sẽ còn cho ta đọc nhiều truyện « Sống Chết Mặc Bay » tân thời và nhiều truyện « Tiểu lâm » kinh khủng hơn ...

• PHẠM DUY

ĐÃ PHÁT HÀNH :

SAU GIỜ GIỚI NGHIỆM

truyện dài của MAI-THẢO

Khai Phóng xuất bản

VŨ BẰNG

Nói chuyện với Phạm Duy về Phạm Duy Tồn

Nhạc sĩ Phạm Duy có vẻ không bằng lòng. Sau khi đọc xong bài nói về các « cây cưỡi tiên chiến », anh đã tìm tôi và nói :

— Tôi nói đề anh biết là tôi không bằng lòng một chút nào. Từ trước đến nay, tôi tưởng chỉ còn có ba anh em tôi là Phạm Duy Khiêm, Phạm Duy Nhượng và tôi biết ba cuốn « Tiểu lâm Quảng ký » ký tên Thọ-An là tác phẩm của ông Phạm Duy Tồn, thân phụ chúng tôi. Nay anh lại tiết lộ chuyện ấy ra, thành ra chúng tôi đã mất hẳn một cái « bí mật thú vị », do đó nhiều người được biết.

— Nhiều người biết thì không còn là bí mật nữa. Sự việc ấy đi vào văn học sử, lại càng là chuyện hay, chớ có làm sao đâu ?

Phạm Duy cười ha hả, vỗ vai tôi bảo :

— Vậy hả ? Thế thì tôi thấy cần phải kể cho anh thêm vài chuyện nữa liên quan đến « ông bố » tôi, tùy ý anh muốn sử dụng thế nào thì sử dụng. Theo đúng lẽ ra, ông cụ tôi mất đi, bốn phận chúng tôi là con, phải ghi lại những điều mình biết để làm tài liệu sau này, nhưng chúng tôi có một cái lỗi lầm lớn là cho đến ngày nay vẫn chưa có người nào viết cả,

kể từ ông Khiêm đến kẻ giang hồ này là Phạm Duy. Nay, anh viết về ông cụ tôi, tôi thấy cần phải tìm anh nói chuyện xả hơi, nhân đó tôi có dịp sống lại những giờ phút êm đềm đã trôi qua, khi còn đông đủ bố mẹ, anh em chị em trong gia đình.

Thọ-An là ai ? — Thọ-An là bố mày đấy !

Phạm Duy trầm ngâm nói :

— Thú thực với anh, thoát đầu tôi không biết Thọ-An là ai cả. Mà tôi cũng không đọc « Tiểu lâm Quảng ký » do nhà Ích Ký ở phố Hàng Giấy xuất bản.

Một hôm, nhân lúc buồn tình, tôi tò mò lên gác lục bàn viết ra xem thì thấy một tập bản thảo chữ viết ngoằn ngoèo. Tôi đọc một hơi. Rồi tôi xuống hỏi bà cụ để ra tôi :

— Ở trên bàn cũ của thầy, có một tập chuyện gì nhảm nhí, tục tũn quá, ký tên là Thọ-An. Chẳng biết Thọ-An là ông nào mà viết bậy viết bạ quá. Không thể nào chịu được.

Mẹ tôi cười và bảo :

— Thọ-An là bố mày đấy chứ ai !

Từ đó, tôi mới biết bố tôi là Thọ-An và cũng từ đấy tôi biết thêm rằng dưới nét mặt trang nghiêm, bố tôi là một ông vua tục tũn, đối với con cái thì lầm lằm lì lì nhưng ra ngoài với bạn hữu thì quấy không chịu nổi.

Ông Phạm Duy Tốn,

một trong những người Việt đi Pháp đầu tiên

Phạm Duy vừa uống nước vừa kể lại cho tôi nghe những mảnh đời của cụ Phạm Duy Tốn như sau :

« Ông nội tôi là một ông chánh tổng, làm bạn với bà tôi là một người ả đầu cũ kỹ nổi tiếng hát hay một thời. Ông nội tôi lấy cụ chắc cũng vì cảm tiếng hát và tiếng xanh tiếng phách. Hai cụ lấy nhau thì cụ bà bỏ nghề hát về bán dầu. Bây giờ tôi còn nhớ khi tôi còn bé, nhà tôi đầy nhóc những chum đựng dầu kê chặt cả lối đi ; dầu bán cho khách hàng đồ lệnh lảng

ra ngoài nên đất lúc nào cũng nhám chân, ẩm thấp. Đến thầy tôi làm bạn với mẹ tôi là con một ông đồ người phố hàng Gai. Chị của mẹ tôi lấy ông Ôn-Như Nguyễn Văn Ngọc, tác giả nhiều cuốn sách nổi tiếng như « Cổ tích Việt Nam », « Hát cô đầu », « Câu đối », « Tục ngữ phong dao »...

« Thầy tôi, thoát đầu học chữ Nho sau cùng với các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim vào học trường Thông ngôn.

« Sau đó, cụ dắt cử hội viên thành phố, năm 1922, đi Pháp dự « Hội chợ triển lãm quốc tế » cùng với các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Vũ Huy Quang. Ở Pháp về năm 1923 và mất năm bốn mươi ba tuổi ở Hà-nội tại căn nhà số 54 đường Lò Sũ (Fellonneau) vì bệnh lao.

« Trong suốt cả một cuộc đời, bố tôi không nghiện gì hết, nhưng lúc bắt đầu biết là mắc bệnh lao, cụ có hút thuốc phiện. Cụ sống không cầu kỳ lắm : lúc chưa làm Hội đồng Thành phố Bắc-kỳ, cụ có cộng tác với nhiều báo, trong số tôi nhớ hai tờ là « Lục-tỉnh Tân-văn » và « Nông-cổ Mìn-đàm ». Đến khi ra Hà-nội, cụ sống tự do bằng đủ các nghề lương thiện : viết sách, mở hiệu vàng, mở cao lầu, quán giải khát... Nghề nào cũng nuôi sống tạm con người, nhưng theo chỗ biết của riêng tôi thì quả tôi không thấy cụ phàn nàn bao giờ cả. Cụ nghiêm khắc nhưng thường thường vui tính, yêu vợ, thương con hết sức.

« Lúc cụ mất, có để lại cho mẹ tôi năm người con : ông Phạm Duy Khiêm hiện giờ ở Pháp, Phạm Duy Nhượng mất vì chứng ung thư gần đây, làm đủ các nghề như bố tôi nhưng không ăn thua gì cả : nhạc, kịch, dịch Anh, dịch Pháp, sáng tác, làm thợ may cho vợ, và quần vá áo cho con, xách nước từ dưới nhà lên trên lầu, chữa xe đạp, dạy học... rồi chết, để lại một vợ đại với một đàn con nheo nhóc. Thấy thế, tôi là thằng em thứ ba tìm một con đường đi khác là chẳng làm gì cả, tối ngày chỉ rong chơi và phục vụ hai ông thần ở hai vai : thần Gái và thần Tiền, vì tôi nghĩ rằng sống như thế mới thực tế, mới thật là sống vậy.

« Ngoài ba anh em trai ra, tôi còn hai người chị gái : một người lấy ô. Đinh Mạnh Triết, hiện giờ ở Pháp và một người cùng chồng ở lại Hà-nội, tại đường Chu Mạnh Trinh.

« Mẹ tôi mất năm 1950. Ngồi mà tính sổ lại thì cả một đời cụ chỉ lo trả nợ cho chồng — một người chồng có nhiều sáng kiến, làm gì cũng được, nhưng theo ý riêng tôi thì không thích hợp với thời đại chút nào.

« Được một cái là sống với chồng như thế, bà cụ tôi lần lần cũng quen đi, và không thấy có gì là khổ quá. Sở dĩ một phần như thế cũng là vì ông cụ tôi khéo... nịnh đầm. Muốn la cà với anh em thế nào thì la cà, ở xa xôi, ông cụ tôi vẫn chăm chỉ viết thư về cho cụ bà và gửi đều tiền nong về cho các con... »

Đây là một bức thư lúc cụ làm « Lục-tỉnh Tân-văn » gửi về cho cụ bà ở Hà-nội :

« Kỳ thư này không có tin gì ở nhà vào cho tôi cả. Ý hẳn ngoài ta lụt cho nên lỡ kỳ thư, thì lại đến kỳ sau tôi sẽ được hai thư làm một hẳn. Song le tôi lấy làm nóng ruột quá, bởi vì không biết mẹ đã khỏi hay chưa và để với ba em có được mạnh khỏe hay không. Ngồi mà đợi cứ ngót hai mươi ngày mới lại có tin nhà thì tài gì mà chẳng nóng ruột. Giả thử kỳ tàu nào cũng có thư vào, thì tuần lễ nào cũng có tin, cũng đỡ nhớ mong. Nhưng mà càng lán thì đến lúc được tin lại càng thích... »

Đây là một đoạn viết cho con trai lớn là Phạm Duy Khiêm, cũng vào thời kỳ đó :

« Khiêm ơi,

Cậu cho em mê day đây này. Còn lá cò thì cho Thuận. Cậu yêu ba em và hôn ba em. Cậu nhiều việc và bận lắm. »

Một bức thư (hay là một tùy bút)

chưa hề đăng báo bao giờ của Phạm Duy Tốn

Bây giờ nhắc đến Phạm Duy Tốn, người ta chỉ nhớ có hai bài : « Sống chết mặc bay » và « May cho ta » đăng ở « Đông-dương Tạp-chí ».

Cụ Tốn giúp việc nhiều báo ở trong Nam như « Lục-tỉnh Tân-văn » và « Nông-cổ Mìn-đàm » nhưng tiếc rằng lúc ấy cụ đứng vào cương vị người viết báo như cổ động đồng bào lạc quyền nước lụt năm 1915 nên không để lại mấy bài văn có ký tên thực. Chứng cứ là bức thư sau đây viết ngày 28-8-1915 cho cụ Trần Trọng Kim (bằng chữ Pháp xen vào chữ Việt) :

« Kim thân miễn,

Nhờ tôi xuống dưới bureau mà bảo trước họ cho mọi rằng :

Tháng này ở trong này moi chỉ lĩnh có 30\$. Còn ở ngoài ấy lĩnh cho moi 90\$ (trả bureau 10\$ sur mes avances) còn 80\$ thì đem về mà trang trải. (Et cela jusqu'à épuisement de l'avance de 60\$ c'est-à-dire il y aura encore 3 versements après celui du 10-9.)

Ở trong này may có lẽ cái campagne en faveur des Inondés sẽ donner de bons résultats. Tôi cứ coi như nhật trình Lục-tỉnh Tân-văn thì đủ rõ. Mới bắt đầu đã có vài người gửi lại được hơn 10\$ rồi. Tôi bảo Vĩnh (1) ở ngoài ấy cũng nên nói một chút đỉnh, cho họ ganh nhau. Kỳ báo sau, moi sẽ đăng tên họ vào, thì ắt là họ sẽ đua nhau, có lẽ được nhiều tiền. Oh ! que je serai content ! »

Vậy là cái tài của Phạm Duy Tốn phí phạm khá nhiều vào trong báo chí hàng ngày, cho nên văn của Phạm Duy Tốn để lại tương đối ít.

Một sự tình cờ mới đây khiến cho ông Phạm Duy Khiêm (hiện ở Pháp) kiểm điểm lại tài liệu của cụ Phạm Duy Tốn đã cho ông tìm thấy một bức thư và ông Khiêm vừa gửi thư ấy cho Phạm Duy Cần (tức nhạc sĩ Phạm Duy) chép lại ở đây để giữ làm tài liệu.

Thư ấy là một cái truyện — muốn gọi là tùy bút cũng được — xin sao lại dưới đây với tính cách là một bài văn đọc đáo chưa hề in bao giờ.

Chính bài văn ấy là một bức thư viết về cho vợ, viết trên một chiếc tàu vượt trùng dương sang Pháp lúc cụ đi dự cuộc Hội chợ triển lãm quốc tế :

Ở bễ, 31-Mars, 1922 (mùng bốn, 8 giờ tối)

Tàu nhỏ neo đi sáng hôm nay, lúc bốn giờ. Trời ơi ! Mấy hôm ở Saigon nóng quá, chỉ mong cho mau cút, kéo bức mà ốm người. Khi tàu ra bễ khơi, hô hấp được không khí mát mẻ, nhẹ cả người.

Tuy vậy mà vẫn nắng gắt và nóng lắm, nhưng chỉ được cái rằng lên trên boong ngồi thì dễ chịu, chứ mà ở dưới phòng

(1) Tức là Nguyễn Văn Vĩnh

ngủ thì như nằm trong một cái hầm. Vậy mà từ đây sắp đi là rất rộng nóng cả.

Bề yên lặng, phẳng như tờ, không có một gợn sóng. Mênh mông nước trời một màu xanh ngắt, tàu lừ lừ đi trên mặt bể, lẳng lẳng như đi trên hồ vậy. Nhất là về chiều, khi mặt trời sắp lặn, trông ánh đỏ hồng hồng chiếu xuống nước, thật là ngoạn mục.

Đến chừng năm giờ chiều, thì tàu đi qua đảo Côn-lôn : xa xa thấy dãy núi hòn lớn hòn nhỏ, sức nhớ đến nơi này là nơi đức Gia Long ngày xưa chạy loạn ra ẩn ở đây trong mấy năm điên bái lưu ly, biết bao nhiêu nông nỗi hiềm nghèo !... Lại nghĩ đến những kẻ văn thân vì tấm lòng nhiệt huyết khảng khái không chịu phục tùng mà nay phải đầy đọa ra ở nơi này, ăn chung ở lộn với lũ côn đồ du thủ du thực, phát văng ở đây...

Ở trên tàu đồng người lắm, có vẻ sầm uất : từ Saigon lại chở thêm nhiều hành khách. Song le tôi vốn vẫn không thích sự ồn ào, cho nên lấy làm khó chịu ; cả ngày, trừ khi ăn lúc ngủ, còn là rất lén boong tìm chỗ vắng đứng một mình, tĩnh mịch mà ngẫm nghĩ sự đời. Song cái bọn họ đi với mình quấy tợn ; trốn lẫn cũng không được với họ, họ cứ lại gần nói chuyện, mà chuyện thì tầm thường chẳng có thú vị chi hết cả.

Nhất là cái con mẹ Laumônier, trông như con khỉ già, mà lại làm bộ trẻ với cái anh cu Tiệp. Hai đứa trông thật dơ, mà thật thối : thằng nọ nịnh của, con kia lại càng làm bộ nững nịu, thật là khó chịu !

Mà chúng nó nói cười càng thêm ghét. Khổ cho mình quá, ngày hai buổi phải ngồi ăn với chúng nó, bằng phải tội nặng. Sao mà tôi ghét thế ! Thằng thì làm bộ vác mặt lên, ra điều cái gì ta cũng biết : kỳ chung dốt đặc cán mai ; con thì the the, ồm ồm, ra đáng mỉa miêu ái ố, tỵ chung đen như củ tam thất mà xấu như con khế già...

Ông Kock bảo tôi rằng : « của đó đem sang Marseille đấu xảo được hạng nhất, mà rồi người Tây sẽ lấy đó khen rằng đàn bà Annam *đẹp lắm* ! »

Câu nói hữu tình thay !

Cu Bàng thì cũng dốt, nhưng mà hần dễ dãi, ít làm bộ, mà lại tử tế hơn cái thằng kia !

Tàu này chạy mau, có lẽ sáng ngày kia (mùng 6 ta) sẽ tới Singapore (6 giờ sáng). Tàu đỗ mấy giờ, rồi lại đi ngay.

Khi tôi ở Saigon, người Bắc Kỳ đón đưa rất là trung hậu. Ba giờ sáng, tàu sắp nhổ neo, mà họ cũng kéo nhau lũ lượt ra tiễn. Còn người Nam Kỳ (như ông Bùi Quang Chiêu, Trương Văn Bền, vân vân, (cũng có mời ăn tiệc, nhưng tôi nhất định từ chối.

Trước khi ở Saigon đi, tôi có gửi cái danh thiếp và cái thư của Bàng đề mờ lên hiệu Quảng Hưng Long, mà nhận lấy một trăm bạc về giả nốt 20\$ tiền nhà và giả bớt Gô-Đa mấy chục. Hễ thế nào, rồi viết nói cho tôi hay.

Đến Singapore, tôi sẽ gửi cartes postales về chào Đễ và cho cả Khiêm, Thuận, Tý, Thiệu nữa.

... Ngồi tàu nóng ruột quá, còn những hai mươi năm ngày nữa mới tới Tây, thật lấy làm lâu. Thỉnh thoảng lúc tĩnh mạch, cũng nhớ nhà, nhưng mà lại khuây ngay. Vả lần lần nó cũng quen, chẳng mấy lâu tới Pháp, lại chẳng mấy lâu mà lại trở về nhà.

Mùng 1-4 (tức mùng năm ta, 5 giờ chiều)

Nóng quá. Bây giờ mát mới lên ngồi viết được.

Thế nào ? Tết mùng 3, bánh trôi chay có để dành cho mõ không ?

Mõ có lời hỏi thăm tất cả các bà con.

Chú Nhượng và chú Cần có ngoan không ? Các chú làm những trò gì ? Cô Thuận và cô Tý có ngoan chẳng ? Nói chuyện họ cho tôi nghe.

Sớm mai chừng 6 giờ, sẽ tới Singapore, nhưng muốn chừng tàu đi ngay. Vậy nếu không kịp lên bộ, thì tôi bỏ thư này ở dưới tàu, mà không mua được cartes postales gửi cho con.

Sáng hôm nay, Đễ Dũng biết tôi cũng đi tàu này, cố ý đi kiếm tôi cho được. Tôi đang ngồi nói chuyện với một người Tây, thì va lại, rồi ngồi nói chuyện mãi với tôi, có đưa tôi lại chào

người vợ, người này con nhà giàu nứt đổ, biết tiếng Anh, tiếng Pháp, có đi học ở Hương-cảng, nay sang Pháp du lịch. Cậu Dũng là anh chuột sa vào chính gạo. Thôi, cũng mừng cho anh được chỗ nhiều của mà tiêu sài cho sướng cái thân.

Thế là đi được một tuần lễ tròn rồi.

Tàu này đi mau : từ Hải-phòng đến Saigon đúng 60 giờ (đi thẳng, không ghé Quảng nam), ở Saigon nghỉ 60 giờ.

Từ Saigon đến Singapore chừng 48 giờ. Cả thảy, bảy ngày và một ngày ở Hải-phòng. Thế là gói ghém tám ngày rồi.

Mau quá ! Tôi cứ tưởng ở Hà-nội đi hôm qua...

Bề đẹp quá, phẳng lì, như một tấm thảm xanh. Mặt trời chiếu xuống long lanh như kim cương vậy. Tôi chỉ ăn cả ngày, thuốc tể vẫn còn bỏ đó, chưa dùng đến. Người xem chừng khoẻ mạnh. Trán và má đã thấy hơi bóng nhoáng...

Chữ tài, chữ tai

Kiểm điểm và suy cứu những tài liệu của Phạm Duy trao cho, tôi thấy rằng Phạm Duy Tồn có nhiều chất « làm báo » hơn là « văn sĩ ». Những bài như « Sống chết mặc bay », « May cho ta » « Ở bề » và ngay cả những truyện viết trong ba tập « Tiểu lâm Quảng ký », đều là những bài có tính cách báo hơn văn.

Một bức thư viết tại Hà-nội, ngày 23 tháng 5 d.l. 1906, của một người bạn Pháp tông sự tại Ngân-hàng Đông-dương tên là Guiton gửi cho cụ Nguyễn Văn Vĩnh chứng tỏ sự kiện trên, đồng thời, cho ta thấy đời Phạm Duy Tồn không sung sướng về nghề báo (cũng như nghề văn).

Thư này viết bằng chữ Pháp, gửi cho Nguyễn Văn Vĩnh, nói về Phạm Duy Tồn. Chúng tôi xin dịch những đoạn chính yếu dưới đây :

« Vĩnh thân mến,

...Bạn Tồn của chúng ta thật đáng buồn. Chung quanh anh ấy, toàn là những người không hiểu nổi anh. Điều đáng buồn hơn là họ lại không có thiện ý tìm hiểu anh, có khi trái lại là khác. Tôi đã cố gắng nâng cao tinh thần của anh lên, nhưng chính tôi cũng đã có nhiều mối lo buồn (mà những điều lo buồn này không phải không quan trọng, thành thử hai đứa chúng tôi rất thấm sâu.)

Những người không chịu hòa mình vào đám thể nhân tầm thường, đám thể nhân vô tình, đi theo con đường đã vạch sẵn từ trước và không có cá tính thường vẫn gặp nghịch cảnh như vậy đó. Thành ra họ thất vọng, quau cọ, bất mãn, những người ở chung quanh cần phải nâng đỡ họ, giúp đỡ họ, yêu thương họ. Ở bất cứ nước nào cũng vậy, tại sao ở nước Annam lại khác ?

Nhưng ở giữa sự thất vọng mà Tồn và tôi đang đắm chìm, có một điều đầu sao cũng đánh thức lòng thiết tha của tôi : đó là vấn đề nhân đạo, đó là vấn đề công bình xã hội loài người — bởi vì tôi không tin tưởng nơi công bình ở trên thiên đường.

Và Tồn nhiều lần nói với tôi về những dự án mà anh hằng ấp ủ. Hôm nay tôi xin đề cập đến một dự án đó vì tôi nghĩ rằng có thể thực hiện được.

Một tờ nhật báo, cho người Annam. Không phải một thứ báo như « Đại Việt tân báo », đã đành như thế ; nhưng là một tờ báo tự do hoàn toàn không bị ràng buộc gì về chánh trị hành chánh, một tờ báo tự lực cánh sinh, một tờ báo độc lập do người Annam viết, nhưng có một chủ nhiệm Pháp bảo trợ để « chơi lại » tờ « Avenir du Tonkin ».

Đồng thời, ta có thể cho xuất bản những sách phiên dịch và nhiều thứ khác nữa. Tôi đã đề nghị với anh Tồn một kế hoạch rộng rãi mà theo ý tôi có thể làm cho công cuộc của chúng ta mỗi ngày mỗi lớn mạnh hơn, phần thịnh hơn.

Tôi có một ít bạn bè có thể tiếp tay chúng ta ; tôi cũng đã giới thiệu với Tồn hai ba người Pháp có thiện chí, sẵn sàng giúp đỡ anh. Đây là bước đầu. Nhưng về việc đó, chúng ta còn phải thảo luận nhiều và tôi sẽ viết cho anh một thư dài về vấn đề này... »

Qua các tài liệu, mà bức thư trên đây là một, ta thấy rằng Phạm Duy Tồn thiết tha với nghề báo và nếu cần lập một bảng « tiền phong của nghề báo ở Việt Nam », người ta không có quyền quên tên Phạm Duy Tồn, một nhà văn hiện thực lớp đầu, một cây cười nổi tiếng mà cũng là một ngòi bút phóng thế rất mới, mở đầu cho một thể văn bây giờ ta gọi là « Phim hàng ngày » mà « tổ sư bỏ đề » là Clément Vautel và De Lafouchardière.

Vướng vào cái nghiệp ấy, Phạm Duy Tồn không thoát được công lệ mà Ô. Guiton đã phải hạ bút viết : « *Notre pauvre ami Tồn est bien malheureux* » ; và ta cũng không lấy làm lạ chính con trai cụ bây giờ là Phạm Duy cũng phải phàn nàn mà hạ danh từ « *inadapté* » và thương cho bà mẫu suốt đời chỉ lo trả nợ cho chồng, vì chồng « không chịu hòa mình vào hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ ».

Như thế, hay hay dở ? Chúng tôi không phê phán, xin nhường quyền ấy cho bạn đọc.

VŨ BẮNG

SÁCH SÁNG-TẠO

(Ba tác phẩm, một niềm tin

● **Đọc**

Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng

của Doãn Quốc Sỹ

(Ca dao Nhi đồng — Ngụ ngôn — Thần thoại Ấn độ — Thần thoại Việt Nam và Trung hoa)

để gìn giữ niềm tin tươi mát của tuổi ấu thơ.

● **Đọc :**

SÀU MÂY

truyện dài của Doãn Quốc Sỹ

để tôi luyện một niềm tin sắt đá mà nhịp nhàng uyển chuyển của bốn mùa luân lưu.

● **Đọc :**

VÀO THIÊN

tập giai thoại tùy bút của Doãn Quốc Sỹ

để giữ cho niềm tin bất biến như ngọc thiên trên núi mà màu vẫn nhuận, sen nở trong lò mà sắc thường tươi.

Chân dung PHẠM DUY TỐN

Chúng tôi lục đăng dưới đây một số bài báo xưa, được viết ngay sau khi Phạm Duy Tốn vừa tạ thế, trong ý hướng nhằm cung cấp cho bạn đọc, — nhất là các nhà khảo về văn học — thêm một ít tài liệu tham khảo.

Tòa-soạn VĂN

Một tin buồn trong báo giới

Bản quán lấy làm buồn rầu báo tin cho độc giả biết rằng ông Phạm Duy Tốn đã tạ thế hồi sáu giờ sáng hôm nay !

Ông Tốn là một nhà tân học uyên thâm, trước làm việc nhà nước, sau ra viết báo Đồng-dương Tạp-chí, Trung Bắc Tân-văn, sau lại vào làm chủ bút báo Lục-tỉnh Tân-văn trong Nam-kỳ được một độ, sau làm nghị viên tư vấn Bắc-kỳ, làm hội viên thành phố Hà-nội, hồi năm kia được nghị viên cử như Tây đến tháng Avril năm ngoái thì giúp việc Bản-quán.

Ông thiên tính khảng khái trực triệt, đối với đồng bào tổ quốc ông chan chứa tấm nhiệt thành, tuy vì buổi đời đen bạc, con tạo đành hanh, làm cho ông nhiều phen gian nan nguy hiểm, lại bó buộc vì một chữ nghèo, song cái nhiệt thành ông không khi nào nguội, cái khí khái ông không lúc nào lùi, kim tiền và thế lực, ông coi khinh như cỏ rác vậy. Ông thường nói : « Ôi nghèo thì nghèo chứ không khi nào đem chữ ái quốc làm món hàng buôn. » Mấy tháng trước, anh em vào thăm ông, da xanh như lá,

vóc gầy như mai, đầu hoa lõm dóm, hơi thở hỗn hển, mà mắt vẫn sáng như sao mai, miệng vẫn tươi như hoa nở, khoa chân khoa tay nói truyện quốc kể dân sinh, nhân tình thế thái. Hỏi đến bệnh thì ông cười nói rằng : « Chỉ có một chết chứ còn gì nữa. Tôi đã biết chết từ mấy năm trước, chứng bệnh này là chứng không chữa được. Nhưng tôi, cái chết tôi không mong mà cũng không sợ, cơm ăn thì ăn, thuốc uống thì uống, nó chết bao giờ thì nó chết. » Nghe những câu ông nói đủ biết cái tinh thần ông không hề mỏi mệt, mà cái khí khái, cái nhiệt thành của ông thực có chỗ hơn người vậy. Vì thế cho nên ông phát ra văn chương cũng sốt sắng và hùng kính khác thường. Ông không có những văn phóng phiếm phù hoa, đối đáp tiêu xảo, nhời kêu mà ý tưởng chẳng có gì. Nay rở những bài của ông trong các báo mà xem, nhiều bài còn thấy nhiệt huyết lâm ly, cái tính cách lãng tăng hình như dừng được ở trên tờ giấy.

Khi bản báo chủ nhiệm mới nhận chức trách được mấy hôm trong một buổi tiếp truyện ông và nói qua cho ông biết cái chương trình mới định cho tờ báo thì ông rất ý hợp tâm đầu và hứa sẽ hết sức giúp cho tờ Dân báo này là tờ báo thứ nhất của dân ta nguyên vẫn là dân văn hiến đã mấy nghìn năm nay, sẽ được chen vai với các Dân báo ở hoàn cầu mà rờ rở ở góc Giới Nam để làm trọn được cái nhiệm vụ nặng nề mà bản báo đảm đang bây giờ, miễn là được toại cái chí nguyện sinh bình, còn sự thù lao gặp sao hay vậy. Tuy ông xét mình từ khi sang Pháp về bệnh cũ lại phát, nhưng ông cũng không quản ngại. Cái lòng tốt của ông đáng quý biết chừng nào ! Dè đâu, ông giúp việc Bản quán vừa hai tháng tròn, mà cái bệnh cũ của ông nó cứ chiến miên không dứt, khiến ông không làm trọn được chương trình, cái chí nguyện của ông chưa thi thố được mấy chút, ông đã phải nghỉ việc từ tháng Juin 1923. Từ bấy đến nay Bản quán đề huyền địa vị của ông, cũng tưởng đau chóng đỡ chầy, một ngày kia ông lành mạnh lại giúp việc Bản quán để làm trọn cái chí nguyện của ông, cùng anh em trong làng báo cùng gánh gạch nung vôi cùng xây đắp cái nền quốc văn cho đến ngày thành lập (theo như ông nói). Nào ngờ thần chết độc địa đã cướp ông đi rồi ! Đó không những là một tin buồn cho Bản quán mà là tin buồn chung cho báo giới vậy !

Ôi ! Núi Nùng sông Nhị, khí thiêng đúc lại một người ; nước
Nhược non Bồng, cội lạc trông với muôn dặm ! văn đàn bất hủ,
người đã trảng từ, giấy ngấn tình dài, mây bay nước chảy ! ô hô !
.....

(Thực Nghiệp Dân Báo, năm thứ năm,
số 1004, thứ hai 25 Février 1924)

Một tin buồn trong báo giới

Ông Phạm-duy-Tôn tạ thế

Bản quán rất lấy làm đau đớn mà báo cáo cùng các bạn đọc
báo biết rằng ông Phạm-duy-Tôn vừa tạ trần sáng hôm nay tại quí
xá phố hàng Dầu (rue Fellonneau) số 54. Năm nay ông vừa 42 tuổi.

Ông Tôn khi mới tốt nghiệp trường Thông-ngôn ở Yên-phụ
năm 1901 thì bổ làm thông ngôn ngạch tòa sứ Ninh-bình, rồi dời
sang Thị-cầu (tòa sứ Bắc-ninh). Ngay lúc bấy giờ ông đã nổi tiếng
là một tay thông ngôn có đặc sắc và bắt đầu kết bạn với ông
Nguyễn-văn-Vĩnh, bản báo chủ nhiệm, lúc đó cùng làm thông ngôn
một tòa.

Vì sự học thức tảo thành của ông mà lúc bấy giờ được quan
trên tin dùng lắm. Cứ như cái địa vị của ông và học thức của
ông thời bấy giờ thì giá ở người khác ắt có thể làm nên phú quí
lắm, nhưng cái chí khí cao thượng, cái tâm huyết hăng hái của
ông, không hám về đường công danh phú quí như ai, cho nên
dù được tin dùng thế nào mặc lòng, ông cũng xin từ chức mà
vào làm biên tập trong *Đại Việt tân báo* là cái báo quốc văn ra
đời trước nhất tại xứ ta. Vậy thì trong làng báo, cùng với bản
báo chủ nhiệm, ông là người vào làng trước nhất vậy. Khi
báo *Đại Việt* bế quán thì ông Tôn vào làm tại Đông-dương ngân
hàng, tuy lúc bấy giờ tiền lương đã được cao lắm mà ông lại từ
việc về làm đốc học trường Trí Trí trong khoảng năm 1907-1908
là lúc cái nền tân học của ta đang bắt đầu gây dựng. Khi mở *Đại*
học đường ở Đồn-thủy thì ông có theo học cùng với ông Phạm

Xuân Tuyết mà chúng ta khóc chưa ráo nước mắt và mấy ông nữa đã nổi tiếng là tay học cứng lắm. Khi bản báo chủ nhiệm mở tờ báo Pháp văn *Notre Journal* sau cải thành tạp chí *Notre Revue* thì ông Tồn lại bỏ nghề gõ đầu trẻ mà làm trợ bút cho báo ấy.

Sau khi *Notre Revue* đóng cửa rồi thì ông lại vào làm thu ký cho Đông-dương ngân hàng ở Mông-tự trong ít lâu.

Đến năm 1913, khi mở *Đông-dương tạp-chí* thì ông ở Mông-tự có gửi nhiều bài về đăng báo, rồi sau ông lại từ hẵn Mông-tự mà về giúp một tay trong bộ biên tập báo *Đông-dương tạp-chí*. *Trung Bắc tân văn* và *Công-thị báo*. Ngoài những bài xã thuyết có giá trị của ông, thì ông lại sở trường nhất về lối Hải văn và Đoàn thiên tiểu thuyết là hai mục ông đã gây ra trước nhất trong báo giới vậy. Trong khi đó, cụ F. H. Schneider là nhà sáng lập ra bản quán đã rõ cái tài của ông, cho nên liền cử ông vào chủ trương báo *Lục-tỉnh tân-văn* trong Lục tỉnh, thì được công chúng hoan nghênh và ngợi khen văn báo của ông lắm. Nhưng cái sức lực của ông trong lúc bình sinh thường yếu luôn, cái nghị lực, cái chí quả quyết của ông càng mạnh bao nhiêu thì cái sức lực của ông xem ra lại càng yếu đi bấy nhiêu, bình như con Tào ghen ghét chỉ những người có tinh thần mạnh mẽ vậy. Vì thế mà ở trong *Lục-tỉnh* được ít lâu, ông lại trở về Hà-nội giữ chức tổng thư ký trong bộ Biên tập *Học-báo*. Sau vì yếu quá mà ông phải xin tạm nghỉ cho được tỉnh dưỡng.

Ấy công nghiệp của ông Phạm-duy-Tồn ở trong Học giới và Báo giới thì đại lược như thế.

Về đường kinh tế thì ông có mở một cửa hàng *Tán-nam-lâu* là cửa hàng khách sạn của người Việt-Nam ta mới có là một; ngày ấy là ngày vào khoảng năm 1908 giữa là lúc cái phong trào khai thương ở xứ ta mới nhóm lên. Cánh nam nhi học thức mình mới thoát tỉnh cái giấc mộng hư vãn mà không cho việc buôn là tiện nghệ; trong cánh đó thì ông có thể kể vào một tay kiện tướng tiên phong vậy. Mấy năm sau ông lại có mở một cửa hàng buôn đồ vàng bạc, tức là cái cửa hàng *Nam-bảo* đã có tiếng mà rồi ông để lại cho một bạn đồng bang kế nghiệp, nay vẫn còn phát đạt vững bền. Ông vốn không phải là nhà buôn nghề mà cái bảo phụ ông cũng không chỉ ở việc buôn; sự khai thương của

ông cũng vì một cái tân tư tưởng của ông nóng nảy quá nó xui giục ông làm vậy.

Về đường chính trị thì trong mấy năm sau đây ông lại tỏ ra là một tay hùng biện và có lòng nhiệt thành với những việc công ích lắm. Năm 1919 ra ứng cử hội viên thành phố Hà-nội là lần thứ nhất thì ông được trúng cử vào chân thứ hai, ngay sau ông Vĩnh, hết khóa ấy ông lại được công cử luôn khóa nữa. Ở Bắc-kỳ Nghị-viện thì ông có ra một khóa là từ năm 1920 đến 1923 làm đại biểu cho khu thứ ba của thành phố Hà-nội. Trong những khi hội nghị, thì Hội đồng đều phục ông là một ông nghị có tính khái, hay nói thẳng mà bèn được nhiều việc đứng đắn. Năm 1922 khi mở cuộc cuộc đấu xảo Marseille thì ông được cử sang làm đại biểu cho Nghị-viện Bắc-kỳ tại bên Pháp. Vì sức lực ông đã yếu sẵn rồi, không chịu nổi được cái khí hậu bên Tây, cho nên khi trở về sức ông lại kém lắm.

Được một hồi sức đã lại, cho nên ông có vào giúp việc cho tòa báo *Thực-nghiệp* ít ngày, nhưng về sau xem cái lực ông không cường theo với cái tinh thần mà ông phải về nghỉ hẳn.

Ông Tôn nay sớm khuất đi, thật là trong làng báo ta thiệt mất một tay biên tập có giá trị, các hội đồng thiệt mất một nhà nghị luận đứng đắn có công tâm. Nỗi tiếc thương của hết thầy mọi người có quen biết ông và có nghe tiếng ông thật không sao xiết kể vậy.

Than ôi ! nước nhà đương buổi nhu tài, một người có nhiệt thành, có nghị lực, có học thức mà lại là thông tài Âu Á như ông ở vào cái lúc tân cựu giao thời trong nước, nghĩ đến việc gì cũng thấy thiếu người cả thì thật cũng là một hạng nhân tài thiết ứng cho đời, tuổi chưa bao nhiêu mà trời sao vội cướp !

Đến sáng mai, hồi 7 giờ, sẽ làm lễ cất đám, khởi hành từ quí xá phố hàng Dầu, an táng tại địa phận làng Phương-liệt.

Bản quán xin cúi đầu trước linh sàng mà khóc ông và xin quí quyến nhận lấy tấm lòng chia buồn rất thành thiết của bản quán. Ô hô !

(**Trung Bắc Tân Văn**, năm thứ mười hai,
số 2078, thứ hai 25 Février 1924)

Cất đám ông Phạm-duy-Tồn

Hồi 7 giờ sáng hôm nay đã cất đám ông Phạm-duy-Tồn. Linh cữu khởi hành từ phố hàng Dầu là nơi quí xá của ông, đem an táng tại địa phận làng Phương-liệt. Đám làm theo lễ cổ nước nhà, cũng không khác gì các đám khác ; chỉ khác có một vẻ là tang gia không gửi giấy cáo phó mà thân bằng đi đưa đám rất đông. Trong những ông đưa đám sáng hôm nay thì nhớ được (.....) vân vân và các bà đông lắm không nhớ hết được, cùng tất cả đồng nhân bản quán không thiếu một ai.

Trời hôm nay lúc đêm có mưa, trong khi cất đám cũng lún phún mưa xuân, đường lội lậm ướt át quá, mà nơi an táng ông lại cách xa thành phố nhiều, phải đi đường đồng đến hơn 2 kilômètres, vậy mà không ai quản mỗi mệ, ngại bùn lầy, đều lặn lội đến cho được trước linh phần ông, liệng một viên đất trên mồ mà vái một vái cùng ông vĩnh quyết. Vong hồn ông ở dưới suối vàng, thấy như thế chắc cũng lấy làm hả dạ vui lòng, không còn ân hận gì nữa ; chỉ những người đi đưa ông trông thấy hai đứa con nhỏ của ông còn phải dắt phải bồng theo sau linh cữu ông đó mà ai nấy đều cảm động vô cùng, lại ngậm ngùi chạnh nghĩ tới cái tuổi của ông còn đương chưa có bao nhiêu, có tài có học, mà chưa thi thố được thành sự nghiệp gì, thì lại càng xiết bao than tiếc. Hai nhà báo *Thực Nghiệp* và *Trung Bắc* đều không có điều văn đọc tại phần mộ vì đã biết tính ông lúc bình sinh không ưa lối biểu lộ cái cảm tình bằng cách ấy.

Trong những người đi đưa đám ông hôm nay lại có một cậu học sinh mới trạc vào khoảng mười chín đôi mươi mà cũng đã biết kính phục cái tài học, cảm mến cái chí khí của ông, lúc hạ huyết ông, có đứng đọc một bài điệu tang nghe rất cảm động ; coi thế thì biết cái nhân phẩm cùng cái danh vọng ông Tồn ở trong xã hội ta thế nào vậy.

Trong các bức tường liễn của các nhà báo cùng các bằng bối kính viếng ông, bản báo xin lục đăng mấy bức sau đây :

Bức trường của báo Nam-Phong bốn chữ :

Thân tích tư nhân

Bức trường của ông chủ báo Khai hóa cùng ông chủ báo Vệ
nóng bốn chữ :

Văn thụ oanh hoai

Câu liên của nhà báo Thực-nghiệp :

*Phiếm hải tinh già, vạn lý tráng du thành mộng ảo,
Tại nhân nhật sử, bán sinh tâm huyết thượng lâm ly.*

Câu liên của ông (lang) Hoài-đức Nguyễn-quang-Riệu :

*Hào sảng như quân, viêm lãnh thể tinh hà túc quái,
Nó dung tự ngã, tử sinh đề cục bất năng tranh.*

Câu liên của ông Trần-trọng-Kim và ông Bùi-Kỷ :

*Ngã bối diệp thân sinh, thất xích ngang tàng cam tiểu mại,
Cổ nhân hồ cự tử, nhất phần can tĩnh túc tang thương.*

Câu liên của bản báo chủ nhiệm Nguyễn-văn-Vĩnh :

*Lý hãn kết tương tri, trấp dư niên hình ảnh bất ly, ư sự
phủ thời, ư báo quán thời, ư nghị trường thời, tài ư phái bộ thời,
tổng gốc đồng tâm ngôn tại nhĩ.*

*Chi nghiệp vị nhất trụ, bình sinh hữu thần tinh tiếm tán,
Thọ sơn quán khứ, Bưu văn quán khứ, Ích ký quán khứ, kim Thời
mẫn quán khứ, thời gian cao mục lệ tàn huy.*

**(Trung Bắc Tân Văn, năm thứ mười hai,
số 2079, thứ ba 26 Février 1924)**

Cất đám ông Phạm-duy-Tôn

Sáng hôm nay hồi 7 giờ đã cất đám ông Phạm-duy-Tôn an
táng tại địa phận làng Phương-liệt (Hà-đông), đám theo lối ta,
người đi đưa đám rất đông, anh em bạn bè ai cũng ngậm ngùi
có lòng thương tiếc vì ông là một người tính nết thuần cần, giao
du rộng rãi, xưa nay ai cũng có lòng mến yêu.

Nay xin kể qua cái lịch sử của ông : khi mới xuất thân ở trường thông ngôn ra, ông được bổ làm việc vào ngạch tòa Sử Bắc-kỳ, quan trên rất là tin dùng, nhưng ông có chí cao thượng, không ham về sự công danh phú quý. Không được bao lâu, nước ta chính gặp lúc phong trào cải cách, ông xin từ chức về làm báo Đại-việt Tân-báo, kể trong làng báo quốc văn ông cũng là một tay phất cờ đầu vậy. Đến khi nhà báo Đại-việt đóng cửa, ông lại ra làm việc tại nhà Đông-pháp ngân-hàng, nhưng ông vẫn nhiệt thành về sự khai hóa quốc dân, nên ông lại xin thôi việc về làm đốc học trường hội Trí Trí, rồi ông lại giúp việc báo Pháp văn Notre Journal sau đổi tên là Notre Revue. Sau ông lại biên tập các báo Đông-dương tạp-chí, Trung-bắc tân-văn, rồi làm chủ bút báo Lục-tỉnh tân-văn trong Nam-kỳ, rồi lại ra Hanoi biên tập cuốn Học-báo. Từ đó ông vì sức yếu phải nghỉ việc đề tỉnh dưỡng.

Ông lại nhiệt tâm về đường thực tế, ngay hồi 15 năm trở về trước, ông đã đứng mở ra một nhà khách sạn gọi là « Tân-nam lâu ». Mấy năm sau ông lại mở một cửa hàng buôn đồ vàng bạc gọi là hiệu « Nam bảo » trưng ty rượu Sơn-tây và mua đồn điền ở Bắc-ninh hội. Một nhà văn sĩ xưa nay nào biết buôn bán thế nào, mà ông dám quả quyết đảm đương các công việc như vậy, tuy sự kết quả không được hoàn hảo, song cái lòng sốt sắng cái chí cương nghị của ông đối với thương giới nông giới nước nhà cũng đáng khen vậy.

Về đường ngôn luận ông cũng là một tay hùng biện ở chốn nghị trường : Hai khóa ông làm hội viên thành phố Hanoi, rồi lại làm Bắc-kỳ tư-vấn-nghị-viện. Năm 1922 ông đại biểu Bắc-kỳ nghị-viện sang dự cuộc đấu xảo Marseille. Gần đây ông lại vào giúp việc báo Thực-nghiệp, không được bao lâu ông bị bệnh trong mấy tháng nay đến hồi sáng hôm qua thì mất.

Ông thật là một người có công với sự Khai-hóa quốc-dân, nước ta bây giờ đương cần có những người nhiệt thành như thế, ai ngờ trời đã vội cướp ! Tiếc thay !

Bản báo xin có lời kính viếng ông và chia buồn với quý quyến một lần nữa.

(Khai Hóa Nhật Báo, năm thứ tư,
số 778, thứ ba 26 Février 1924)

Đám tang ông Phạm-duy-Tôn

Như nhời bản báo đăng hôm qua, hồi 7 giờ sáng hôm nay đã đưa đám ông Phạm duy Tôn từ nhà số 54 phố Hàng Dầu về an táng tại làng Phương-liệt (Hà-đông).

Tuy giờ mưa đường lội, mà các bà con bạn hữu đi đưa đám rất đông.

Câu đối phúng cũng nhiều, các báo quán (Nam Phong, Trung Bắc, Khai Hóa và bản quán) đều có cả.

Khi hạ huyết, có ông Khách Hà cự Môn là bạn hàng của bản quán đem ba nén hương thắp trước mộ mà viếng ông Tôn ; nguyên ông Hà cự Môn không phải là bạn ông Tôn, chỉ vì tối hôm qua đến chơi bản quán, thấy nói chuyện vãn ông Tôn, đem lòng hâm mộ, nên sáng hôm nay tiến đưa một cách ân cần ; thế mới biết người Khách cũng chuộng các nhà bình bút trong báo giới lắm. Lại có một ông bạn thiếu niên của ông Tôn là M. Hoàng ngọc Thụ đọc bài điệu tang sau này :

« Ông Tôn ôi ! Trước phần mộ ông cỏ thảm mây sâu, vợ than con khóc, đồng bào thương tiếc, quốc dân hoan nghênh. Thương ôi ! Hồn ông dờn cữu tuyền có thấu tình chẳng nhẽ.

« Nhớ ông xưa tài lãnh đức cả, trí khí hiên ngang, tấm lòng ái quốc, tắc dạ trung trinh, lúc nào cũng tran hòa bao nhiêu nhiệt huyết trên tờ giấy trắng. Than ôi ! Tự nay ông Tôn đã thành người đại cồ, tấm thân hồ hải của ông, bỗng chốc đã vùi sâu một nắm ở nơi bãi cỏ hoa rêu này, mà mảnh hồn đau đớn phiêu lưu của ông đương bay bổng rập rờ trên mấy tầng mây xanh ngắt kia. Thương thay ! Ông Tôn ôi ! Buổi đời này lòng người đen bạc, khi xưa lúc ông còn sống đã biết bao phen ông vượt hiềm qua nguy, lúc ông đập chuộng Lục-Tĩnh, khi ông viết báo Tân-Văn, hồi ông róng mõ Thực-Nghiệp, phen nào ông lại ra ứng cử Nghị-viên, trong mấy lần mà ông đã vượt thác qua đèo ấy, thì đã biết bao nhiêu lần ông vấp ngã khó

khăn, biết bao nhiêu huyết lệ của ông chan chứa vơi đầy, mà lòng kiên cố sắt gang của ông vẫn không hề ngã vấp truyền lay. Quí hóa thay ! Cảm mến thay ! Khi ông còn sống, hằng những lo toan công việc nước nhà, nay ông đã chết, vậy tấm lòng nhiệt huyết của ông xưa hằng những mong mỗi ngày đêm, thì đến nay đều nguội lạnh như đồng, mà dần dần thành đám hắc vân cứ từ từ theo ông về nốt.

« Hỡi vong hồn ông Tôn ôi ! Khi ông mới mắc bệnh, ông cũng đã biết rõ chắc sau ông cũng không có thể ở lại được trốn Hồng-trần này mà lẩn lóc với đời để lo chung với chúng tôi lấy một gánh nặng của giang sơn mà cùng nhau san sẻ, vậy mà ông còn gượng được, tay cầm bút viết thư cho tôi. Ông có dặn đi dặn lại tôi đôi ba phen rằng : Phải nên nhớ cái công ơn của tổ phụ chúng ta khi xưa đã ra công khai hóa mở mang, đến nay là đời chúng ta sinh hạ vào cuộc biến cải tang thương, lòng người cũng sinh ra muông thú, chỉ biết ăn no ngủ kỹ, vậy những hạng người ấy tuyền là quân « giá áo túi cơm » họ chỉ đồ những sự tức bực buồn rầu cho những đấng tiên hiền hàng ngày ở dưới tuổi vàng những khanh khách cười cho cuộc đời giàu bề. Ông lại khuyên tôi đầu còn xanh niên còn trẻ nên luyện trí tập gân để mong sao một ngày kia sẽ trở thành một cột trụ đồng khõe cứng có thể chống được thành cao, giữ được núi đá.

« Vong hồn anh linh của ông Tôn ôi ! trước phần mộ ông, tôi nhắc đọc lại những nhời vàng ngọc của ông di giã, khiến gan héo ruột sầu tôi lại càng ~~tơi~~ ^{bi} rối rít. Tôi xin vâng mà nhận lời ông khuyên dặn ư, hay tôi ngoảnh mặt làm thính, mà phụ lòng ông mong mỗi ư. Khó nghĩ quá !

« Vậy nên tôi tới đây, trước là từ giã nắm đất u sầu mà dưới ba thước vùi sâu một tấm thân vàng ngọc của ông, sau nữa tôi có mấy lời hoan hù than thở cuối cùng với tấm hồn tàn cục của ông dưới mộ phần trước mặt mọi người chứng giám.

« Hỡi mảnh hồn tinh anh của ông Tôn, là đề người thương tiếc cho quốc dân ôi ! Tôi xin thú tội với ông là những nhời của ông khuyên dạy trên kia, chưa chắc tôi đã noi theo được gương ông mà hành động đề vong hồn ông dưới cửu tuyền được thỏa nguyện, tôi cam đắc tội phụ lòng ông mong đợi, phụ nhời ông khuyên bảo. Khi ông còn sống có lòng yên mến đến kẻ hư sinh này, mà lúc ông chết ông chút sạch những công việc lại cho,

thiết tưởng tôi đâu giám nhận những trức chánh to tát ấy được.

« Chỉ xin cầu rằng : từ nay mảnh hồn tàn cục của ông tiêu diêu cực lạc mà an dưỡng nơi chín suối cho được an lành tịnh độ. Còn những nhời châu ngọc của ông khuyên dạy, tôi xin ghi xương tạc cốt.

« Than ôi ! Cuộc đời ngắn ngủi của ông mới ngoài bốn mươi tuổi đã vội quay đầu giở lại non xanh, để lại năm lúa con côi cho người vợ góa ! Thương ôi ! vậy những lúc ông còn sống, ngày đêm mưu nọ tính kia, nào ông đã được gì cho ông thỏa lòng ước muốn. Nay ông đã vội tuổi vàng du ngoạn thế, hỡi vong hồn ông Tồn.

« Ôi ! Từ nay trong gia đình ông, người vợ góa, lũ con côi, ra vào âu sầu thương nhớ vắng ông, ngoài thì xã hội đồng bào than tiếc buồn rầu mất ông. Vậy ông nữ vội từ trần một cách mau chóng chi thế. Ô hô ! Than ôi ! Hỡi vong hồn ông Phạm duy Tồn, tôi xin thay mặt cả những đồng thiếu niên Nam Việt cúi đầu trước mộ phần kính chúc ông trăm năm an giấc. Thương ôi ! »

(Thực Nghiệp Dân Báo, năm thứ năm,
số 1005, thứ ba 26 Février, 1924)

ĐÓN COI :

SỐNG CHỈ MỘT LẦN

truyện dài mới nhất, ưng ý nhất

của MAI-THẢO

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

VŨ BẰNG

Phạm Duy Tồn,
bậc đàn anh trong lối văn hài hước

Đề rồi xem ông Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản « Tân Dân » suy nghiệm có đúng không. Tôi nhớ rõ ràng có một hôm, ông đã nói : « Tôi làm cái nghề xuất bản, chỉ chuyên chú vào văn nghệ không được, mà còn phải nhắm luôn cả về phía thương mại nữa ». Theo ý ông, nói về thương mại là nói tới trào lưu. Mà theo ông sách xuất bản mà theo đúng trào lưu thì chạy — đã đành là trong cái nghĩa « theo đúng trào lưu » ấy, người làm kỹ nghệ sách luôn luôn phải lưu ý tới sự ích lợi, cho nhân dân, phục vụ quyền lợi của dân tộc.

Người ta nghiệm rằng sau mỗi thời kỳ chiến tranh, người đọc sách vì mệt mỏi, vì đau khổ nhiều, không mấy thích thú những cái gì khô khan quá, khó hiểu quá hay đòi hỏi sự suy nghĩ quá nhiều. Nhưng chính trong thời chiến tranh thì người dân cũng vì chán nản, thường lại muốn gác bỏ hết âu lo bằng cách tìm hiểu, tìm học, để mong đem sử dụng cái học, cái biết của mình vào thời hậu chiến. Có lẽ vì thế, trong thời Pháp chân trong, chân ngoài ở Đông-dương, Nhật tới rồi Đồng minh tiến đánh, ở Bắc Việt những báo như « Thanh Nghị », « Trĩ Tân » bàn luận trang nghiêm, chịu khó tìm tòi sưu khảo được nhiều người tìm đọc. Nhưng trước đó, sau thế chiến thứ nhất, tức là vào khoảng từ

1920 đến 1930, người dân lại cảm thấy mệt mỏi, không ưa đọc sách nặng nề mà lại đi tìm những tác phẩm nhẹ, vui để giải trí. Đó là phong trào sách vui của nhà Tân Dân, « Tiểu thuyết thứ năm », « Tiểu thuyết thứ bảy » v.v... đọc tiêu khiển, không đòi hỏi sự suy nghĩ quá nhiều. Mà đó cũng là thời kỳ mà người dân chán nản không muốn nhìn gì hết, nghe gì hết, suy tư gì hết. Người ta đọc truyện tình, truyện cười, truyện kiếm hiệp, truyện võ vắn đề « thoát ly ». Tôi không biết tâm trạng người dân mình hiện nay ra sao nhưng cứ trông vào ngành xuất bản, ai cũng phải nhận rằng ít lâu nay chúng ta cũng đang ở vào một tình trạng na ná thế. Trong khi các sách nghiêm trang, đứng đắn, đưa lý thuyết này ra, chủ thuyết kia ra, thì các sách tiểu thuyết, so về lượng vẫn nhiều hơn, và nếu đề ý hơn một chút thì các sách nói về tương số, bói bài, cũng bán chạy tay hơn, nhất là các sách giải trí, các sách cười, các sách tiểu lâm, kêu là « các sách cấm đàn bà trẻ con đọc » cũng nhiều hơn và được ưa chuộng hơn — vì có cuốn quảng cáo đã in tới lần thứ tư, thứ năm, thứ sáu... Đồng thời, các báo nghiêm trang, đứng đắn hầu hết đều ế ẩm, nhưng trái lại các báo và tạp chí vui cười, trào phúng, hoạt kê lại chạy. Bây giờ mới chỉ có hai tờ, nhưng theo chỗ biết của chúng tôi thì trong một thời gian ngắn còn ba tờ báo nữa vào loại ấy cũng rục rịch ra đời.

Tóm lại ta thấy gì ? Ta thấy là người dân bắt đầu chán những cái gì đứng đắn mà lại thích chữ bới, sỏi móc, cười cợt, vui đùa, giải trí. Đây không phải là chỗ để suy nghĩ xem đó là một điều hay hay dở, nhưng chúng tôi thấy là một dịp để cho chúng ta nhận thức rằng không phải chỉ có văn chương nghiêm trang đứng đắn mới phục vụ được đất nước, nhưng chính văn chương hài hước khi cần có khi cũng có một tác dụng không kém phần hữu ích : Do đó chúng ta không thể cho văn chương hài hước là phiếm, mà chỉ có văn chương nghiêm nghị mới là quan trọng. Đã là văn chương thì bất cứ dưới hình thức nào mà sử dụng đúng thời cơ, đúng phương pháp cũng vẫn có ích như thường. Một lời nói của người xưa xưa đuổi được ba quân thì một câu giễu cợt có khi cũng sửa đổi được phong hóa — điều đó ai cũng biết.

Cười cợt để sửa đổi phong hóa

Có lẽ người nào đó đã lầm khi cho rằng cười cợt là khí giới của kẻ yếu. Nhìn vào lịch sử của tiếng cười trong thế giới, người ta thấy rằng không phải chỉ có kẻ yếu mới cười ! Chính những người gan dạ nhất đã cười khi đã dám đứng ra dùng tiếng cười để giễu một bạo chúa, một hôn quân hay một đệ nhất phu nhân tàn ác. Chính vì nghĩ như thế cho nên hôm nay chúng tôi đưa ra đây một vấn đề : tại sao từ trước đến nay ta chỉ nói đến những văn nhân thi sĩ « đạo mạo, nghiêm trang », mà không bao giờ đặt lên bàn thờ văn nghệ đề sưu khảo, tìm tòi học hỏi về các nhà văn trào phúng, các nhà văn cười, các nhà văn hài hước ?

Thực ra, đặt một vấn đề như thế, có vẻ bao quát quá. Chúng tôi sẽ có dịp nói về ý nghĩa cái cười, ích lợi cái cười, và bộ loại cái cười của một số nước trên thế giới trong một tác phẩm mới hy vọng đầy đủ được ; ở đây, trong phạm vi một bài báo, chúng ta chỉ muốn tìm hiểu và học hỏi về cái cười trong văn chương Việt-nam, trong một phạm vi nhỏ hẹp — nghĩa là trong văn chương tiền chiến. Ở nước ta, nhà văn nào là người đầu tiên đã đem cái cười vào văn chương ? Người nào đã biết sức mạnh và giá trị của tiếng cười ? Người nào đã biết lấy tiếng cười để chế giễu bài bác các xấu xa dơ dáy trong xã hội ?

Trở về thời trước, ta đã biết có những nhà văn nhà thơ cười những tiếng giết người như Nghè Tân, Cao Bá Quát, Ba Giai, Yên Đổ, Tú Xương... làm nên những bài thơ, bài phú, những câu đối. những bài ca trù làm cho người bị giễu cảm gan tím mặt... Nhưng cận đại có những ai ?

Sau Tú Xương, làng văn hài hước của ta vẫn đều đều sản xuất được nhiều tài hoa, nhưng tiếc một nỗi là đa số tác phẩm đều khuyết danh như những thơ như « Bách Thú », « Nước Khe »... Mãi đến thời Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, riêng tôi mới thấy có một cây cười thời đại xuất hiện. Nói ra bây giờ có lẽ nhiều bạn không ngờ, và có nhiều cụ cho rằng nói ra không ích lợi cho ai, nhưng vì vấn đề văn học, tôi tự thấy phải nói ra mà các nhà văn trào phúng, các ký giả chuyên về hài hước có lẽ cũng nên biết vì chúng ta không thể không biết đến một bậc đàn anh đã dẹp đường dọn lối cho ta đi bây giờ, một « lão tổ » đã sớm biết giá trị của tiếng cười và đem tiếng cười ra làm vui thiên hạ, ngay từ

hồi 1915, 1918... Người đó là ai ? Theo chỗ biết của tôi cái cây cười số một cận đại đó chính là cụ Thọ-An.

Thọ-An là ai ? Liên hệ gì với Phạm Duy Khiêm, Phạm Duy Cận, Phạm Duy Nhượng ?

Tôi biết sơ sơ Thạc sĩ Phạm Duy Khiêm lúc tôi làm «Trung Bắc Chủ Nhật», nhưng Phạm Duy Cận tức nhạc sĩ Phạm Duy và anh Phạm Duy Nhượng đối với tôi là chỗ thân tình. Nhưng cho đến lúc anh Nhượng quá cố, và đối với Phạm Duy Khiêm cũng như Phạm Duy Cận, cho đến giờ phút này tôi chưa hề nói về cụ Thọ-An nên không hiểu các anh Khiêm và Cận có biết gì hơn không. Riêng tôi thì biết cụ Thọ-An không ai khác hơn là cụ Phạm Duy 'Tồn, một nhà văn nổi tiếng về một truyện đăng ở «Nam Phong» ngoại nhai «Điếu, mây !» và một bài văn phúng thể nhai đề là «May cho ta !...» đăng ở «Đồng dương Tạp chí». Như các bạn đã biết truyện «Điếu, mây !» viết theo một lối văn hiện thực rất mới, chữ bọn quan lại hạc sách dân đen, đi coi đề, nhưng «Sống chết mặc bay», cứ lo ngồi đánh tài bàn tổ tôm thỉnh thoảng lại bắt lính chằm điệu hút thuốc, thậm chí đến lúc đề vỡ rồi, vẫn không biết, cứ đánh bài và cứ kêu «Điếu, mây !». Còn bài «May cho ta» thì viết theo lối «Phim hàng ngày» của các nhật báo bây giờ ca tụng xỏ người Pháp văn minh chỉ ăn bánh mì thôi, chớ chi mà người Nhật người Tàu đến bảo hộ dân mình, cũng ăn gạo như mình thì cả nước mình chết đói !

Chắc ngoài hai bài đó ra Phạm Duy Tồn còn viết nhiều bài khác, nhưng tôi cũng như phần đông người mình lúc bấy giờ chỉ biết Phạm Duy Tồn qua hai bài ấy, chứ không mấy ai biết rằng người đầu tiên có sáng kiến gom góp các chuyện cười «đặc biệt Việt nam» lại để giải trí cho người ta và làm tài liệu cho ngoại quốc biết cái cười của người Việt ra sao chính là Phạm Duy Tồn. Sự việc này, có những bậc lão thành năm nay bảy tám mươi, cũng không biết tới, dù rằng người nào — nhất là ở Bắc — cũng đã một vài lần đọc ba tập «Tiểu lâm Quảng ký» mà tên tác giả là Thọ-An.

Đọc «Tiểu lâm» hồi ấy, nhiều bậc đạo đức phải giấu giếm vì bị coi là tục tĩu, nhưng thực ra thì hầu hết đều đọc vì ai cũng

thầy bói ăn bánh rán », « Úm ba la, ba ta cùng khối » hoặc « Ông thầy treo mắt ngược » nhưng các truyện sưu tầm đã biên soạn được hết sức rõ rệt ý nghĩa tiếng cười của người Việt Nam, ngoài thì hời hợt mà thực thì sâu sắc, có tục có thanh, nhưng dù sao cũng không tục tĩu và phi luân lý như nhiều truyện tiểu lâm khác của một vài nước trên thế giới...

Đến bây giờ đọc lại ba tập ấy, các bạn cũng phải nhận như tôi là văn của cụ Tồn rất đậm đà, có duyên, viết không thừa chữ mà lại biết nhấn mạnh những điểm nực cười, cho đến bây giờ chưa chắc đã có người nào thuật lại chuyện tiểu lâm hay hơn thế. Cụ đạt được kết quả như thế có lẽ là vì cụ sớm giác ngộ lại thêm một khối óc thông minh hơn người, đã am hiểu Nho học lại ảnh hưởng thêm Tây học. Cũng như Phạm Duy Khiêm và Phạm Duy Nhuận, cụ Phạm Duy Tồn người cao dong dỏng, mới trông như ba Tàu, tóc bông bênh, bù xù, ít khi chải cẩn thận, đeo kiếng trắng, mắt lim dim lúc nào cũng như buồn ngủ, cười nửa miệng, trông đẹp và có duyên. Thường thường, nói chuyện với ai cụ cũng thọc hai tay vào túi quần.

Một phần lớn thuở thiếu thời cụ sống ở miền Nam, viết bài cho « Đông Pháp Thời báo », « Lục tỉnh Tân văn ». Đến khi ra Bắc, cụ đứng vào nhóm Nguyễn Văn Vĩnh, và đã thủ một vai quan trọng trong vụ tẩy chay người Tàu do Nguyễn Văn Vĩnh đề xướng từng làm cho ba Tàu ở Hà-nội thất điên bát đảo. Bây giờ, các cụ đồng tuế với cụ Phạm Duy Tồn, như bác sĩ Nguyễn Bá Tung, hãy còn nhớ trong những ngày sôi nổi ấy, Phạm Duy Tồn đã đứng trước cửa tiệm vàng bạc Nam Bảo phố Hàng Đào chỉ huy thanh niên chống lại « đội xếp » đàn áp các người biểu tình « tẩy chay Hoa kiều ăn cơm gạo của ta béo mập rồi lại quay lại khinh bỉ dân ta bóc lột dân ta » và cũng chính Phạm Duy Tồn đã can đảm ra giảng co với « đội xếp tây và đội xếp ta » để cứu Mãn-Châu Nguyễn Mạnh Bông (sau này là chủ nhà xuất bản Hương Sơn, anh rể Hán-Thu Nguyễn Tiến Lãng) lúc đó là một cán bộ hăng say nhất trong phong trào tẩy chay Hoa kiều.

Tiệm vàng Nam Bảo là một tiệm buôn do cụ Tồn lập ra để sống một cách tự do trong khi cụ vẫn viết báo và viết sách. Những khi nào rảnh rỗi, cụ đi chơi chỗ này chỗ kia, không chịt làm việc với Tây, không chịu quy lụy ai, bất cứ quan lại Annapam nào cụ cũng kêu là « thằng ». Trong thời kỳ ấy, cụ thường năng

đi lại đàm đạo thể sự nhân tình với các cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Bá Tung... và mỗi tuần các cụ lại một lần ăn cơm tây ở trên gác sân căn nhà số 34 Hàng Vải Thâm (Hà-nội) tức là nhà cụ Vĩnh, ở với cụ bà Suzanne, (còn căn nhà ở 10 Général Bichot tại Đường Thành, gần trại lính thì là nhà cụ Vĩnh lớn). Cũng trong thời kỳ này các cụ vẫn có tin tức với hải ngoại và có người đã thấy ở trong thư viện của cụ Vĩnh ở tại số nhà nói trên, có những bức thư của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh gửi chuyển tay về nước.

Mở tiệm kim hoàn Nam Bảo ở Hàng Đào, cụ Phạm Duy Tốn đã khéo áp dụng cái cười để quảng cáo cho cửa tiệm. Riêng về cách quảng cáo ấy cũng hết sức mới, so với lúc bấy giờ. Nhờ tài khéo ăn khéo nói, cụ thuyết phục được các đào kép rạp Quảng Lạc quảng cáo cho tiệm vàng của cụ, vì thế cho nên có nhiều lần người ta thấy đào Cường và đào Đinh đóng tuồng «Nhất bộ nhất bài Phàn Lê Huê» và «Quan Công phò Nhị tâu», giờ tay lên trời nói một câu rất trơ mà cũng rất công hiệu : «Ra hiệu Nam Bảo mua vàng đeo tay». Lại một chuyện khác liên quan đến việc quảng cáo cho tiệm vàng Nam Bảo. Thuở ấy, ở trên các đường phố Hà thành, có những người Cao-ly mang những tấm thảm và da beo ở tay, vừa đi vừa kêu một thứ tiếng khó hiểu tựa như «Nằm phổ». Ai cũng muốn biết «Nằm phổ» là cái gì. Thì cụ Tốn đạo mạo giải thích như sau :

« Có thể mà không biết ! Người ta nói tắt đấy. Cả câu như thế này «Nằm phổ tố hảo», nghĩa là tiếng Cao-ly họ bảo : «Nam Bảo tố hảo», tức là vàng nhà Nam Bảo tốt lắm, tiệm vàng Nam Bảo tố hảo, cơ ơ bơ ! »

Các cụ bạn của Phạm Duy Tốn đều chịu cụ Tốn là người thông minh, mau trí. Cụ viết cũng mau, làm thơ rất lạ, bây giờ các cụ như bác sĩ Tung còn nhớ có một lần ăn sinh nhật báo «Đông-dương Tạp chí», cụ Tốn vừa nói chuyện vừa làm một bài thơ khôi hài rất hay, nhưng tiếc vì tài liệu mất mát nên chỉ còn nhớ có câu đầu :

«*Ủa này, sinh nhật báo Đông Dương !*»

Những truyện ngắn như «Sống chết mặc bay» và «phim» như «May cho ta» cụ viết cũng mau lạ lắm và tài một cái là những danh từ, hình ảnh cụ dùng rất hay và rất mới. Thí dụ : đi hót

tóc, cụ ví tiếng kéo lách cách tĩa tóc như tiếng chim hót và ví mặt người uống rượu đỏ gay như mặt... Ai cũng cho là cụ nói tục. Cụ cười mà bảo : « Rõ các ông này bậy quá ! Đề cho người ta ví cho hết câu đã nào. Tôi ví mặt người say rượu đỏ như mặt... trời, có gì là bậy đâu mà các cụ làm ầm lên thế ! »

Những cây cười cùng lớp với Phạm Duy Tốn

Lúc ấy, cụ Phạm Duy Tốn cũng có viết bài cho « Trung Bắc Tân văn », nhưng mục « Hải đàm » thì lại do hai cụ Hyf Dinhf Nguyễnw Van Tooì và Sơn-Phong giữ. Lúc ấy Sơn-Phong và Hi-Đình đi đôi với nhau, ngày nào cũng có một mẫu hải đàm đăng trang nhất, phần nhiều kết bằng bốn câu thơ.

Hải đàm của Hi-Đình Nguyễn Văn Tỏi, Sơn-Phong khác hẳn loại tiểu lâm của Phạm Duy Tốn. Về sau này, nói đến hải đàm của Hi-Đình và Sơn-Phong, báo « Phong Hóa » giễu là « nhạt như nước ốc » nhưng thực ra hồi đó các bậc nho học lão thành thích thú hết sức và cho là sâu sắc tế nhị vô cùng. Chúng tôi rất tiếc không giữ lại được những bài ấy để in thành sách cống hiến cho bạn đọc, chớ chi nếu làm được như vậy thì chúng ta cũng có một tài liệu quý giá về một loại hải đàm tế nhị và sâu sắc đánh dấu một thời kỳ nhà nho chơi chữ chữ tây và chữ quan.

Hi-Đình và Sơn-Phong là ai ? Hi-Đình, viết theo chữ quốc ngữ mới của cụ Nguyễn Văn Vĩnh là Hif Dinhf ký tên là Nguyễn Văn Tỏi, thực ra là cụ Tú tài Nguyễn Đỗ Mục, một nhà nho nổi tiếng về tài dịch những tiểu thuyết Tàu như « Tam Quốc », « Đông Chu », « Thuyền tình bẽ ai », « Đốt cháy chùa Hồng Liên », « Liều trai chí dị ». Vì sau khi « Trung Bắc » đóng cửa, cụ Tú Mục sang dịch sách cho nhà Tân Dân, tôi được gần cụ đến lúc cụ mất. Mặc dầu lúc ấy có tuổi và đã yếu lắm, mỗi tháng cụ cũng từ Mọc ra thăm tôi một lần, trò chuyện về thiên hạ sự và dạy bảo tôi. Cụ được gần cụ, mới biết cụ là một tay thâm nho « phờ-lếch không chịu được » đúng là một thứ « cù không cười », chuyện trò to nhỏ càng ngấm nghĩ càng buồn cười. Cụ ưa nói nhiều chuyện tiểu lâm liên quan đến các sư nam, sư nữ và bọn quan liêu, thầy nho thầy lại. Còn Sơn-Phong, tên thực là Bùi Đức Long thì nguyên là mộ y sĩ, cũng cười theo cái lối Hi-Đình, ngồi nói chuyện tử tế

nghiêm trang, tự nhiên đề vào một chuyện cười rất xỏ xiên, kiểu « *ông sư lên đàn móng sơn ỉa ra đấy, vãi ra đấy* » mà chính cụ thì lại không nhếch mép. Không có gì làm cho cụ cười, có lẽ là vì chính đời tình ái của cụ đã là một cái cười không lồ rồi chăng ?

Nguyên cụ Sơn-Phong Bùi Đức Long làm bạn với một cụ bà so với thời ấy thì được kể là « *mô-đéc* » nhất. Cụ bà ghen có tiếng, gần vật cụ ông đủ tình đủ tội làm cho cụ ông ra ngoài pha trò vui tính thế mà về đến nhà thì mặt ủ mày chau như phải trèo lên đỉnh núi Con Ve vậy.

Cụ Bùi Đức Long tức quá mới tìm cách dĩ độc trị độc: « *Ờ, bà mày đã hay ghen như thế, ta cho biết tay !* » Bèn lấy ngay một bà hai, cho mà biết ! Bà hai là một người Thổ. Chẳng ngờ hai bà này lại « *hợp quần thành sức mạnh* » càng làm khổ ông hơn, cảm đoán đủ mọi thứ, ông lại « *dĩ độc trị độc nữa* » lấy luôn một bà ba người Mường ! « *Bà cả, bà hai, bà ba, ba bà cùng là vợ cả* », cụ Long nghĩ bụng, định « *dĩ độc trị độc* » nữa, nhưng anh em vừa kịp ngăn cản lại :

« Anh mà dĩ độc trị độc nữa thì người chỉ bằng cái tấm ! »

Cụ Bùi Đức Long đành phải nghe lời bạn, đóng cửa lại « *nhằm chuông trâu* » viết sách khảo cứu về hát chèo và lấy rượu và thuốc phiện làm thú khiển hưng trong những ngày tàn bóng xế.

Ngoài Hi-Đình và Sơn-Phong ra, trong bảng các cây cười tiền chiến, đàn anh của các thi sĩ hoạt kê trào phúng như Cuồng-Sỹ Tạ Mạnh Khải, Tú-Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Đồ-Phồn Bùi Huy Phồn và các trạng như Trạng Mút, Trạng Hút, Trạng Hít và các tú như Tú Phe, Tú Suýt, v.v... chúng ta không thể quên được một cây cười nữa là Kim-Xuyên Trần Vương, và Yên-Son Nguyễn Đình Quế tác giả nhiều tập văn cười do nhà Tân Dân (lúc ấy mới ra đời ở Hàng Bông cửa Nam) xuất bản.

Thực ra, những cây cười tiền chiến kể ra như thế không đủ một phần nào, bởi vì trong mỗi nhà văn đứng đắn vẫn có một cây cười tiềm tàng ở bên trong ? Ai đạo mạo bằng cụ Phó bảng Hoàng Tăng Bí (tức là cụ thân ra ông Hoàng Minh Giám đã có một thời làm Bộ trưởng Văn hóa và Bộ trưởng Ngoại giao ở Bắc Việt) ? Cụ nổi tiếng là nhà xã thuyết đạo đức nhất của báo « *Trung Bắc Tân văn* » thời bấy giờ, ấy vậy mà cười cợt cũng vào hạng « *không chê được* ». Cụ có cái tính hay « *đố* » anh em. Gặp lúc trà dư tửu hậu, gió mát trăng thanh, cụ đố đông đảo anh em :

— Tôi đổ ai mời tôi lên Đông Hưng Viên nhậm xà.

— Dạ cái gì chứ cái ấy thì được quá. Mời cụ.

Nhậm xà xong, cụ lại đổ :

— Tôi đổ ai ra hàng Buồm mua biếu tôi một bao trà thật ngon.

Anh em lại nói :

— Dạ, vui lòng.

Có trà rồi, cụ lại đổ :

— Tôi đổ ai dám mời tôi đi ăn một bữa cơm tây.

— Xin bằng lòng. Rước cụ đi ngay bây giờ.

Ăn cơm xong, cụ lại đổ :

— Tôi đổ ai thuê xe giờ cho tôi đi chơi.

— Tưởng là gì chứ cái ấy thì không khó.

Ngồi xe giờ đi chơi chán, cụ lại đổ :

— Đổ ai mời tôi đi nghe hát cô đầu !

Anh em lại xin vâng.

Nghe hát một lúc, cụ lại đổ :

— Tôi đổ cụ nào bảo bà chủ vào quạt màn giải chiếu cho tôi !

Cụ Nguyễn Bá Tụng (bác sĩ, hiện còn sống) giờ tay :

— Tôi xin nhận câu đổ ấy. Nhưng thưa cụ, cụ đổ nhiều quá rồi, xin cho đổ lại cụ một câu, chẳng biết cụ có cho phép hay không ?

— Sẵn lòng.

— Tôi đổ cụ nghe hát xong rồi, cụ dắt chúng tôi về nhà gặp cụ bà.

— Ờ, đề làm gì vậy ?

— Đề đổ cụ có dám cho chúng tôi trình với cụ bà là cụ vừa nằm với Đào Huệ không ?

Tức thì cụ Phó bẻ gãy Hoàng mất vui :

— Ấy tưởng gì chứ cái ấy thì đừng có gập. Đề mai, tôi mua hụi gập trả lại hết tiền cho các ông, chứ các ông mà bảo bà nhà tôi như thế thì tôi chết bỏ bà nhà tôi !

VŨ BẮNG

PHẠM DUY TỐN

nhìn bởi...

DƯƠNG QUẢNG HÀM:

Phạm Duy Tốn (1883-1924) : sau khi tốt nghiệp ở trường Thông-ngôn Hà-nội năm 1901, được bổ vào ngạch thông ngôn tòa sứ Bắc-kỳ ; được ít lâu, ông từ chức về viết báo và doanh nghiệp. Ông là một bậc kỳ cựu trong làng báo, từng giúp việc biên tập cho nhiều báo (như Đại-Việt Tân báo, Đông-dương Tạp-chí, Trung-bắc Tân-văn, Lục-tỉnh Tân-văn), có viết nhiều bài luận thuyết và sở trường về lối hài văn và đoản thiên tiểu thuyết.

(trong « Việt-nam Văn-học Sử-yếu »,
Bộ Giáo-dục xb, Sài-gòn 1968, tr. 425)

NGUYỄN VĂN CỒN :

Phạm Duy Tốn (1883-1924). Sau khi tốt nghiệp ở trường Thông-ngôn Hà-nội năm 1901, ông được bổ vào ngạch thông ngôn tòa Sứ Bắc-bộ. Được ít lâu, ông từ chức để viết báo và doanh nghiệp. Ông là một bậc lão thành trong làng báo, từng biên tập cho nhiều báo chí như : Đại Việt Tân-báo, Đông-dương Tạp-chí, Trung Bắc Tân-văn, Lục-tỉnh Tân-văn. Những bài luận thuyết của

ông thường do ở sự nhận xét về tập quán, hành vi xã hội mà ra. Về thời bấy giờ văn của ông được xem là xác thực, chắc chắn và dễ hiểu.

(...) Bài này (Sống chết mặc bay) so với các bài trên kia (của các tác giả khác, như : Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Dương Bá Trạc, Phan Kế Bính...) đã tiến bộ rất nhiều và có thể gọi được là một bài văn có giá trị.

Các đoạn về các câu rất rành rẽ, lại thêm sự nhận xét rất đúng, từ cách tả cảnh nước lụt cho đến cử chỉ của các nhân vật trong bài này.

Ta nhận thấy dưới thời đô hộ, một tên tri huyện oai quyền như một vị chúa tể và hà hiếp dân một cách dã man.

(trong « Thi Văn Việt-nam, trích-lục và giảng-giải », Minh Tân xb, Paris, 1952, tr-tr. 224, 228)

VŨ NGỌC PHAN :

Phạm Duy Tốn có một lối văn linh hoạt hơn hẳn Nguyễn Bá Học, đem so văn với những nhà văn bây giờ, không kém xa mấy tý. Vài ba truyện ngắn của ông đăng trong tạp chí *Nam Phong*, như « Sống chết mặc bay » (N.P. số 18, Décembre 1918) và « Con người Sở Khanh » (N.P. số 20, Février 1919) mà ngày nay nhiều người vẫn còn nhớ đến, đã được coi, trong một thời là những truyện tả chân tuyệt khéo.

Nhưng sự thật thì mấy truyện ngắn của Phạm Duy Tốn cũng vẫn chưa thoát ly được khuôn sáo cổ là cái lối nghị luận và cái lối xen những lời luân lý vào, làm cho cách kết cấu có vẻ thật thà và kém về nghệ thuật.

Hãy đọc đoạn này trong « Sống chết mặc bay ! » :

« Ấy lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối sức với mưa to nước lớn, để bảo thủ lấy tính mạng gia tài ; thế thời nào quan cha mẹ ở đâu ?

« Thừa rằng : Đang ở trong đình kia... »

Đó thật là một thể nghị luận, một thể nghị luận bằng cách dàn hết các tài liệu ra, và đặt một câu hỏi, rồi tự đáp lại.

Tác giả còn có những câu phê bình như thế này nữa :

« *Than ôi ! Cứ như các quan ngồi ung dung như vậy... thì đồ ai dám bảo rằng...* » vân vân...

Một truyện đã gọi là tả chân mà còn xen những lời phê phán giảng giải như thế vào giữa những cảnh mình đang tả thì thiếu hẳn nghệ thuật, làm cho độc giả không còn có chỗ nào để suy nghĩ và phát biểu một vài cảm tưởng.

Vì nghệ thuật tả chân cần phải như thế nào ? Nếu theo lối của Guy de Maupassant là một tay cự phách trong văn tả chân nước Pháp, không những phải chú trọng đến hình thức trong văn chương còn phải đề ý đến cả vật giới ở ngoài nữa. Trong sự vật, chỉ cái gì *hiển nhiên*, mắt trông thấy, tai nghe tiếng, mũi ngửi thấy, tay sờ thấy, mới là thực và mới đáng tả, còn ra những cái người ta cho là cao, là sâu thì không cần quan tâm đến.

Theo Guy de Maupassant, có cần gì phải đi tới những lý tưởng cao sâu. Tả một cảnh nghèo với hết cả mọi sự cùng khổ phơi bày ra trước mắt bởi cái nghèo, với hết cả mọi mùi đắng cay, làm cho người ta khó thở, với hết cả những tiếng đau thương do sự cùng khổ mà ra, với những vật nghèo nàn sờ đến phải ghê tay thì còn gì làm cho người ta cảm động bằng. Hà tất phải những lời nghị luận, hà tất phải những lời giảng giải, những lời phê bình lối thôi ! Chỉ việc thôi, chỉ việc là tự nó, nó « nói » được nhiều.

Mà đã thế, không thể nào tả một cách quá đáng được. Đã đứng vào phương diện thiết thực, phải thiết thực hết sức.

Nhưng Phạm Duy Tốn đã không trọng sự thiết thực trong « *Sống chết mặc bay* ! ».

Chúng ta hãy đọc đoạn này :

« ... *Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào, thở không ra lời :*

« ... *Bầm quan lớn... Đê vỡ mất rồi !* »

Viên quan không những không lo sợ, đã quát mắng chán chê những kẻ chung quanh, lại còn muốn đánh nốt hội tử tôm :

« ... Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy Đề :

« — Thầy bốc quán gì thế ?

« — Dạ, bẩm con chưa bốc.

« — Thì bốc, chứ ! »

Như vậy có họa là loạn óc mới nghĩ tới sự tiêu khiển, trong khi xảy ra một sự nguy hiểm đến cả địa vị, đến cả thân mình, và lại ở giữa một đám người nôn nao, hãi hùng, giữa những tiếng kêu gọi như trời long đất lở.

Trong « Con người Sở Khanh » của Phạm Duy Tốn lại còn viết lối văn rất cổ nữa, lối văn vè :

« Thầy Ất đẹp trai, mặt mày nhẵn nhụi. Chàng vừa trạc tuổi thanh xuân : hình dung chải chuốt, áo quần bảnh bao.

« Cô Giáp người mồm mĩm, trông cũng xinh xinh. Nàng đương xuân chỉ nhị đào ; rượu nồng dẽ béo, ai nào chẳng ưa ! »

Và đoạn này nữa :

« ... Ngày đêm đóng kín cửa lại, vợ chồng hủ hỉ với nhau ! Loan ôm phượng, phượng bồng loan. Miệt mài trong cuộc truy hoan ; trai tơ gái nõn, xuân đang mặn mà. Tha hồ vui chữ « nghi gia » ... ».

Rồi ở đoạn kết, ông không quên thốt ra một giọng luân lý :

« Cách hai ba tháng sau, dò la mãi, quả nhiên biết rõ tin rằng : cậu sở ấy đồng mưu với một ả giang hồ, đề lập cái kế tàn nhẫn này, mà lấy của và hại một đời người đàn bà đầu xanh tuổi trẻ. Xong rồi hai đứa đem nhau sang đầu Xiêm Lào, để cùng vui hưởng cái của bất nhân bất nghĩa. »

Thật là vụng không khéo một tí nào. Không cần phải nói chàng Ất là « cậu Sở », không cần phải bảo kẻ của chàng là một « kẻ tàn nhẫn » và không cần phải nói cho độc giả biết cái của mà chàng ta lấy là thứ của « bất nhân bất nghĩa » người ta cũng đã hiểu rồi. Nói thêm như thế, chỉ là thừa.

Truyện ngắn của Phạm Duy Tốn chỉ mới là những truyện thoát ly hẳn được cái khuôn sáo của truyện Tàu, chưa thể coi là những đoản thiên tiểu thuyết tả chân được.

Sau ông hơn mười năm, tiểu thuyết tả chân mới bắt đầu nảy nở ở nước ta ; những truyện ngắn của ông tuy có cao hơn

những truyện ngắn của Nguyễn Bá Học một bậc, nhưng cũng chỉ là hạng đoản thiên tiểu thuyết luân lý, cách kết cấu còn lắm điều khuyết điểm làm cho nhiều khi đọc đoạn trên người ta đã đoán được đoạn dưới. Nhưng người ta cũng không thể quên ông là người đã viết truyện ngắn theo lối Âu Tây trước nhất. Như vậy, người ta cũng có thể nói : Phạm Duy Tốn là một nhà tiểu thuyết đi vào đường mới trước nhất và những truyện ngắn của ông là thứ văn chương đã đánh dấu một quãng đường văn học của nước nhà.

(trích « Nhà văn hiện đại », bản in
Thăng Long, Sài-gòn 1960, tr-tr 135-138)

THANH-LÃNG :

Phạm Duy Tốn (1883-1924)

(phong-trào tiểu-thuyết thế-hệ 1913)

Phạm Duy Tốn tốt nghiệp Trường Thông-ngôn Hà-nội năm 1918 và được bổ vào ngạch Thông ngôn tòa Sứ Bắc-kỳ. Nhưng ít lâu sau, ông từ chức, quay ra doanh nghiệp, nhất là chú tâm vào nghề viết văn. Ông đã từng trợ bút cho nhiều báo chí như *Lục-tỉnh Tân-văn*, *Đại Việt Tân-báo*, *Đông-dương Tạp-chí*, *Trung Bắc Tân-văn*, *Nam Phong Tạp-chí*. Ông có viết nhiều bài luận thuyết nhưng sở trường nhất về lối đoản thiên tiểu thuyết và ngày nay người ta còn nhắc đến tên tuổi của ông cũng là nhờ vào những truyện ngắn kia vậy.

Ta đã có lần gọi ông Nguyễn Bá Học là ông tổ của phong trào tiểu thuyết, nhưng thực ra chính Phạm Duy Tốn mới quả là người khai mở đầu tiên cho lịch sử tiểu thuyết tại Việt Nam. Đang khi Nguyễn Bá Học muốn là người của thế hệ, giữ vai trò trung gian, điều hòa hai lớp người mới, cũ, liên kết hai quan niệm nghệ thuật mới và cũ, Đông và Tây, thì Phạm Duy Tốn muốn phá vỡ đề tiến. Mà thực Phạm Duy Tốn đã mới hoàn toàn trong công cuộc xây dựng các truyện của ông. Cùng chung với thế hệ của ông, Phạm Duy Tốn có lẽ chỉ còn giữ lại có cái chủ trương luân lý răn đời, còn ngoài ra ông đã có một nghệ thuật mới hoàn toàn, mới và đẹp hơn nhiều truyện của Nguyễn Tường Tam xuất bản sau đây mười mấy năm trong tập *Người quay tơ* của ông.

- Ta có thể kể ra đây mấy truyện của Phạm Duy Tốn như :
 — *Sống chết mặc bay*, N.P. số 18.
 — *Con người Sở Khanh*, N.P. số 20.
 — *Nước đời lắm nỗi*, N.P. số 23.

Muốn ước lượng vai trò của Phạm Duy Tốn chúng ta cần biết rằng: trước Phạm Duy Tốn, ngoài những truyện dịch của ngoại quốc, văn học Việt-nam chưa có thể tài truyện ngắn hay truyện dài sáng tác bằng văn xuôi. Đặt những truyện của Nguyễn Bá Học bên những truyện cổ điển, chúng ta còn nhận ra nhiều tính cách liên lạc giữa hai thể tài, chứ lấy một truyện của Phạm Duy Tốn đem đặt cạnh một truyện cổ điển, ta thấy có một sự ly dị, một sự gián cách đột ngột, bất ngờ cả về mặt tư tưởng lẫn nghệ thuật.

— Về mặt tư tưởng, nếu nhà văn cổ điển đòi hỏi con người ta phải thuận chiều theo xã hội, theo tập tục, theo giai cấp, theo tôn ti, thì Phạm Duy Tốn là người bất mãn, căm hờn nó, muốn đập vỡ cái hiện tại mà ông cho là thối nát.

— Phạm Duy Tốn vì thế, có một xu hướng xã hội rõ rệt: ông đứng về phía những người yếu đuối, bị bóc lột; ông đứng về phe ông cụ già kéo xe để chống lại cái bà phi nộn ngồi trên xe, ông bênh vực bọn dân đen sống nhoe nhóc trên bờ đê Yên-phụ để phản đối thái độ vô nhân đạo của bọn quan lại ngồi trong sòng bạc.

— Tất cả nghệ thuật của Phạm Duy Tốn vẽ nên những bức tranh xã hội đau thương. Mà là cái đau thương đó không phải ở những lời lẽ xót xa, những tiếng kêu than thống thiết mà bao giờ cũng có cái tính cách tương phản nhau giữa hai thực tại mỉa mai, rửa nhau, xung đột nhau. Đọc những truyện như *Sống chết mặc bay* hay *Câu chuyện thương tâm*, ta nhận thấy ngay điều ấy. Còn gì mỉa mai, đau đớn hơn cái cảnh nước cuốn phăng con đê làm trôi nhà cửa, gà, chó, trâu bò và có lẽ cả người ta nữa đặt bên cạnh cái quan phụ mẫu « sung sướng vỗ tay xuống sập kêu to » :

« — Đây rồi !... Thế chứ lại !

« Rồi ngài vội vàng xoè bài, miệng vừa cười vừa nói :

« — Ừ, thông tôm, chỉ chi này !... Điều may ! » .

Cái cảnh bức tranh kéo xe cũng không kém về thương tâm, một bên là ông lão già ngoại sáu mươi tuổi « gầy gò yếu đuối,

khăng kheo, cố công dùng sức kéo miết cái xe tay mà không sao đi nhích được », bên kia là cái xe « chổng chất hai bờ nghe chừng đã nặng, lại còn một mụ vất vẻo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nổi, mà mụ thì mĩa mai nặng lời xỉ vả. »

— Phạm Duy Tốn nghệ thuật hơn Nguyễn Bá Học ở chỗ ông giấu giếm chủ trương luân lý một cách kín đáo : thái độ của Nguyễn Bá Học là thái độ trịnh trọng của một nhà giáo, ngồi tư sập cao đề mà phán dạy, còn tác phong của Phạm Duy Tốn là của một nhà nghệ sĩ lấy cái cười chua chát, mĩa mai đề mà sửa dạy xã hội.

Nhưng cuộc cách mệnh lớn lao nhất của Phạm Duy Tốn là nghệ thuật tả chân. Phần nhiều các nhà văn đương thời như Nguyễn Trọng Thuật, Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học, Tân-Đà..., đều là viết truyện dưới hình thức lý tưởng, nghị luận, Phạm Duy Tốn chủ trương tả thực : ông tả thực trong cách chọn đề tài trong đời sống hàng ngày, trong những tình tiết hay biến cố mà ông đã có dịp quan sát tỉ mỉ. Phải có óc quan sát tinh vi và óc tả thực như ông mới có thể diễn được tấn tuồng vắn tắt tôm trên bờ đề sắp vỡ một cách nhanh chài, linh hoạt, sống động. Những câu thưa, câu hỏi, vắn tắt, dồn dập, cụt ngắn... tả được cái hăng hái, vui vẻ của một cuộc chơi hào hứng. Cũng phải có cái nhìn sâu sắc lắm mới tả được ông già kéo xe một cách đau đớn như trong truyện *Bực mình* (*) « Miệng nói thế, tay bỏ nón ra chùi trán mồ hôi tằm tã. Khi bấy giờ, tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc. (...) Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ mờ, hình như ruột nhãn, nước chảy chứa chan, mà chung quanh vành thì đỏ hừng. »

Trong các truyện cổ xưa kia, nhà văn không bao giờ chọn một vai truyện bất tiện để mà tả bao giờ, nhất là tả một cách tỉ mỉ như vậy. Phạm Duy Tốn đã đưa vào tác phẩm của ông toàn hạng người lam lũ mà ông muốn người đọc phải yêu mến.

(trong « Bảng lược đồ văn học Việt-nam », quyền hạ, Trình bày xb, Sài-gòn 1967, tr-tr 493-496)

(*) Có lẽ tác giả dẫn lầm. Câu này ở trong truyện « Câu chuyện thương tâm ». Nhiều chỗ in sai trong đoạn văn trích dẫn, chúng tôi cũng đã sửa lại theo nguyên bản.

THIÊN - TƯỚNG

« Tiểu Lâm Quảng Ký » của Thọ-An Phạm Duy Tồn

Sau khi giúp việc cho mấy tờ báo trong Nam như « Nông cổ Mín đàm », « Đông Pháp Thời báo », cụ Phạm Duy Tồn trở ra Hà-nội và cuốn sách đầu tiên cụ cho xuất bản ở đó là « Tiểu Lâm Quảng Ký ».

Tại sao lại là « Tiểu Lâm Quảng Ký » ? Quảng là rộng, Ký là ghi chép. « Tiểu Lâm Quảng Ký » là ghi chép rộng rãi những chuyện vui cười. Hiểu theo nghĩa đó thì những chuyện vui cười trong sách không phải do ông sáng tác, mà ông chỉ là người ghi chép lại những truyện vui cười đã được nghe thấy truyền khẩu trong dân gian.

Sách « Tiểu Lâm Quảng Ký » nguyên thủy chia ra làm ba tập chước số Tập I, Tập II, Tập III, in khổ 10 x 15. Có một điểm đặc biệt đáng ghi hồi in sách đó (khoảng 1925, 26) : lúc ấy người Pháp nắm chủ quyền ở Đông-dương, sách in rồi chỉ đưa nạp bản, chứ không có kiểm duyệt, nên từ đầu đến cuối, cả ba tập đều không bị kiểm duyệt cắt xén một dòng, một chữ nào, thành thử người đọc xem thật « đã ».

Nhà xuất bản đầu tiên là nhà Ích Ký, ở phố Hàng Giấy, ngay chợ Đồng-xuân đi lên, ở phố Hàng Khôi rẽ ra một chút. Sách bán rất chạy, tái bản nhiều lần. Thấy thế, nhà xuất bản

Quảng Thịnh ở phố Hàng Gai điều đình mua lại bản quyền và theo chỗ biết chính xác của tôi thì mỗi năm in lại một lần — có khi in lại hai lần — mà lần nào cũng từ 10.000 đến 30.000 cuốn, bán đi khắp các tỉnh ở Đông-dương, không một tỉnh lý quận huyện nào không có.

« Tiểu lâm Quảng ký », tổng hợp lại, ghi chừng một trăm truyện, truyện nào cũng viết ngắn, không quá hai trang 10 × 15 với một giọng văn giản dị, bình dân hết sức, mà dĩ dõm duyên đáng lạ lùng. Tiếc rằng vì chiến tranh, các thư viện ở đây không còn mấy cuốn đồ nữa, kể cả Tổng thư viện trong Chợ-lớn, mà chỉ còn những cuốn « Tiểu lâm Việt nam » do nhà Văn Hồng Thịnh xuất bản ở Hà-nội và « Tiểu lâm Việt nam » xuất bản ở Sài-gòn. Đã đành những chuyện tiểu lâm ghi trong những cuốn « Tiểu lâm » và « Tiểu lâm Việt nam » cũng thoát thai từ ba tập « Tiểu lâm Quảng ký » nhưng các sách này viết với một lối văn tương đối dài dòng hơn, kém duyên dáng nhiều ; nhưng chúng tôi cũng cố gạn lọc lấy một vài truyện tiểu lâm thuật theo ba tập « Tiểu Lâm Quảng Ký » giới thiệu với bạn đọc, trước là để giải trí mà sau là để biết quan niệm cái cười của Phạm Duy Tốn qua sự chọn lọc các chuyện tiểu lâm mà cụ đã sưu thập được.

I. — Lưu thầy ở lại

Một ông đồ dạy học ở nhà kia, đêm đến, cửa ngõ đóng cẩn thận lắm, mà lại nuôi nhiều chó dữ. Ban ngày, thầy đã xơi nhiều món ăn độc, đêm đau bụng đi ỉa chảy, không biết làm thế nào được ; thầy nghĩ mãi, bưng ngay cái chấp đựng sách vở... tống cả một đồng vào trong đó.

Sáng dậy, thầy cấp chấp thực sớm để đem đồ cái của dờ đi nơi khác, kéo không mùi hôi thối xông lên nồng nực trong nhà thì có điều hơi bất tiện.

Không ngờ ngày hôm trước, giữa chủ nhà và thầy đồ có điều xích mích nhau. Thấy mới sáng ra thầy đã cấp chấp đi, nhà chủ tưởng là thầy giặc, thầy bỏ, không chịu ở lại dạy học, cố hết sức năn nỉ thầy ở lại. Thầy thì sợ đứng lâu, mùi thối ở trong chấp xông

ra ; nhà chủ thì lại sợ thầy giận thầy đi mất, vì thế một bên cố năn nèo, một bên thì cứ vùng vằng đi. Thấy thế, nhà chủ lại càng tưởng thầy giận, bèn nói :

— Ở thì thầy bỏ thầy đi trong chốc lát, vậy thì thầy dễ chấp lại đây.

Thầy không chịu ; chủ nhà cố giữ riết lấy chấp của thầy mà thầy thì không chịu bỏ. Bên lời đi, bên kéo lại, tuột tay một cái, chấp rớt xuống đất và bao nhiêu « của thừa » vung té cả ra trên mặt đất, làm cho người chung quanh bịt mũi không kịp.

Thẹn quá, thầy làm mặt giận, vùng vằng bảo :

— Thì đã bảo mà ! Giữ mãi ! Đấy, cho giữ để mà làm của !

II.— Thơ con cóc

Có ba anh học trò nọ thường tự phụ là thơ hay văn thường than thở với nhau sợ chết non vì « mạng tài tương đối ».

Một hôm, cả ba cùng đi với một tên tiểu đồng vào vắng cảnh chùa kia. Dỡ rượu ra uống, ba thầy xúc cảnh sinh tình, muốn làm thơ thì vừa vặn có một con cóc nhảy ra :

Thầy thứ nhất xuất khẩu :

Con cóc nhảy ra

Thầy thứ hai :

Con cóc nhảy vô

Thầy thứ ba :

Con cóc ngồi đó

Tên tiểu đồng cũng xin lạm phần một câu :

Con cóc nhảy đi.

Rồi cả ba thầy cùng lăn ra khóc, sợ thơ mình hay như thi thi trời đất ghen ghét bắt chết non. Họ cùng sai tên tiểu đồng mua ba cái quan tài để sẵn ngõ có chết thì có cái mà chôn, và không quên bảo tiểu đồng mua một cái áo quan thứ tư cho nó, vì thơ nó cũng hay, sợ cũng cùng chung số phận.

Vừa lúc đó, sự cụ trong chùa nghe thấy chuyện như thế cũng móc túi lấy tiền đưa cho tên tiểu đồng :

— Mày mua cho tao một cái quan tài thứ năm.

— ?...

— Là vì tao có lời nguyện : « Ở đời, ông mà thấy đứa nào dốt hơn ông thì ông xin chết ». Bây giờ, việc đó hiển nhiên rồi, tao còn sống làm sao được ?

III.— Chẳng phải tay ông

Có anh kia sợ vợ lắm, một hôm trời mưa vợ đi ra đồng, anh ta không kịp cất quần cho vợ, bị mưa ướt sạch.

Vợ về thấy thế đánh cho anh ta một trận và mắng chửi rức xương. Anh hàng xóm bên này thấy thế nói đồng :

— Chẳng phải tay ông !

Bất ngờ vợ anh hàng xóm cũng không phải tay vừa mà anh này cũng vào cái hạng sợ vợ ghê gớm. Vợ anh ta thấy anh ta nói « chẳng phải tay ông » sẵn sỗ lại gần anh mà hỏi :

— Chẳng phải tay ông thì ông làm gì ?

— Thì ông cất cái quần đi trước khi trời mưa chớ còn làm sao ! ?

IV.— Thôi đừng nói nữa

Có một con chó bị người ta giết thịt, xuống âm phủ phải vào châu Diêm Vương.

Diêm Vương bèn hỏi :

— Chớ ở trên trần mày mắc tội gì mà người ta giết thịt ?

— Dạ, không biết. Chỉ biết con đương đứng thì người ta cầm búa đập đánh chết một cái vào đầu con.

— Thế rồi sao ?

— Thế rồi người ta cho con vào nồi luộc, cạo lông trắng phau phau.

— Rồi làm sao nữa ?

— Làm lông rồi, người ta cho con vào lửa thui vàng như, mổ bụng, rửa cẩn thận, lấy lòng con làm dãi nướng lên thơm phưng phức. Thịt con, họ nướng chả thơm điếu mũi, nấu dựa mật, xương sườn, thăn đem xào lẫn béo ngậy, cho thêm răm, hành, tỏi... Gan con, họ bọc mỡ xào lên...

Diêm Vương giờ tay xua và bảo :

— Thôi, mày đừng nói nữa, tao thèm quá !

V.— Lại chuyện anh sợ vợ

Anh kia sợ vợ có tiếng ở trong làng, nhưng hay làm phách trước mặt mọi người. Một hôm, không biết tại sao, anh ta làm cho vợ giận. Trước mặt mọi người, anh ta làm ra cái giọng oai vệ mắng vợ :

— Mặt mày sưng sía lên trông như mặt...

Người vợ ngượng quá, xông lại túm ngay lấy anh ta mà hỏi :

— Mày bảo mặt tao như mặt gì ? Nói nhanh lên, tao đâm cho một nhát bây giờ.

Anh ta hạ giọng liền :

— Thi « nhà » làm gì mà tức giận thế ! Tao bảo : mặt mày trông như... mặt trời !

VI.— Cho xin bát nước lạnh

Một nhà kia mời khách ăn cơm. Trong các khách khứa, có một ông không có đũa, nhà chủ quên không dọn.

Ông khách ngồi im, mãi không thấy đũa đưa lên, mà chung quanh người ta ăn như tằm ăn rỗi, bèn gọi chủ nhà khẽ bảo :

— Cho tôi bát nước lạnh.

Chủ nhà hỏi :

— Ủa, chứ lấy nước lạnh làm gì ?

— Để tôi rửa tay cho sạch, tôi ăn bốc !

VII.— Cái tên

Ở Bắc Việt, có cái tục đặt cho con những cái tên rất xấu vì các bậc cha mẹ tin rằng đặt tên cho con càng xấu, càng dở thì tử thần chê, do đó thằng bé không chết yểu. Vì thế có nhà đặt tên con trai là thằng Cu, thằng Cò, thằng Cứt và đặt tên con gái là con Hĩm, cái Chôn, cái Đái.

Vì thế mới có câu chuyện sau đây. Một ông bố gọi con :

— Cứt ơi, về ăn cơm.

Thằng Cứt đi vắng, em nó đứng chơi ở gần đó trả lời :

— Anh Cứt còn đi ỉa !

VIII.— Phái khoan thai

Có một anh kia, nuôi một tên đầy tớ ăn nói láu táu lắm.

Anh ta thường mắng nó « chưa đặt đít đã đặt mồm » và khuyên nó phải ăn nói khoan thai, từ tốn, nói có trước có sau, có đầu có đuôi.

Một hôm, anh ta ngồi cạnh lò than hồng, uống rượu. Tên đầy tớ đi vào, hốt hoảng toan kêu lên nhưng chợt nhớ lời thầy dặn bèn khoan thai khoanh tay lại, chậm rãi nói :

— Thưa thầy, con tầm nó nhả tơ, tơ nó kéo thành kén, người ta tằm tơ... tơ người ta dệt lụa, dệt lụa xong đem bán... Thầy ra chợ, thầy mua, đem về đưa cho thợ may, thợ may đo cho thầy, may thành áo, thầy lấy về thầy mặc. Thầy mặc vào, thầy ngồi bên lò sưởi uống rượu, lửa bén vào áo thầy, lan ra mãi, sắp cháy hết cả áo kia kia !

Anh chủ giấy nẩy lên, xem lại áo thì đã thấy cháy gần hết cái tà. Bèn đứng dậy mắng chửi tên đầy tớ. Nó bảo :

— Đó, thầy xem. Thầy nóng quá mà nói năng lại láu táu, không ra gì. Phải từ tốn, khoan thai mới được !

IX.— Rấm thom

Có anh kia nịnh quan nổi tiếng, cái gì của quan cũng khen là đẹp, là giỏi. Một hôm, đương ngồi hầu quan, chợt quan buột ra một cái « bùm ». Anh ta vội khoanh tay lại vọt một cái, đưa lên mũi ngửi rồi khen :

— Chà chà, rấm của quan thơm quá.

Tưởng khen như thế là quan bằng lòng, không ngờ quan lại rầu rầu nét mặt mà nói :

— Ta thường nghe nói phàm ăn cao lương mỹ vị vào trong bụng thì nó tiêu đi, qua ruột qua gan, lọc đi lọc lại thì thối mới phải. Nay rấm ta lại thơm, chắc là điếm không hay, ta sợ rằng ta chết mất.

Anh nịnh thấy quan nói thế sợ quá, bèn khom tay lại, vọt luôn một cái thứ hai trong không khí, đưa lên mũi khịt khịt mấy cái :

— À, bây giờ rấm của quan lại thối rồi !

X.— Tao tưởng là...

Ngày xưa, có một cặp vợ chồng quê, tính thích hay ăn vụng. Một hôm, người vợ đi làm ở ngoài đồng về, trông thấy trong bếp có nồi xôi đậu chín tới. Đang đói bụng, chị ta bốc ngay một nắm định ăn vụng thì vừa vặn người chồng về.

Sợ chồng biết, chị ta bèn đứng vào trong xó cửa để ăn. Nào ngờ chị ta chưa ăn hết nửa nắm thì người chồng cũng vào bếp, lại gặp ngay nồi xôi thơm phức, anh ta muốn ăn lắm, nhưng sợ vợ biết, anh trông chung quanh để tìm chỗ đứng ăn vụng.

Nhà chật, chỉ có cái xó cửa vừa tối, vừa kín đáo nhất, anh ta bèn bốc ngay một nắm xôi mang vào đó để ăn. Nào ngờ vừa mở cánh cửa ra thì gặp vợ đang ngón xôi. Anh hốt hoảng kêu lên :

— Ở kia, u mày đấy à ?

Trông thấy vợ nhòm nhào xôi ở trong miệng, anh ta nhanh trí, nói tiếp :

— Tao tưởng u mày ăn hết rồi, nên mang thêm cho một nắm nữa đây này.

XI.— Anh kẻ noi làm thơ huê tình

Một cô con gái nhà quan, kén chồng mà lại có tính thích thơ nôm. Anh kẻ noi (*) gánh phân đi qua, thấy cô ta đứng cửa, mới làm thơ ve — thơ nôm mà mỗi câu lại có một chữ nho — đọc rằng :

*Huynh nay chẳng phải đưa bươm som,
Vả lại trong nhà túc bát com,
Trong bếp lam nham tam chĩnh mắm,
Ngoài sân lúc nhúc lục cày rom.
Trông thấy cô mình, anh cũng dục
Đêm nằm mơ ngủ tiêu ra đờm.*

XII.— Kém gì Lý Bạch

Có một ông quan võ kia thích làm thơ nôm. Ở bên cạnh, có một bác chỉ khéo hát ả. Ông quan võ làm được bài thơ nào thường gọi nó sang, đọc cho nghe. Nó tán tụng khen hay, thì lại cho nó ả.

Một hôm, ông cho gọi nó sang đánh chén. Lúc ăn, ông ta nói rằng :

(*) Dân kẻ noi ở Bắc chuyên làm nghề gánh phân.

— Tôi mới dựng một cái chuồng chim bồ câu ở sau vườn. Nhân nghĩ được một bài thơ tứ tuyệt hay lắm, đọc thử bác nghe, xem có được không.

— Dạ, xin ngài cứ đọc.

Ông quan võ gật gù đọc rằng :

*Bốn cọc chênh vênh đứng giữa trời
Khi thì bay bổng, lúc bay khơi.
Ngày sau hăn để ra con cháu
Nướng chả băm viên đánh chén chơi.*

Bác kia nức nở khen rằng :

— Hay lắm. Xin ngài đọc lại từng câu một cho con nghe.

— *Bốn cọc chênh vênh đứng giữa trời*

— Hay. Con nghiệm về sau này ngài làm đến tứ trụ.

— *Khi thì bay bổng lúc bay khơi*

— Ngài còn thăng quan tiến chức chưa biết đến đâu.

— *Ngày sau hăn để ra con cháu*

— Con cháu ngài còn vô số. Đa lộc lại đa đình.

— *Nướng chả băm viên đánh chén chơi*

— Hay quá ! Hậu vận ngài tha hồ mà tốt. Phi quý, lại nhân !

Ông quan võ lỗ mũi nở bằng cái thúng.

Rung đùi, vuốt râu, lấy làm đắc chí. Rót rượu mời anh kia rồi nói rằng :

— Thơ tôi lắm câu cũng tự nhiên. Bây giờ nhân cuộc vui, tôi thử làm chơi một bài tức cảnh, xem thế nào nhé.

— Bầm vâng.

Ông quan võ nhìn chung quanh thấy con chó, làm thơ rằng :

*Chẳng phải voi mà chẳng phải trâu,
Ấy là con chó cắn gâu gâu.
Khi nằm với vợ thì lại đứng,
Cả đời không ăn một miếng trâu.*

Anh kia gật đầu khen chí chết. Hai người rót rượu ra mời nhau uống. Rồi anh kia xin họa theo. Ông quan võ ưng. Anh nọ ngồi nghĩ một lát, đọc lên rằng :

*Quanh quanh đường đi lại đường đầu
Hễ thấy ai vào cần gầu gầu.
Ăn hết của thơm cùng của thối,
Trăm năm chẳng được chén trà lâu !*

XIII.— Ăn rồi

Có một anh sợ vợ lắm, lại lấy vợ lẽ. Vợ cả canh chừng rất ngặt, anh không thể nào vào được với vợ lẽ, vẫn lấy làm rầu rĩ lắm.

Một hôm, nhân vợ cả đi xa về ngủ mệt, anh ta chui qua chõng của vợ cả nằm, sang tò mò với vợ lẽ. Nhưng rủi chưa làm được trò gì thì vợ cả thức giấc, châm đèn lên đi tìm chồng.

Sợ hết hồn, anh chồng chui ngay xuống gầm giường vợ lẽ, ngồi thu hình dưới đó. Vợ cả trông thấy, quát :

— Ở kia, ngồi làm gì đó hử thằng cha kia ?

Không biết làm thế nào, anh chồng đáp :

— Ngồi ỉa, chớ còn làm gì nữa ?

— Ỉa thì cứt đâu ?

— Cứt, ông ăn rồi !

XIV.— Vô vô rượu

Có một ông kia ở xa đến thăm một người bạn lâu ngày không gặp. Chắc mồm thế nào lâu ngày mới gặp nhau thì ông bạn cũng phải lấy rượu ra thết mình ; bất ngờ ông bạn lại đi vắng, ở nhà chỉ có vợ bạn thôi. Vì thế, chẳng thấy rượu chè gì cả, chỉ có cơm thôi.

Đến tối đi ngủ, anh nằm một giường, vợ bạn nằm giường bên, chỉ cách nhau có một tấm liếp. Nửa đêm, bà kia mót đi đại, trở dậy, đại vào một cái chậu. Vì có khách bà phải đại chậm chậm, nho nhỏ. Anh bên này, lắng tai nghe, tấm tắc khen :

— Ờ, có thể chứ ! Người đàn bà chu đáo, dù chồng đi vắng, cũng phải lo rượu cho bạn chồng nhậu nhẹt, chứ không lẽ mai này cũng lại ăn cơm xuông.

Thì ra anh ta tưởng vợ bạn đương đồ rượu từ bình nọ sang bình kia. Anh ta tưởng tượng rượu ngon đến chừng nào, chép miệng, nuốt nước bọt và lầm bầm khen :

— Ngon ! Rượu này hẳn phải ngon ! Phải chiết từ từ, không có đồ ra ngoài thì phí của.

Bà bên cạnh, nghe thấy nín cười không được, bật cười to lên. Không giữ được nữa, đái ồ ồ. Anh bên này, tưởng là vỡ hũ rượu, đập vào đùi đánh hét một cái mà kêu :

— Thế có phí của không ? Làm thế nào mà vỡ mất hũ rượu rồi, mai lấy gì mà uống ?

XV.— Tại mày dốt quá

Có một ông đồ dạy học ở nhà kia vẫn có tính tự phụ mình hay chữ. Xảy hôm đó, nhà chủ có kỵ, mời một ông thầy cúng đến làm lễ. Đến lúc đọc sớ, tên gia chủ là Nguyễn thị Bất, ông thầy cúng đọc tên là Nguyễn thị Hạ.

Ông đồ nghe thấy đọc sớ như thế, tức lắm, nhưng đề bụng mà không làm gì được. Đến tối, ông đồ vì ăn chè nẫu hư, đau bụng muốn đi tiêu. Chết một nỗi là nhà có chó dữ, không thể mở cửa đi ra ngoài được. Ông đồ không biết làm ăn thế nào, tương kế tựu kế lẩn ra chỗ ông thầy cúng nằm ngủ, vạch quần anh thầy cúng, ỉa luôn vào đít anh thầy cúng. Không may lại lầm đít ra mồm. Râu ria mồm miệng anh thầy cúng nhoe nhoét cứt, anh ta vùng dậy chửi om :

— Tiên nhân con mẹ mày, sao mày lại ỉa vào mồm tao ?

— Chính ông định ỉa vào đít mày, nhưng bởi vì mày dốt quá, ông ỉa vào mồm mày đấy !

Độc qua những truyện trên đây, bạn đọc hẳn đã thấy thú vị ra sao. Chúng tôi cũng muốn tường thuật thêm ít chuyện nữa — những truyện thú vị hơn, mặn mà hơn — nhưng tình thế không cho phép là vì lúc này không như trước, chiến tranh làm cho con người đạo đức hơn cả lúc nào hết, do đó lưỡi kéo của bà kiểm duyệt lúc nào cũng sẵn sàng cắt xén những đoạn hay những truyện có hại cho... thuần phong mỹ tục.

Trong tất cả những chuyện không tường thuật đó, riêng chúng tôi thấy có những chuyện « mặn » không chịu được, cười không chê được, như « Con mắt độc » tả một ông lang đánh mành cho người đàn bà đau mắt, chuyện « Úm ba la ba ta cùng khởi » nói về chuyện cô ả mắc kẹt quả chuối mời thầy cúng đến nhà làm lễ, chuyện « Ném cửa quý xuống ao » nói về một cô gặp một anh chồng ghen lúc nào cũng đi kè kè bên cạnh để canh « cửa nợ »...

Đạo đức cũng hay hay, nhưng vì đạo đức quá mà lúc này chúng ta không được đọc « xả láng » những truyện tiểu lâm của Thọ-An Phạm Duy Tốn sưu tập, âu cũng là điều đáng tiếc.

THIÊN-TƯỚNG

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết mới

của

NGÔ THẾ VINH

Ba truyện ngắn tiêu biểu của Phạm Duy Tốn

SỐNG CHẾT MẠC BAY

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm tã. Nước sông Nhị-hà lên to quá; khúc đê làng X... thuộc phủ X... xem chừng núng thế lắm, không khéo thì vỡ mất.

Dân phu kẻ hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ hết sức gín giữ, kẻ thi thường, người thi cuộc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bị bồm dưới bùn lầy, ngập quá khuỷu chân, người nào người ấy, lướt thướt như chuột lột. Tình cảnh này trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên thanh, ốc thổi vô hồi, tiếng người xao xác, gọi nhau sang hộ, nhưng xem chừng ai ai cũng đã mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thời mưa vẫn tầm tã trút xuống, dưới sông thời nước cuồn cuộn bốc lên. Than ôi! sức người khó mà địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại với thế nước! Lo thay! nguy thay! khúc đê này hỏng mất.

Ấy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hèn yếu mà đối với sức mưa to gió lớn đê bảo thủ lấy tánh mạng, gia tài! Thế thời quan cha mẹ ở đâu?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững chãi, dầu nước to thế nào cũng không việc gì.

Trong đình đèn thấp sáng chừng ; nha lệ, lính tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn ràng. Trên sập mới kê ở gian giữa, có một minh quan phụ mẫu, uy nghi chễm chệ ngồi. Xung quanh sập bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu quan, thì có thầy đề, rồi lần lượt đến thầy đội nhất, thầy thông nhị, sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến chánh tổng sở tại cùng ngồi hầu bài.

Ngoài kia tuy gió mưa âm âm, dân phu rối rít : nhưng trong này xem chừng tĩnh mịch, nghiêm trang lắm, trừ quan phụ mẫu ra mọi người không ai dám to tiếng. So với cái cảnh trăm họ đang vất vả lấm láp, gội gió tắm mưa, như đàn sâu lũ kiến ở trên đê, thì ở trong đình rất là nhàn nhã, đường bệ, nguy nga ; nào quan trên, nào nha ngồi dưới ; người nhà, lính lệ khoanh tay sấp hàng, nghi vệ tôn nghiêm như thần như thánh. Thỉnh thoảng nghe tiếng quan phụ mẫu gọi : « Điều, mầy ! », tiếng tên lính thưa : « Dạ » ; tiếng thầy đề hỏi : « Bẩm, bốt ? », tiếng quan lớn truyền : « Ừ. » Kẻ này : « Bát sách... Ân. » Người kia : « Thất văn... Phổng. » Lúc mau, lúc khoan, ung dung êm ái, khi cười, khi nói, vui vẻ dịu dàng. Thật là tôn kính, xứng đáng với một vị phúc tinh.

Khi đó, văn bài quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khềnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa ngọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy quan vẫn điềm nhiên, chỉ lăm le chực người ta bốt trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khẽ nói :

— Bẩm, đê có khi vỡ !

Ngài cau mặt gắt rằng :

— Mặc kệ !

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa bên tay phải, nghiêng mình, bảo thầy đề lại :

— Có ăn không thì bốt chứ !

Thầy đề vội vàng :

— Dạ, bẩm bocc.

Vừa lúc đó, thì tiếng người kêu rầm rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò kêu vang từ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình đều nôn nao sợ hãi. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, tất tả chạy vào, thở không ra lời :

— Bầm... quan lớn... Đê vỡ rồi !

Quan lớn đỏ mặt, tía tai quay ra, quát rằng :

— Đê vỡ rồi !... Đê vỡ rồi, thời ông cách cớ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! có biết không ? ... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy ? Không còn phép tắc gì nữa à ?

— Dạ, bẩm...

— Đuổi cớ nó ra !

Ngài quay vào, hỏi thầy đề :

— Thầy bocc quân gì thế ?

— Dạ, bẩm con chưa bocc.

— Thì bocc đi chứ !

Thầy đề tay run cầm cập, thò vào đĩa nọc, rút một con bài lật ngửa, xướng rằng :

— Chi chi !

Quan lớn vỗ tay xuống sập kêu to :

— Đây rồi ! ... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội vàng xoè bài, miệng vừa cười vừa nói :

— Ủ ! Thông tôm, chi chi này !... Điều mày !

... Ấy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết : kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết.

(Trích báo Nam Phong)

CÂU CHUYỆN THƯƠNG TÂM

Hôm ấy trời mưa mà lại rét. Mưa rào vừa tạnh ; đường đá củ đậu củ khoai trời ra chồn nhón.

Tôi đứng cửa trông, thấy có một người gầy gò yếu đuối khẳng kheo, cổ cong còng sức kéo miết cái xe tay, mà không sao đi nhích được. Xe chổng chất hai bồ nghe chừng đã nặng ; lại còn một mụ vất vẻo ngự ở trong xe. Người kéo đã chẳng nổi, mà mụ thì mĩa mai nặng lời xỉ vả. Cho đến nỗi rằng người ta phải đặt xe xuống, thở dài mà thưa : « Chju, không sao kéo được. Xin bà bằng lòng vậy ; bà thuê xe khác. » — Miệng nói thế, tay bỏ nón ra, chùi trán mồ hôi tằm tã. Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là ông lão đầu râu tóc bạc... Tôi động lòng, tôi bèn chạy đến, cầm lấy tay mà hỏi : « Chừ con cháu cụ ở đâu, mà để cụ già nua tuổi tác, yếu đuối thế này mà phải đi kéo xe vất vả ? »

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi, ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông, trông mờ mờ, hình như ruột nhẵn, nước chảy chứa chan, mà chung quanh vành thì đỏ hừng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập ngừng, thì tôi lại hỏi :

— « Cụ ở đâu, con cháu cụ làm gì, sao cụ lại đi kéo xe ? Tôi trông thấy cảm tình, cho nên mới hỏi ; xin cụ nói cho tôi nghe. »

Ông lão nói rằng :

— « Thưa cậu, tôi ở tỉnh Sơn. Tôi có mỗi một thằng con trai. Năm ngoái trời làm lụt lội, đề điều vỡ lở, chẳng may con tôi chết đuối. Nó để lại một lũ con thơ. Bây giờ nhà nghèo khổ, trẻ nhỏ ốm đau, sài ghê ; vợ nó phải ở nhà trông nom đề tôi xuống Hà-nội kéo xe thuê mướn, kiếm mỗi ngày lấy răm ba xu, một hào, mà nuôi nấng đàn cháu mồ côi, cậu ạ. Tôi ngoài sáu mươi tuổi rồi, cho nên cũng yếu. Phải đường đá đau chân, mà xe lại nặng, kéo không sao nổi... » — Miệng ông lão nói, hai mắt mờ mờ, vẫn cứ nhìn tôi. — Tôi thương, ứa hai hàng nước mắt ra anh ạ..

Trời ơi ! sao mà lại có cái khổ cực dường này, hử ông trời xanh cao ngất ?...

Bực mình
(Đồng-dương tạp-chí số 55)

MỘT CÁI BI KỊCH TRONG GIA ĐÌNH

— Năm ấy là năm 189... Tôi hãy còn nhớ rõ như ngày hôm qua. Bấy giờ cha tôi làm thông phán ở tòa sứ tỉnh... Quyền thế lẫy lừng, ai cũng sợ nể. Cha mẹ tôi chỉ sinh được có một mình tôi thôi. Tính cha tôi thì nóng nảy, dữ tợn và nghiêm khắc lắm. Mẹ tôi, người hiền lành thùy mị, nhưng mà gan góc, lý lý cả ngày chẳng nói một câu.

Tôi yêu mẹ tôi lắm. Còn cha tôi, thì tôi sợ hãi một niềm, không mấy khi dám dấn tận mặt.

Năm ấy tôi lên mười bốn tuổi. Đang độ vẻ vang sung sướng, hơn hờ tươi cười như thề cánh hoa non. Tưởng cuộc đời là nhất, không còn gì vui thú cho bằng.

Cuối tháng năm, gặp kỳ nghỉ hè, tôi về chơi với cha mẹ tôi. Bỗng một đêm, xảy ra sự ghê gớm, làm cho tôi suốt đời không lúc nào quên được. Đêm hôm ấy, trời mưa rầu rĩ, gió thổi hắt hiu, cảnh vật tự hồ như xui nhau mà làm cho cái bi kịch càng thêm thê thảm. Tôi vừa mới thiêu thiêu chợp ngủ, thốt nhiên nghe thấy ở phòng bên cạnh là nơi cha mẹ tôi nằm, có tiếng âm âm như thề hai người cãi nhau. Tôi bèn vùng quăng giở dậy, sẽ bước xuống đất, rón rén lại gần nghe, thì quả nhiên thấy tiếng cha tôi quát tháo rằng :

— Tao đã nói tao cần đến tiền, thì mày phải đưa mấy cái văn tự ấy cho tao. Nhược bằng mày cứ khăng khăng một mực không đưa, thì đừng có trách tao là người bội bạc nhé.

Mẹ tôi khăng khái đáp lại rằng :

— Văn tự ấy, có phải của thầy đâu, mà thầy đòi tôi, chứ! Chẳng qua là của riêng cha mẹ tôi để lại cho tôi, thì bây giờ tôi lại giữ lấy cho thẳng con tôi, để ngày sau nó khỏi liếm lá đầu chợ. Chứ chắc gì vào thầy nữa bây giờ. Cơ nghiệp thầy đã phá tan nát cả rồi. Nay tôi còn chút vốn riêng, để về sau mẹ con tôi nương nhau, thầy lại toan lột hết, đem cho dĩ nốt hay sao? Khi nào tôi có chịu! Thầy muốn làm gì thì làm. Tùy ý.

Tôi nghe thấy nói làm vậy, tưởng chừng sét đánh lưng trời. Trong người tôi còn đương bàng hoàng như mê chưa tỉnh, phải

nghe tiếng « huỳnh huych » ở phòng bên. Tôi vội vàng mở hé cửa dòm sang, thì thấy cha tôi một tay bóp cổ mẹ tôi ấn xuống giường còn một tay thì đấm, tát, tối tăm cả mặt mũi lại.

Đầu tóc mẹ tôi rũ rượi, hai tay mẹ tôi giơ đề đỡ đòn, nhưng mà không lại. Còn cha tôi thì như người điên cuồng, cứ hăm hờ bạ đầu đánh đấy. Mẹ tôi ngã lăn từ trên giường xuống đất ; mà không kêu, không khóc, chỉ thấy hai tay bưng lấy mặt, nằm im...

Hôm sau, mẹ tôi băng huyết, thụ bệnh, trùn chần nằm ở trên giường. Khi tôi vào thăm, chỉ ôm lấy đầu tôi mà nước nở khóc, chẳng nói được câu gì. Còn cha tôi, thì cứ như thường, không nói năng gì đến chuyện đó cả.

Cách mấy ngày thì mẹ tôi chết, nghe đâu như có mang được hai ba tháng... Rồi sau hết hè tôi lại về trường học...

Thôi anh ạ, từ đó tôi chán hết mọi sự ở đời. Biết rằng toàn là đảo điên điên đảo cả. Tôi đã một lần trông thấy cảnh thăm đường ấy, thì thôi, tâm thần đồi hết, từ đấy không hề ham muốn, ước ao cái gì, hoặc yêu thương quý báu ai nữa sớt. Lúc nào cũng sức nhớ, tưởng tượng như còn trông thấy ở trước mắt cái bi kịch : mẹ tôi nằm lăn dưới đất, mà cha tôi thì tay đấm, chân đá, chẳng thương sớt cái người yếu đuối, đã đem thân bỏ liễu nương gửi ở dưới bóng cây tùng... Trời đất ơi, cay nghiệt quá !... Mẹ ơi, con thương mẹ, con nhớ mẹ vô cùng !...

PHẠM DUY TỐN

Nước đời lắm nỗi...

(Nam-phong tạp-chí, số 23, Mai 1919)

Văn số 170 & 171

Giai-phẩm Xuân Tân-Hội

quy tụ khoảng ba chục tác giả thời danh

*Những sự rắc rối về đàn bà
được mô tả trong cuốn văn vui*

ĐÀN BÀ

của DUYÊN-ANH

CỬU LONG xuất bản • ĐỒNG NAI tổng phát hành

ĐÃ BẦY BÁN KHẮP NƯỚC

Đề thay các thiệp chúc Xuân

Tết này nhà LÁ BỐI xuất bản 2 tập :

- XUẤT HÀNH NĂM MỚI

một truyện cảm động về Tết của Võ Hồng
giá 50đ

- HOA ĐÀO NĂM TRƯỚC

một tùy bút đầy ý Xuân của Nguyễn Hiến Lê
giá 40đ

trình bày cũng như các tập « Bông Hồng Cài Áo »

Phòng văn

Simone de BEAUVOIR

PATRICK LORiot thực hiện
LÊ HUY OANH dịch

Sau khi phát hành Văn số 157, — số độc biệt về Simone de Beauvoir — tòa soạn nhận được nhiều thư bạn đọc yêu cầu cho biết rõ hơn về tác phẩm mới nhất của bà : « *la Vieillesse* ».

Hai tháng sau khi cuốn sách kể trên ra mắt độc giả, Simone de Beauvoir đã lên tiếng trả lời một số đông các nhà phê bình về tác phẩm của bà : sự già nua không phải là một định mệnh. Cuộc phỏng vấn nguyên văn bằng Pháp ngữ do Patrick Loriot thực hiện đã được đăng trong tuần san « *Le Nouvel Observateur* » số 179, tuần lễ từ 16 đến 22 tháng Ba 1970.

Bạn Lê Huy Oanh giao cho tòa soạn Văn bản dịch từ tháng Iăm 1970, nhưng mãi đến nay chúng tôi mới có dịp được giới thiệu cùng bạn đọc, vì số trang hạn hẹp. Xin chân thành cáo lỗi ông dịch giả và bạn đọc, nhất là những bạn mong muốn được biết về tác phẩm mới nhất của Simone de Beauvoir.

Tòa-soạn VĂN

● Một số các nhà phê bình đã trách cứ bà đại khái như sau : « Simone de Beauvoir cho rằng chúng ta không muốn ngó thẳng vào thân phận những người già nua tuổi tác, vậy mà, hiện thời, người ta luôn luôn nói tới những người già cả đó. » Một nhà phê bình còn nói ngay cả rằng bà đã chọn đề tài này, bởi vì đây là một đề tài đang thịnh hành. Vậy mà bà lại tuyên bố trái lại rằng hiện có một sự đồng lòng im hơi lặng tiếng chung quanh tuổi già.

SIMONE DE BEAUVOIR. — Thật ra, chỉ có từ hơn hai thập nay một chút người ta mới bắt đầu nói tới sự già nua, sau một báo cáo do ban Tổng Thanh tra bộ Xã hội đệ trình. Trong báo cáo ấy, người ta lập thống kê về những công việc đã làm cho những người già trong mười năm qua, và người ta nhận xét rằng điều kiện vật chất của họ, thay vì khá hơn, thì trái lại đã giảm sút trong sự kiện là những tiền cấp dưỡng của họ tăng chậm hơn giá sinh hoạt.

Điều này đã hơi làm thức tỉnh đầu óc người ta và do đó người ta đã đề cập tới vấn đề ở ngay trên trang nhất tờ « France Soir ». Hơi bận tâm một chút, chánh phủ đã ra lệnh mở một cuộc điều tra và lập những bản báo cáo : Cô Dienesch đã hứa hươu hứa vượn, các giám đốc các viện dưỡng lão đã đoan quyết là họ sẽ làm một cái gì — một trong số những vị giám đốc đã loan báo là ông sẽ ra lệnh trừ diệt những con gián trong vỉ của ông — và thật vậy, người ta đã bắt đầu đề cập tới số phận những người già cả như thế đó.

Nhưng cách đây hai năm rưỡi, khi tôi bắt đầu viết cuốn « la Vieillesse » nào đã có ai đã động tới chuyện những người già đâu, ngoài những nhà lão-chứng-học và lão-bệnh-học. Và sau khi sách đó của tôi ra mắt độc giả, nhiều người trong những nhà lão-chứng-học và lão-bệnh-học đó đã gửi thư cho khen ngợi tôi là đã phá vỡ một sự đồng tình im lặng đích thực.

● Riêng về phần cá nhân bà, tại sao bà đã viết « la Vieillesse ? »

S. DE B.— Vì nhiều lý lẽ : lý lẽ thứ nhất chính là khi tôi viết ở đoạn cuối cuốn « la Force des choses » rằng tôi đã tới gần tuổi già, thì điều tôi viết đó thật linh đã hơi gây xôn xao. Các nhà phê bình và rất nhiều độc giả đã nói với tôi rằng lẽ ra tôi chẳng nên băn khoăn về tuổi của tôi, rằng tôi hãy còn trẻ mà, rằng tôi vẫn cứ trẻ đấy chứ, rằng không có vấn đề tuổi tác, và tôi nhận thức là đối với đa số con người, sự già nua tuổi tác chỉ là một chủ đề kiêng kỵ hoặc ít ra cũng là một thứ chủ đề khiến người ta khó chịu. Việc đó đã khiến tôi bực bội và tôi đã nghĩ trái lại rằng có lẽ cần phải đề cập tới sự già nua, bởi vì không ai dám đề cập tới chuyện đó.

Nếu từ lâu sự già nua là một chủ đề bị kiêng kỵ, chính là vì, một cách nghịch lý, những con người chấp nhận nghĩ tới tuổi già một cách ít dễ dàng hơn là chấp nhận nghĩ tới sự chết.

● Theo ý bà thì bởi đâu mà có những sự mập mờ, lúng lờ như thế ?

S. DE B.— Đó là một trong những điều mà tôi đã cố gắng đề cập. Giữa đám những lý do khác nữa, tôi tin rằng sở dĩ có điều đó chính bởi vì những con người chấp nhận nghĩ tới cái chết của mình một cách dễ dàng hơn là nghĩ tới sự già nua của họ. Evelyne Sullerot có kể lại rằng trong một cuộc điều tra của bà bên những cô cậu hãy còn rất trẻ tuổi, bà đã yêu cầu các cô cậu đó thử tưởng tượng một trong những ngày của chúng về sau này khi chúng được năm mươi tuổi. Những cậu trai thì trả lời rằng có lẽ lúc đó chúng là giáo sư, là kỹ sư hoặc là giám đốc tổng quản trị, nhưng phần lớn những cô gái thì lại nói rằng « tôi sẽ chết trước ngày đó » hoặc « ngày đó tôi sẽ tự sát », bởi vì các cô từ chối không chịu nghĩ rằng có lẽ một ngày kia các cô có thể sẽ già.

Do đấy, trong cái toàn thể, sự chối bỏ đó có tính cách chung cho cả hai phái : các đàn ông và các đàn bà đều nghĩ rằng có

một sự suy giảm giá trị trong tuổi già (và chẳng ý tưởng đó ra cũng đúng trong phần lớn những trường hợp) và rằng khi già đi họ sẽ trở thành cái bóng của chính họ.

Đằng khác, với ý kiến của những cô, những bà bạn vì tham gia những công việc cứu trợ xã hội và do những kinh nghiệm của riêng tôi, tôi được biết về cái hoàn cảnh buồn thảm được dành cho những người già cả trong những xã hội vì chúng ta và sự tương phản giữa vẻ im lặng cố ý ấy với sự kiêu dũng thực ấy đã thúc đẩy tôi nghiên cứu vấn đề.

Cũng còn có điều khác đã thúc đẩy tôi làm công việc ấy. Khi tôi bốn mươi tuổi, tôi đã nhận thức được rằng đối với số đàn bà thì sự kiện là một người đàn bà không hề giống như nào với sự kiện là một người đàn ông đối với đàn ông, cho nên tôi đã muốn biết cái thân phận của đàn bà tức thị cái thân phận của tôi — mặc dầu tôi chẳng hề bao giờ đau buồn vì cái thân phận ấy — và tôi đã viết cuốn « le Deuxième Sexe » (Phi thứ hai). Cũng như vậy, năm tôi sáu mươi tuổi, tôi đã nhận thấy rằng thân phận của tôi chắc hẳn sắp sửa là thân phận của những người già, những kẻ mà khi xưa tôi thấy họ hoàn toàn khác biệt với tôi, như một loại người riêng biệt, và do đấy tôi đã chú ý tới họ.

● Vậy ra khi bà viết về đàn bà, bà đã lợi dụng cá
khía cạnh có đặc huệ của một người đàn bà được những
đàn ông « nhận biết » để cố hiểu rõ chừng nào hay chừng
ấy về thân phận đàn bà, và, khi bà viết về những người
già, bà đã lợi dụng cái sự kiện bà hãy còn ở cái lớp người
mà bà gọi là « những kẻ tóc hoa râm » để cố hiểu rõ tuổi
già, mà không ở hoàn cảnh người già, phải thế không?

S. DE B.— Chính thế. Năm nay tôi 62 tuổi, và « nói theo từ ngữ chuyên môn » thì tuổi già bắt đầu vào năm 65 tuổi, bởi chừng tuổi hưu trí được quy định là 65. Do đấy, tôi chưa phải « một bà già » mặc dầu tôi đã khá gần tuổi già để nhận thức về số phận của chính tôi, đồng thời, như một đàn bà chẳng hề bao giờ làm cho đàn ông phải « nhận biết » mình — bởi chừng tôi ở cùng một bình diện với những đàn ông — điều nói trên đã

hiển cho tôi một viên tượng tốt đẹp để nghiên cứu về thân phận đàn bà. Tôi nghĩ rằng, để nghiên cứu một cái gì đó, tốt hơn hết là người ta ở sát bên cái đó nhưng vẫn ở ngoài nó. Ví thử tôi đã 80 tuổi thì hẳn tôi chẳng thể viết một cuốn sách đòi hỏi tôi nhiều công lao như cuốn « la Vieillesse » này. Để có thể viết nó hẳn tôi đã phải dành tất cả khả năng tinh thần và sức làm việc của tôi cho nó.

● Về sức làm việc, ngay cả những nhà phê bình rất dễ mến cũng đã nói rằng phần thứ nhất cuốn sách của bà đã được tạo dựng bằng những kiến thức sao tập.

S. DE B.— Đó là một sự trách cứ mơ hồ. Trước hết, hỏi rằng cái gì thường được tạo lập bằng kiến thức tiên khởi, ngoại trừ vài công trình bị giới hạn hoặc có tính cách chuyên môn ? Khi người ta làm một công trình về tổng hợp, rất đương nhiên người ta bắt buộc phải mượn những tài liệu, ý kiến trong những sách khác.

Một công trình sao tập chính là công việc của kẻ chỉ cóp nhặt đúc kết lại những công trình đã có. Từ quan điểm này, tôi có thể nói rằng, cái chương của tôi về sinh vật học là một công trình sao tập, như đã quy định, bởi vì khi viết chương ấy tôi đã chỉ có việc lấy ý kiến từ những sách khác. Nhưng ngay cả trong chương ấy tôi vẫn luôn luôn suy nghĩ về vấn đề, đã vạch ra một đường hướng triết lý cho cái mà tôi viết.

Nhưng khi tôi viết đoạn đề cập tới môn nhân loại học, tôi đã sử dụng những công trình của viện thí nghiệm về nhân loại học của trường Collège de France, do Lévi-Strauss điều khiển. Tại viện thí nghiệm đó, người ta đã hiến cho tôi nhiều thể tài liệu về tuổi già trong những xã hội khác nhau, nhưng tôi đã không chỉ làm cái công việc thiên cận là tóm lược những thể tài liệu ấy ; tôi tìm coi lại tất cả những sách có những đoạn được rút ra để ghi vào thể tài liệu, với mục đích coi sự liên hệ giữa tuổi già với cái toàn bộ của xã hội, và cái công việc đó, chính là cái công việc có lẽ đã được tạo lập một hoặc hai lần đối với một số xã hội nào đó, nhưng không hề là toàn bộ của tất cả mọi xã hội. Vì thế, những sự so sánh được đặt ra, sự

lựa chọn của tôi, cái thứ tự trong đó những ý nghĩ của tôi — nảy sinh từ những tài liệu kể trên — được sắp loại, chính là công việc độc đáo của riêng tôi.

Về môn sử học cũng thế. Tôi ưa được người ta đưa cho coi cuốn sách tiên khởi mang những ý tưởng mà tôi ghi chép lại để viết về lịch sử sự già nua. Thâu thập cho lịch sử sự già nua những sự kiện khác hẳn nhau, chẳng hạn lịch sử những nông dân Pháp và lịch sử đề tài của « người đẹp già nua » trong văn chương cũ và mới, thì đó chính là làm cái công việc có tính cách tiên khởi vậy.

Đằng khác, trong phần thứ hai cuốn « la Vieillesse » có nhiều ý kiến chú trọng tới tuổi già và thời gian ; những ý kiến ấy là sản phẩm của một sự suy nghĩ tuyệt đối có tính cách riêng tư ; tôi chẳng thấy có ở sách nào, trừ ở vài trang của Schopenhauer — những trang chỉ hơi đề cập đến vấn đề — sự giải đáp cho những vấn đề sau đây : tại sao khi người ta già thì thời gian qua mau hơn là khi người ta còn trẻ ? và trong khuôn khổ nào thời gian thực sự qua mau hơn ? Tôi cũng đã suy nghĩ về cái cách thức theo đó một người già « cảm nhận » tuổi tác của mình hoặc từ chối không chịu « cảm nhận » tuổi tác ấy — và sự suy nghĩ này nối tiếp một vài dữ kiện triết lý chẳng hạn kể từ ý niệm về « những điều không thể thực hiện được » mà Sartre nói tới. Tôi chẳng hề thấy ở đâu có nói tới vấn đề này trước đó cả.

● *Thật ra người ta chỉ chê trách bả về cái phần thứ nhất của cuốn sách mà thôi, và còn có nhiều người còn thắc mắc là cái chương viết về những người già trong các xã hội cổ sơ liệu có cần thiết hay không ?*

S. ĐỀ B.— Có chứ, chương đó rất ư cần thiết. Vốn có rất nhiều huyền thoại và thành kiến về đề tài này, và những huyền thoại, những thành kiến đó thường mâu thuẫn nhau. Hoặc người ta nói rằng trong những bộ lạc cổ sơ, người ta bắt người già

leo lên cây dừa rồi rung cây (1), rằng người ta giết những người già, hoặc người ta nói trái ngược lại rằng trong xã hội cổ sơ những người già rất được kính trọng. Tôi đã nghĩ rằng thật là điều ích lợi và thích thú khi được biết những cách thức khác nhau trong lối cư xử với những người già trong các xã hội và đưa ra ánh sáng — điều này lúc khởi đầu tôi không biết và tôi đã hiểu biết nó dần dần — sự quan trọng của những hoàn cảnh kinh tế và cả sự quan trọng của những thượng tầng cơ sở. Do đấy, tôi đã tìm ra những thí dụ chứng tỏ rằng ngay trong những cơ cấu kinh tế nghèo nàn nhất, người ta vẫn đối xử tử tế với những người già cả. Nơi những người Yaghans, một bộ lạc đã bị diệt vong, những người già được đối xử rất chu đáo, bởi vì những mối liên lạc giữa các con cái, cha mẹ và ông bà thì rất thâm thiết, trong khi tại những bộ lạc khác, như bộ lạc Yacoutes, những người già cả bị đối xử rất ư tàn tệ một phần cũng vì những đứa trẻ con cũng bị cha mẹ chúng đối xử tàn tệ như thế. Cùng lúc, trong những xã hội khác nhau này người ta thấy cả một biểu đồ hình rẽ quạt về những mối liên lạc khả thủ giữa những trẻ con, người lớn với những người già : yêu kính, tôn trọng, sợ hãi hoặc trái lại, chế nhạo khinh bỉ, bỏ rơi.

★ Trước hết mọi sự, điều cần lưu ý là phải tránh việc sử dụng quá đáng một người khiến cho khi họ mới sáu mươi tuổi họ đã suy tàn đến nỗi phải bị loại bỏ.

Người ta lại thấy những thái độ ấy suốt trong lịch sử và cho đến tận ngày nay, nếu người ta khảo sát những tầng lớp xã hội khác nhau, người ta sẽ thấy những trường hợp riêng biệt khác nhau. Vậy thì ở đó người ta có cái hình đồ hình rẽ quạt về thân phận con người nói chung, và về thân phận những người già nói riêng.

(1) Rung cây như vậy hẳn là để thử sức người già. Nếu y còn khỏe, nghĩa là còn có thể hữu ích thì y vẫn còn đủ sức bám chặt vào cây, chứ không rớt xuống; nếu y đã yếu sức, nghĩa là đã trở thành một loại vô tích sự, ăn hại, thì y sẽ rớt từ trên cây xuống mà chết, làm nhẹ gánh cho con cháu. (Chú thích của người dịch).

● Nếu, đối với những người già, có một số những thái độ khả dĩ mà người ta luôn gặp thấy suốt trong lịch sử (dầu ở nơi những người cổ lỗ hoặc trong những xã hội tiến bộ) thì có phải điều đó phủ nhận cái quan niệm của những người cho rằng tuổi già là một định mệnh chăng.

S. DE B.— Như luôn luôn có trong tất cả mọi hoàn cảnh của con người, vốn vẫn có một phần của định mệnh. Cái định mệnh mang sinh vật tính của người già chính là không một ai thoát khỏi sự thoái hóa của cơ thể — và do đấy cũng có một định mệnh mang xã hội tính bởi chừng sự thoái hóa của cơ thể khiến cho từ một tuổi nào đó người già không thể làm việc được nữa và do đấy không còn khả năng sản xuất.

Nhưng dầu có nói thế cũng phải hiểu rằng, như cho bất cứ hoàn cảnh nào của con người, cái định mệnh đó cũng được cải sửa bởi cảnh huống kinh tế và xã hội, và sự suy yếu về thể chất của người già cũng có một ý nghĩa hoàn toàn khác, tùy theo cái hoàn cảnh của người đó trong xã hội.

● Tất cả các giải pháp đều xấu hay sao ?

S. DE B.— Không phải vậy đâu, cũng có những giải pháp có thể chấp nhận được, chẳng hạn trong một số những xã hội cổ sơ hoặc ngay cả, vào những thời kỳ nào đó của lịch sử, trong những xã hội thôn dã. Nhưng, trước hết mọi sự, điều cần lưu ý là phải tránh sử dụng quá đáng một người, khiến cho khi họ sáu mươi hoặc sáu mươi lăm tuổi, họ đã suy tàn đến nỗi phải bị loại bỏ. Sau đấy cần phải làm sao để một người già có thể, trong những hoạt động của y, đáp ứng với điều kiện thể chất của y, dầu cho tuổi y có cao đến chừng nào đi nữa. Trong một số xã hội thôn dã, những dân quê tiếp tục làm việc tới 85 tuổi; nhưng kể từ lúc họ 60 tuổi thì sức hoạt động của họ giảm dần dần. Phải sắp đặt sao để người già dầu có tới một tuổi rất cao, cũng vẫn còn có thể hoạt động được, vẫn còn cảm thấy mình là kẻ hữu ích, và do đó họ vẫn còn cảm thấy mình không phải đồ bỏ. Chắc hẳn đó là giải pháp tốt đẹp hơn cả.

● *Hình như trong số những nhà phê bình vốn có những người thuộc loại chễ-theo-thờ, tùy theo họ được đặt vào trục bên hữu phái hoặc tả phái. Khi thì họ coi bà là người có tư tưởng lạc quan ngây thơ, bởi vì người ta nghĩ phăng ngay rằng sự già nua là một định mệnh siêu hình hoặc là, dầu thế nào chăng nữa, một định mệnh sinh vật tính và tâm lý và rằng thật ngây thơ khi tin là chỉ thay đổi đời sống, người ta sẽ cứu ~~và~~ được cảnh già bởi chừng cái thâm kịch này liên hệ đến con người chứ không liên hệ đến những tương quan giữa những con người với nhau. Khi thì, trái lại, người ta cho rằng bà là một kẻ bi quan, bởi vì nếu vấn đề này có tính chất xã hội thì người ta phải có thể, bằng những sự cải cách, làm cho hoàn cảnh của người già dần dần tốt đẹp hơn lên. Bà nghĩ sao về những ý kiến đó ?*

S. DE B.— Lần này, đối với tôi thì hình như những phản ứng của các nhà phê bình ít bị chi phối bởi những lập trường chính trị của họ. Nhìn chung thì ở hữu phái cũng như ở tả phái, phần lớn người ta đều cho rằng cách thức đối xử với các người già ngày nay là một sự bêu xấu ; và chẳng, ngay cả chính phủ cũng nhìn nhận điều ấy.

Dầu có nói như vậy thì cũng vẫn có một sự khác biệt. Những nhà phê bình khuynh tả chấp nhận cho tôi đặt nặng vấn đề vào những điều kiện kinh tế và xã hội, trong khi những nhà phê bình khuynh hữu lại ưa nghĩ rằng đó là một vấn đề siêu hình có tính chất sinh vật học, và rằng vấn đề có tính chất xã hội chỉ là thứ yếu.

Hiển nhiên óc tôi ngã theo ý nghĩ của các nhà phê bình khuynh tả hơn. Tuy nói vậy nhưng khi tôi bắt đầu viết cuốn sách tôi đã không đo lường sự quan trọng của yếu tố xã hội. Chẳng hạn đạo đó tôi đã khá ngạc nhiên khi đọc cuốn sách của Bastide về « Xã hội tính của những bệnh tâm thần ». Bastide xài lại ý kiến của một y sĩ về thần kinh cho rằng ngay cả cái bệnh lâm cầm của người già, mà người ta vốn coi là phát sinh do những nguyên nhân về cơ thể — chứng có là bộ óc của những người già lâm cầm bị nganh kết từng đám — thì, phần lớn, phát sinh do ảnh hưởng của xã hội, bởi vì ngay cả những chứng

hỗn loạn rõ rệt về cơ thể cũng có thể phát sinh do những điều kiện tâm lý — xã hội. Cứ theo như ý kiến của Bastide và của cái ông y sĩ về thần kinh kia thì hình như chín phần mười những người già mắc chứng lâm cầm chắc hẳn sẽ không lú lẫn — chúng ta có thể dùng tĩnh từ này — như thế nếu trong suốt đời họ, họ đã được đối xử theo cách thức khác. Bastide còn đi cả tới chỗ cho rằng chứng lâm cầm của người già là một hậu quả của những điều kiện sống đã được dành cho họ trong xã hội.

Tôi sắp đưa ra dẫn chứng với ông một sự kiện mà một nữ trợ tá xã hội đã hiến cho tôi. Cô ta được biết một người già rất nghèo và bị cụt cả hai chân. Nhưng ông ta vẫn còn cả cái đầu của ông, và hẳn nhiên ông vẫn còn hoạt động nếu người ta cho ông một đôi chân giả. Việc lắp chân giả này hẳn phải tốn 2.500 phật lạng cho bộ An ninh Xã hội nhưng một quy luật phù phiếm lại định rằng phải 5 năm sau khi mất chân ông ta mới có quyền được lắp chân giả. Thế rồi, trong lúc ông ta chờ đợi, ông ta được đặt nằm vào một cái giường nhà thương trong gian những người lâm cầm. Cuối cùng nữ trợ tá xã hội đã tìm ra tiền cho ông, nhưng hãy tưởng tượng xem ông già đó phải sống 5 năm như bị đóng đinh vào giường giữa đám những người lâm cầm thì hẳn nhiên chính ông ta cũng phải trở thành lâm cầm.

Như vậy rõ ràng là người ta đã tạo ra những người già hoàn toàn tuyệt vọng. Sự già nua đúng ra là một hiện tượng cả về thể chất lẫn tâm thần — tất cả những nhà lão-chứng-học đều đồng ý như thế — nếu người ta tác động vào thân thể của cá nhân bằng cách tước bỏ tất cả khả năng hoạt động và khả năng sống một cách bình thường thì cùng lúc người ta gây ra ảnh hưởng cho cả tâm thần cá nhân đó. Chẳng cần phải nêu ra cái trường hợp cũng quá đáng như trường hợp của ông già đã bị cưa cả hai chân như ở trên, ông (1) cũng có thể tưởng nghĩ được là ngay cả bây giờ cũng còn có rất đông người già nếu bị viễn thị thì không thể sắm nổi cặp kiếng, hoặc nếu bị điếc thì không thể sắm nổi một cái máy nghe: trong trường hợp thứ nhất, họ không thể đọc được; trong trường hợp thứ hai, rõ ràng là họ bị cắt đứt liên lạc với tất cả đời sống xã hội.

(1) Ông = người đối thoại với S. DE B.

Đúng là có một sự thoái hóa không thể tránh được có tính cách sinh lý nhưng sự thoái hóa ấy có thể được bù đắp lại, ở một mức độ rất rộng lớn, nơi những người thuộc những giai cấp có hoàn cảnh sống dễ chịu. Về phần những người khác, xét về khía cạnh thể chất và tâm thần của tuổi già, những sự thoái hóa ấy mỗi lúc một thêm trầm trọng và đẩy họ vào tình trạng suy sụp vào những sự hỗn loạn về tính nết và vào sự lằm càm. Do đấy tôi nghĩ rằng tiền bạc và, bởi ảnh hưởng của tiền bạc, mức sống của xã hội giữ một vai trò cực kỳ quan trọng.

★ Xã hội mưu lợi của chúng ta có lẽ có thể tăng hưu bổng của một người già lên gấp ba, nhưng nó không làm bởi nếu làm như thế nó sẽ không thu được lợi lộc gì cả.

● Ở đoạn cuối cuốn sách của bà, bà có nói rằng cần phải « thay đổi đời sống ». Người ta đã bề họ bà rằng dầu sao đi nữa, bởi chung xã hội hẳn đã bắt đầu chú ý tới vấn đề này, thì có lẽ có thể giải quyết vấn đề này bằng những sự cải cách mà khỏi cần đi xa đến thế.

S. DE B. — Trước hết tôi phải nhắc lại với ông rằng mấy tiếng « thay đổi đời sống » là của Rimbaud, mà nội dung tương xứng khá đúng với mấy tiếng « thay đổi thế giới » của Marx. Không phải là thay đổi đời sống trên phương diện tinh thần theo như ý muốn của Pierre-Henri Simon. Thay đổi đời sống, điều này đúng ra có nghĩa là thay đổi thế giới, và, do đấy, tôi nghĩ rằng cần phải thay đổi thế giới, thay đổi xã hội, và tôi quan niệm điều ấy theo một chiều hướng hoàn toàn có tính chất mác xít, bởi vì nếu người ta đối xử với một người như đối xử với một cái máy, trong bốn mươi năm, khi người ấy đã bị xài đến hư hỏng, đến kiệt quệ rồi, thì đó không phải chỉ cần một chính sách nào đó quảng đại hơn một chút — như người ta quen nói — đối với các người già là người ta có thể làm cho các người già phù hợp lại với đời sống, vì quá trễ rồi. Tất cả những cuộc điều tra — chẳng hạn về những công nhân ở Paris và về những ngư

phủ miền Bretagne — cho biết rằng khi những con người đã làm việc theo một cách thức nào đó, đã bị khai thác theo một cách thức nào đó trong suốt đời họ, thì chỉ vào khoảng 55 hoặc 60 tuổi là họ đã già khom, trong khi một người thuộc giới tiểu tư sản đã sống một cuộc đời dễ chịu thì tới năm y 60 tuổi, y vẫn là một người « tóc hoa râm » hãy còn vững chãi. Lại nữa, khi một người đã bị tận dụng thì không thể hoán chuyển y được nữa: người ta không thể trả lại cho y sự trẻ trung và sức khoẻ.

Do đấy, tôi nghĩ rằng tất cả những sự cải cách — như lập làng cho những người già, đặt những biện pháp vệ sinh cho những người già, v.v... — đều hoàn toàn không đủ. Tôi không muốn nói rằng cần phải, dù chỉ là tạm thời, chối bỏ những sự cải cách ấy và, bởi xã hội nó vốn như thế đó, bỏ rơi những người già trong số phận hẩm hiu của họ. Không đâu, ngay cả trong cái xã hội này cũng vẫn có những sự việc mà người ta hẳn có thể làm cho tốt đẹp hơn một chút, nhưng, trong cái lúc người ta chạy theo tư lợi, mà người già thì chẳng mang lại chút lợi lộc nào cho ai cả, người ta bèn núp sau sự từ thiện, trong khi người ta vốn biết rằng sự từ thiện đã chẳng hề giải quyết được gì cả.

● Bà có nghĩ rằng nếu cái xã hội mưu lợi của chúng ta quyết định bảo đảm cho sáu triệu rưỡi người già một mức sống xứng hợp, thì liệu nó có thể làm được việc ấy chăng ?

S. DE B. — Tôi không phải kinh tế gia, tôi không thể nói rằng liệu cái xã hội như ngày nay có thể cấp cho những người già những khoản hưu bổng gấp đôi hoặc gấp ba, có thể xây dựng những ngôi làng cho những người già, v.v... được chăng, nhưng tôi nghĩ rằng dầu thế nào chăng nữa, xã hội cũng sẽ chẳng làm những việc đó bởi vì, nói cho đúng ra, những công việc như thế hẳn sẽ chẳng mang tới lợi lộc cho ai cả, bởi chúng đòi hỏi những tổn phí rất nặng nề — như họ vốn nói thế — và có thể sẽ khiến xã hội phải thiệt thòi nặng. Tôi nhớ lại một người có trách nhiệm trong Quỹ Tuổi già có nói với tôi rằng : « Cần phải thực tế mới được ». Trong cách nhìn của nhà tư bản thì không thể đối phó với tất cả những sự đòi hỏi, nghĩa là, chẳng hạn việc hạ thấp tuổi hưu trí và, cùng lúc, tăng thêm hưu bổng.

● *Vậy thì bây giờ người ta có thể làm gì ?*

S. DE B. — Trước hết, chắc chắn là người ta có thể sửa đổi những đạo luật ngớ ngẩn và bất hảo. Chẳng hạn những luật lệ về tiền mướn nhà ở: người ta bù một nửa tiền mướn nhà ở cho người già nếu tiền đó trị giá 200 phật lạng nhưng người ta không bù một xu nào cả cho những số tiền mướn trị giá từ 210 phật lạng. Như vậy là người ta đi tới một sự phi lý gây phần nộ là người già nào ở một căn nhà giá mướn là 190 phật lạng thì chỉ phải trả có 95 phật lạng trong khi kẻ mướn chỗ ở mà giá mướn là 210 phật lạng thì lại phải trả tất cả. Những chủ nhà nào không muốn cho người già thuê nhà mình — thí dụ như những chủ nhà ở Nice —, họ bèn tăng giá mướn nhà lên 210 phật lạng và như thế thì người già chẳng còn làm gì khác được ngoài cách vào ở trong viện dưỡng lão. Còn có những quy luật ngớ ngẩn khác, như quy luật mà tôi đã đưa ra để dẫn chứng, cái quy luật khiến cho cơ quan An ninh Xã hội phải chờ đợi 5 năm một bộ phận thay thế chân tay bị cụt.

Hẳn người ta cũng có thể phát triển những sự giúp đỡ tại nơi ở, hủy bỏ tất cả những thủ tục giấy tờ vốn gây rất nhiều trở ngại cho những người già — gây ngăn trở đến độ có một số người già không lãnh được những đồ cứu trợ mà hẳn là họ có quyền nhận lãnh. Hẳn người ta có thể tăng thêm tổng số những hưu bổng, giữ cho những viện dưỡng lão sạch sẽ và đừng nhét cả ba mươi hoặc năm mươi người vào những phòng ngủ chung quá nhỏ hẹp.

Hẳn người ta có thể làm được nhiều điều lắm, nhưng « ai » có thể sẽ làm nhỉ ? Hẳn nhiên là chính phủ, nhưng « ai » có thể sẽ khiến chính phủ thực hiện những điều đó ?

● *Liệu bà có không nghĩ rằng sự chống đối của phe tả có lẽ có thể khiến cho những sự cải cách này được ghi ngay vào chương trình của chính phủ ?*

S. DE B. — Các nghiệp đoàn luôn luôn khiến cho những sự cải cách đó có một tầm quan trọng lớn. Việc giảm tuổi hưu trí và tăng hưu bổng là những yêu sách kiên trì của họ. Những

công nhân có chân trong nghiệp đoàn đều thuộc trong số ít ở những người có ý thức về sự kiện là một khi họ tranh đấu cho những người già tức thì họ tranh đấu cho chính họ.

★ Nếu những người già bỏ thăm gần như luôn luôn theo một đường hướng bảo thủ thì chính bởi họ lo âu và do vậy họ ưa cái hiện đang là hơn cái có lẽ có thể sẽ là.

● *Nền đệ ngũ Cộng-hóa coi rằng — và cũng muốn chúng ta coi rằng — các nghị viện được bầu ra đều bất lực. Tuy vậy, những người già có quyền bầu cử. Rất luôn luôn, họ không sử dụng quyền bầu cử đó. Bà có tin rằng, nếu người ta dạy cho các người già sử dụng quyền bầu cử một cách thích đáng, thì điều đó hẳn sẽ có thể góp phần vào việc làm cho số phận của họ khá hơn không?*

S. DE B.— Chính ông vừa nói rằng dưới nền đệ ngũ Cộng hòa nghị viện chẳng có sự quan trọng nào cả...

● *Đúng thế, nhưng mà, trong những hội đồng thị xã, điều này rất khác biệt.*

S. DE B.— Không khác lắm. Chẳng hạn ở Nice những người già chiếm 25 phần trăm dân số như vậy là họ chiếm hơn 25 phần trăm cử tri đoàn, bởi vì có những vị thành niên chưa có quyền bầu cử. Do đấy, khi có cuộc bầu cử các hội đồng thị xã thì thị trưởng Nice là ông Médecin vội vã gửi những bao cho những người già, để mở một cuộc tuyên truyền vận động phỉnh nịnh họ. Và, buồn thay, cuộc vận động diễn ra, và những người già luôn luôn bỏ thăm theo đường lối bảo thủ, bởi vì họ e ngại. Đó là một trong những sự việc mà tôi đã cố giải thích trong sách của tôi, vốn có một tính nết nào đó nơi các người già, cái tính nết kết quả của hoàn cảnh được tạo ra cho họ: cái tính đó là sự lo âu. Bởi chưng những người lo âu luôn luôn ưa thích cái hoàn cảnh hiện đang là hơn là cái hoàn cảnh có lẽ có thể sẽ là.

Chẳng bao giờ các người già bỏ thăm theo đường hướng cách mạng cả. Các người già chiếm 25 phần trăm dân chúng, họ là một lực lượng rất quan trọng nhưng họ là những người mà Sartre gọi là « *những kẻ bị xếp loại* », họ bị biệt lập, bị phân tán, họ không biết nhau. Bởi chừng những con người chỉ có thể hành động một khi hợp thành đoàn ngũ. Chắc chắn là các người già chiếm 25 phần trăm dân số, nhưng điều đó chẳng khiến họ khỏi bị lạc lõng trong đám dân chúng trẻ trung hơn, hoạt động hơn và do đấy, cũng chẳng khiến họ khỏi bất lực về một hành động được bàn định.

● Vậy thì việc đoàn ngũ hóa những người già là một công việc có lẽ phải tự đề nghị thành một tổ chức nghiệp đoàn hoặc một tổ chức chính trị hay sao ?

S. DE B. — Không thể mang hình thức tổ chức nghiệp đoàn được, bởi vì những người già không còn làm việc nữa và như vậy không còn làm thành phần của một nghiệp đoàn...

● Thế còn một tổ chức chính trị thì sao ? Bà đã nói về « *kẻ bị xếp loại* » mà : điều này phá vỡ...

S. DE B. — Nhưng những hoàn cảnh phải sẵn sàng cho một tổ chức chính trị như thế. Một tổ chức không phải tự trên trời rơi xuống. Tôi không hề biết là làm thế nào người ta có thể kết nạp những người già lại.

● Người ta cũng đã nói với bà rằng, trong xã hội tân tiến của chúng ta, cái sự kiện tới-một-lúc-nào-đó-một-người-được-coi-như-không-sản-xuất-được-nữa không còn là một vấn đề tuổi già nhưng là một vấn đề chế độ chuyên-viên-trị. Những kỹ thuật chuyên môn tự chuyển biến và tiến bộ mau lẹ đến nỗi tới lúc mà những con người rất sớm bị coi là « *vô dụng* » và hạn tuổi không còn là cái hạn quy định tuổi già nữa. Trong một số trường hợp, những nhà nghiên cứu, những kỹ thuật gia những viên chức mới tới chừng 45 tuổi

đã bị coi như hết thời trong khi họ đang ở tuổi còn nhiều sức lực.

S. DE B. — Đúng là ngày nay tuổi-già-theo-tính-cách-xã-hội và tuổi-già-theo-sinh-vật-học không còn luôn luôn trùng hợp nữa. Tôi đã từng nói về chuyện này : rất thông thường, những quảng cáo dùng người ở Pháp hoặc, hơn nữa, ở Mỹ, quy định là : « Không quá 40 tuổi ». Và những người 40, 45 tuổi do đấy bị « loại bỏ » khỏi cái tổ chức mà họ đang làm việc, và không có thể tìm được việc khác bởi vì tuổi họ đã quá cao. Điều khiến ta xúc động là ngay từ lúc đó họ đã có mặc cảm của những người già, nghĩa là họ sống âm thầm với họ, trở nên hay thù hằn, hay cáu kỉnh, có thể là những tính tình đó của họ còn lạm hơn cả những người già, bởi vì họ cảm thấy cái sự kiện là bị loại bỏ có quá hơn cả sự bất công.

Cùng lúc, nhờ sự tiến bộ của y học, còn người có thể sống lâu hơn và người ta càng lấy bớt của con người cái khả tính phổ hợp với xã hội và tự cảm thấy hữu ích. Điều này cũng chính là sự việc mà hẳn người ta có thể sửa chữa được, và chẳng, trong một số xí nghiệp người ta vốn làm cái công việc sửa chữa ấy : tôi có một bà bạn khoảng 45 tuổi bị đẩy ra khỏi sở làm nhưng người ta trả cho bà thêm một năm lương để làm vốn lập một chạng đờ khác. Nhưng những trường hợp như thế rất hiếm. Nếu người ta làm công việc này một cách thông thường, nghĩa là nếu theo với cái đà một người già đi và những kỹ thuật thay đổi, người ta vẫn cho phép kẻ đó được lập lại cuộc sinh nhai, và bắt đầu lúc còn khá trẻ để kẻ đó thực sự có khả năng học hỏi, tìm hiểu và tự thích nghi-hóa, thì những sự việc hẳn sẽ chẳng như bây giờ và hẳn người ta có thể thấy cả những người 60 tuổi tự thích nghi với những công việc mới.

● Có hai nhà phê bình, cả hai đều có vẻ tinh thông trong công việc của họ, một người thì bảo rằng bà đã viết một cuốn sách chống lại tư tưởng của Sénèque, người kia lại bảo rằng thật ra bà đã trở về với Cicéron và Sénèque. Bà nghĩ sao về sự mâu thuẫn đó ?

S. DE B. — Ở cuối cuốn sách của tôi, tôi có nói rằng thì

ra tuổi già, trong một số trường hợp đặc huệ (1) nào đó, có thể mang tới một cái gì, và tôi tin là thế; nhưng tôi không hề nói là họ mang tới cái mà Cicéron và Sénèque nói đến, nghĩa là sự thoát ly thân xác và sự không-đam-mê. Tôi nghĩ ngược lại rằng nếu tôi cho là tuổi già có thể mang lại một cái gì, thì chính là tôi muốn nói rằng khi một người có tuổi mà vẫn còn là một kẻ say mê, hăng hái trong những công việc của mình, vẫn còn là một kẻ có khả năng tự-chiến-đấu với mình và do đó có thể, trong sự coi thường tới một độ nào đó cái chết hoặc dư luận, có một lòng can đảm, một sức lực và cũng có một khả năng hiểu cái toàn bộ của thân phận con người, cái khả năng mà những kẻ không trải qua tất cả những chặng đường đời thì không có được: cũng chính là phát biểu một « sự thực về La Palice » (2) khi bảo rằng chỉ một người già mới thực sự biết thế nào là một người già. Nhưng ngay

(1) *đặc huệ* tiếng Pháp là *privilégié*, tính từ của danh từ *privilège*. Từ dòng này cho đến hết bài, S. DE B. thường hay dùng tính từ này trong những nhóm chữ như « những kẻ được hưởng đặc huệ », « giai cấp có đặc huệ », v.v... Ở đây, « một người được hưởng đặc huệ » có nghĩa là một người có danh vọng có địa vị lớn trong xã hội, hoặc có trình độ học thức cao hoặc sang trọng giàu có.

(2) *Một sự thật về La Palice* = một sự thật hiển nhiên, khỏi cần được bàn cãi.

Người ta thường dùng từ ngữ này với ý hài hước, chế nhạo sự ngây thơ của một lời phát biểu nào đó.

La Palice hay La Palisse là một đại úy Pháp chết năm 1525 trong một trận chiến ở Pavie. Có lẽ là các binh sĩ dưới quyền ông, để tỏ lòng nhớ tiếc ông, đã soạn một bài ca trong đó có mấy câu sau đây:

Monsieur d'La Palice est mort,

Mort devant Pavie ;

Un quart d'heure avant sa mort,

Il était encore en vie.

(Ông de La Palice đã chết.

Chết ở trước thành Pavie ;

Mười lăm phút trước khi ông chết,

Ông vẫn còn sống).

cả trong đoạn đó tôi cũng không nói rằng đặc tính của người già chính là sự khôn ngoan và sự bình tĩnh mà Cicéron nói tới. Hơn nữa, tôi nói rằng chỉ một số rất ít những kẻ có đặc huệ mới có thể được thụ hưởng những đặc lợi đó và toàn bộ cuốn sách, ngược lại, trình bày người già trong một nhận định khác biệt hẳn với nhận định của Cicéron. Phải bảo rằng Cicéron hoàn toàn chỉ chú trọng tới những người già được hưởng đặc huệ bởi chứng, trong những ngữ từ rất phù phiếm, Cicéron nói rằng hiển nhiên khó mà dung thứ cho cái già và cái nghèo. Ông ta không chú ý tới những người già nghèo khổ, tất cả điều mà ông muốn chứng tỏ chính là những nguyên lão nghị viên cần phải được người ta lắng tai nghe.

★ Ngày nay tôi có cảm tưởng là 65 tuổi thì cũng như 55 tuổi: vốn có một thứ ngưng đọng trong tuổi tác.

● Bà thuộc thành phần những người được hưởng đặc huệ và bà có khá nhiều tiền bạc để có thể sống mà khỏi phải làm việc, bà cảm thấy cái sự kiện về già nua ra sao? « Tính theo kỹ thuật » thì 3 năm nữa bà sẽ là người già. Bà nghĩ gì về điều đó?

S. DE B.— Trước hết, tôi sẽ phải đặt lại vấn đề này với tôi khi nào tôi 80 tuổi, bởi vì tới lúc có lẽ tôi sẽ không còn đủ khả năng để làm việc, tôi sẽ không còn năng lực chú ý hoặc tập trung tư tưởng nữa. Giờ đây, tôi chưa hề vương chút nào vào tình cảnh đó và tôi không cảm thấy trạng thái của tôi lúc này quá khác biệt với trạng thái của tôi cách đây mười năm. Tôi đã qua cái chặng thời gian từ năm 1958 đến năm 1962 và bây giờ tôi nghĩ rằng chặng thời gian đó liên hệ đặc biệt tới sự kiện

→ Mấy câu ấy có ý nói rằng La Palice đã chiến đấu cho tới giờ phút cuối cùng của đời ông, nhưng dần dần cái ý nghĩa đó bị mất đi, và người ta hẳn đã chỉ muốn giữ lại cái ý nghĩa ngây thơ ngơ ngẩn của mấy câu hát ấy. (Chú thích của người dịch).

chiến tranh ở Algérie, và cái sự kiện tôi đã sống trong nỗi sầu thảm nhất khi suy tư là người ta đã sửa soạn cho tôi một tuổi già đáng kinh hãi, bởi chưng lúc ấy người ta đã bắt buộc tôi, với tư cách là người Pháp, phải đồng lõa với hành động của nước Pháp đối với Algérie, mặc dầu tôi chống hành động ấy. Đạo ấy tôi rất bi quan và cũng đạo ấy, khi hồi tưởng lại những năm tôi còn trẻ hơn, tôi thật sự có cảm tưởng mình đã vừa vượt qua một bước đường đời vừa nhận thấy, chẳng hạn là từ đây trở đi mình không còn có thể làm những chuyến đi chơi xa bằng cách lợi bộ hoặc không còn có thể trượt tuyết.

Giờ đây tôi có nhiều việc khác phải làm hơn là ngẫm nghĩ hoài về điều đó và, thật ra, từ sau cái thời kỳ đó, tôi không còn cái cảm tưởng trải qua một chặng đời mới. Có lẽ là khi nào tôi 80 tuổi, tôi sẽ trải qua một chặng đời khác nhưng, trong lúc này, tôi có cảm tưởng là 65 tuổi cũng như 55 tuổi: vốn có một thứ ngưng đọng liên hệ đến tuổi tác. Bởi vì phần thì tôi có công việc phải làm phần thì tôi chú trọng đến cõi thế nên óc tò mò của tôi vẫn còn mạnh như khi xưa và bởi vì chung quanh tôi đầy tình thân hữu nên tôi tự cảm thấy mình là người có rất nhiều đặc huệ, và tôi không cảm thấy sức nặng của những tháng, năm.

● *Khi đề cập tới ba tập « ký ức » của bà, người ta thường nói tới dung lượng hạnh phúc của bà. Bà có nghĩ rằng ngày nay dung lượng đó nhỏ bớt đi không ?*

S. DE B.— Nói cách khác, ông hỏi tôi là tôi có sung sướng hay không, chứ gì ? Tôi sung sướng chứ. Không phải là người ta cứ luôn luôn sống trong sự hãi hùng khi người ta được biết những chuyện đang xảy ra trên thế giới, những chuyện liên hệ tới những vụ tra tấn ở Ba-tây, ở Mỹ-tây-cơ, tới chiến cuộc ở Việt-nam, tới sự can thiệp của Nga-xô tại Tiệp-khắc, tới vụ tiêu diệt những người Biafraïis. Cũng chẳng phải là cái chính phủ tồi tàn, thảm hại mà chúng ta đang có khiến tôi phải tởm gớm gì lắm. Nhưng rốt cuộc lại thì nước Pháp, mặc dầu có hành động can thiệp bằng quân sự đáng lẽ thẹn vào xứ Tchad, ngày nay cũng vẫn cứ là bất lực hơn là có tội. Và khi mà đời tư của tôi luôn luôn sáng sủa khoáng đạt, khi mà tôi không còn tự cảm thấy mình trực tiếp có trách nhiệm về những vụ tra tấn và những vụ tàn sát, và khi đang diễn ra một

cuộc chiến đấu trên bình diện thế giới, trong cuộc chiến đấu ấy những dân tộc bị áp bức đang, một cách quyết liệt, giành lại được nền độc lập của họ, thì thật linh, trong một cách thức nào đó, tôi là kẻ sung sướng.

« Bà hình dung ra sao một cái chính phủ bắt chúng tôi phải sống quãng cuối đời chúng tôi bằng năm phệt lạng một ngày ? ».

● Chúng ta đã nói về những phản ứng của các nhà phê bình đối với cuốn « la Vieillesse » của bà, nhưng hẳn bà cũng đã nhận được những thư từ chứ ?

S. DE B. — Có, nhiều lắm. Nhưng những thư đó đã được viết cho tôi không phải sau khi người ta đọc cuốn sách của tôi mà là sau khi người ta nghe hai chương trình truyền thanh của tôi trên đài Radio-Luxembourg. Có những người già có mức sống và trình độ văn hóa rất thấp đã nghe hai chương trình này. Như vậy đó không phải những bức thư của những người được hưởng đặc huệ. Rất nhiều bức thư đã là kiểm chứng của sự cùng khổ, những thư ấy xác nhận điều mà tôi đã nói. «Thưa bà, làm sao người ta có thể sống, hai vợ chồng, với dưới 600 phệt lạng một tháng ? ». « Tôi xin hỏi bà một cách thân tình rằng bà hình dung ra sao một cái chính phủ bắt buộc chúng tôi phải sống quãng cuối cuộc đời người lao động của chúng tôi trong những điều kiện khốn cùng đến thế ? ».

Có những thư khác mang tới những sự xác nhận rất đáng chú ý về nhiều điều khác nhau mà tôi đã đề cập tới. Trước hết là sự kiện có rất nhiều người già không biết tới quyền lợi của họ, và sự hồ thẹn mà họ cảm thấy vì phải sống trong những điều kiện buồn thảm đến thế. Chẳng hạn, một ông viết cho tôi: « Tôi muốn yêu cầu bà gửi cho tôi cuốn sách của bà, nhưng là gửi theo lối lĩnh-hóa-giao-ngân bởi vì tôi không muốn xin xỏ. Tôi sẽ xbay xỏ để trả tiền cuốn sách đó. Tôi sống với 250 phệt lạng một tháng, tôi biết là hẳn tôi có thể đòi hỏi một số hưu bổng nhưng tôi không muốn, bởi vì tôi không ăn xin. » Tôi đã trả

lời ông ta như sau : « *Tiền hưu bổng ấy là quyền lợi của ông, đừng có tặng nó cho Nhà nước.* » Nhưng ông ta đã không nghĩ rằng ông ta đã giành được quyền hưu trí này bằng cách làm việc và hùn tiền trong suốt đời ông. Có rất nhiều người già không đòi hỏi những cung phí, những sự trợ giúp về thuốc men hoặc về những cái khác — những cái mà hẳn là họ có quyền hưởng — bởi vì họ có cảm nghĩ — và tất cả mọi thứ tốt cuộc đã góp phần tạo cho họ cái cảm nghĩ này — rằng họ ăn xin.

Có một điều khác rất đáng kể, đó là thường thường đàn bà chống đỡ với cuộc sống tuổi già khá hơn đàn ông. Dưới đây là một đoạn trích từ một bức thư của một bà :

« ... Tôi già đi một cách thích hợp và dễ mình thích hợp với tuổi già, tôi làm việc nhiều lắm. Vào mùa nắng, có ngôi vườn, rất nhiều hoa, có những con mèo rất dễ thương, xinh xắn ngộ nghĩnh bao nhiêu thì phá phách bấy nhiêu. Trở vào trong nhà, náo nháo và, náo nháo thư từ, và đọc sách báo. Tôi là người chủ trương truyền bá thể-giới-ngữ (*espéranto*), do đấy, tôi có thư từ đi lại đến tận và từ những nơi ở mặt bên kia trái đất ; đó là một sự giải trí rất thích thú. Chính từ năm tôi 60 tuổi tôi bắt đầu học tiếng *espéranto*, và tiếng đó cho phép tôi làm một vài chuyến đi sang những xứ ngoại quốc.

« Như bà có thể phán đoán được, tôi đã sắp đặt tuổi già của tôi theo một cách thức khiến nó không hề nặng. Tôi chẳng hề bao giờ chán nản, những ngày thì quá ngắn, do đấy tôi sử dụng cả những buổi tối của tôi và điều này có thể khiến bà ngạc nhiên, tôi chẳng bao giờ ngủ trước một giờ rưỡi đêm, tôi nằm đọc sách báo trong giường cho đến tận hai giờ sáng ».

Đó, người ta thấy một người đàn bà đã phản động với tuổi như thế nào ; bà ta đã học thể-giới-ngữ vào năm 60 tuổi, bà ta bỏ những chuyến du lịch, bà ta chăm lo việc nọ việc kia và sự hoạt động khiến bà ta luôn mạnh khỏe.

Cũng có những người già tìm những lối giải khuây dâm dật. Một ông, hẳn đã rất cao niên, gần như mỗi tuần lại gửi thư cho tôi đề kể cho tôi nghe, bằng những dụng ngữ rất ư chính xác, ông ta đã mất tâm như thế nào, ông ta đã ngủ với một người đàn bà mà ông ta đã « *nhặt* » được ở một đường phố nào đó như thế nào, và người ta thấy rõ ràng là ông ta thích thú được vừa kể lại những chuyện đó vừa nghĩ rằng những thành tích dâm dật của ông sẽ được một người đàn bà đọc...

★ Có lẽ có những người già sung sướng nhưng những người đó thì hiếm, và, luôn luôn, họ thuộc những giai cấp được hưởng đặc huệ.

● Bà có nhận được cả những bức thư của những người muốn phụng sự cho một cái gì không ?

S. DE B. — Có. Một bà 80 tuổi viết cho tôi, cho biết rằng bà ta chăm sóc một ngôi nhà, rằng sức khỏe của bà ta rất khỏe, rằng bà ta săn sóc gia đình bà, săn sóc các cháu bà, rằng bà ta làm những công việc khác nhau, và bà còn muốn tôi chỉ dẫn cho bà làm thế nào để bà ta có thể giúp ích cho những kẻ khác. Có nhiều người khác viết cho tôi trong cùng một ý đó. Tôi tin rằng giải pháp chính là những người đó tìm đến những trung tâm Hồng thập tự trong khu vực của họ, bởi vì những trung tâm này cần những người giàu thiện chí để làm nhiều thứ công việc.

● Nhiều nhà phê bình — và đây chính là một sự trách cứ gián tiếp của họ gửi cho bà — đã nói rằng bà thường gặp những người già sung sướng. Chính bà, bà có biết những người già sung sướng không ?

S. DE B. — Tôi có biết những người già sung sướng, nhưng luôn luôn họ thuộc giai cấp được hưởng đặc huệ. Chẳng hạn ông ngoại tôi. Mặc dầu con người của ngoại tôi không có gì đặc biệt và ông thì ích kỷ nhưng ông sung sướng. Nếu bạn giàu và ích kỷ, nếu bạn đã sống tất cả cuộc đời bạn trong sự sinh tồn tầm thường và phù phiếm, thì quãng cuối đời bạn sẽ chẳng khác biệt gì lắm quãng đời trước kia của bạn. Tuy thế tôi cũng chẳng biết là liệu khi ngoại tôi sống heo hút một mình trong dinh cơ của ông, ông có sung sướng lắm không, nhưng khi con cái ông vây quanh chung quanh ông, đặc biệt là có con gái ông người con mà ông rất yêu quý, thì ông có vẻ tươi cười; ngoại tôi thọ 85 tuổi, khỏe mạnh, chẳng phải làm việc gì cả, ông đã sống cuộc đời tầm thường của ông ngày này sang ngày khác và ông có vẻ như rất hài lòng với cuộc sống như thế. Tôi tin rằng ông vốn thờ ơ với cái ý tưởng là có một ngày ông sẽ qua đời. Ông sung sướng nhưng, một lần nữa, ông có rất nhiều đặc huệ.

Một phê bình gia người Bỉ đã nói với tôi là ở nước ông có một trường hợp làm thí dụ cho một tuổi già sung sướng và ngay cả rực rỡ nữa ; ông ta nói về hoàng hậu Elisabeth (1). Chắc chắn là tuổi già của bà hoàng này đã rất đẹp đẽ. Bà chơi âm nhạc, hay đi du lịch — bà đã từng sang Trung-hoa — hoặc đam mê chính trị, bà rất cấp tiến, bà hay tiếp đón các nhà văn, v.v... Giờ đây, để biết là bà ta có đã thật sự sung sướng không thì đó lại là một vấn đề khác, bởi vì thật nông nổi khi bảo rằng con người thì sung sướng một cách đơn thuần vì họ khoẻ mạnh, vì họ hoạt động và vì họ có một vẻ bình thản bên ngoài. Hãy coi xem, người ta đã đưa cái bảng trắc nghiệm của Rorschach cho những người già tự nhận là sung sướng để họ điền vào. Nhưng khi phân tích, giải thích những câu trả lời của họ, người ta đã khám phá ra là nơi các người-già-tự-cho-là-minh-sung-sướng đó vốn có một mối lo âu sâu xa và một nỗi buồn cả thê.

Có lẽ huân tước Russell, một người giàu và có học thức rộng rãi, đã là kẻ sung sướng. Có học thức là một điều rất cần thiết, bởi vì một trong những sự việc giúp đỡ cho những người già nhiều nhất, chính là duy trì một tính tò mò và có những khả năng thỏa mãn tính tò mò ấy. Điều bí hiểm nơi những người làm việc bằng chân tay, những người không có chút học thức nào, chính là họ không còn biết làm gì khi họ không làm việc bằng chân tay nữa và chính là, thông thường, nói cho đúng ra thì họ chẳng làm gì cả.

Phải, tôi nghĩ rằng vốn có những người già sung sướng và tôi được biết vài người già sung sướng nhưng những người như thế chỉ là thiểu số thuộc đám những người được hưởng đặc huệ, và điều ấy chẳng hề thay đổi chút nào cái sự kiện thuộc về thống kê là, trong những xã hội mưu lợi của chúng ta, số phận của đại đa số những người già thì cùng khổ cả về vật chất lẫn tinh thần.

PATRICK LORiot thực hiện
LÊ HUY OANH dịch

(1) Sinh năm 1876, vợ của Albert I ; ông này làm vua nước Bỉ trong khoảng thời gian từ 1909 đến 1934. Nhìn vào lịch sử các quốc gia, người ta thấy có khá đông những bà hoàng mang tên Elisabeth. (Chú thích của người dịch).

GIÁ - BIỂU ĐĂNG QUẢNG-CÁO trên Bán-nguyệt-san VẦN

— 1 trang	một kỳ báo	4.000\$00
— 1/2 trang	một kỳ báo	2.000, 00
— 1/3 trang	một kỳ báo	1.500, 00

đặc biệt : số Xuân tăng thêm 50%

- Mọi giao dịch về quảng-cáo, xin liên lạc với ông Nguyễn-đình Vượng, chủ nhiệm.
- Đăng nhiều kỳ, và anh em văn nghệ có giá đặc biệt.
- Quảng cáo nhỏ nhất là 1/3 trang.

QUÀ TẶNG

Mùa Giáng sinh, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán đã tới. Quý vị có con em du học, quý bạn có thân nhân ở ngoại quốc, không gì quý hơn gửi tặng báo VẦN. Sau đây là giá biểu mua bao trọn năm VẦN gửi đi ngoại quốc :

Kampuchia, Lào, Thái-lan	1.500\$00
Trung-hoa, Phi-luật-tân	1.700\$00
Nhật-bản.	1.850\$00
Úc-đại-lợi	2.100\$00
Pháp	2.350\$00
Đức (và các nước khác, châu Âu)	2.500\$00
Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	2.800\$00

Trên đây là giá báo kể cả cước phí gửi máy bay, từ số 169 (1-1-71) tới số ra ngày 15 tháng 12 năm 1971. Muốn gửi **bảo đảm**, xin trả thêm 400 đồng cước phí phụ.

Gửi đi các quốc gia khác, xin biên thư hỏi :

TY TRI-SỰ VẦN

NGUYỄN - ĐÌNH TOÀN

TRO THAN

*truyện dài — tiếp theo **

MỘT NĂM TÔI VẪN SỐNG NHƯ MỘT HÌNH bóng lẩn lút ở trong nhà. Ba tôi, dì tôi và tôi đều tránh không gặp mặt nhau, tôi muốn nói, gặp nhau cùng một lúc, thực ra thì phải bảo rằng, chỉ có tôi và dì tôi, không ai muốn đối diện với ai cả.

Tôi vẫn gặp riêng ba tôi những khi bà không có nhà. Còn bà, tuy đi suốt ngày, nhưng đêm khuya về, bà vẫn rút lên cái « pháo đài » của ông trên gác. Câu chuyện gia đình vẫn không có gì sáng tỏ cả, đó là một điều vô lý và chính sự vô lý này càng khiến chúng tôi tìm cách lẫn tránh nhau. Cũng phải nhận rằng tôi bắt đầu e ngại cái sự thật mà tôi muốn biết. Sự dè dặt của tôi bây giờ chỉ là sự trì hoãn việc biết cái sự thật đó. Tôi đã muốn làm một thứ đà điều chú ý đầu xuống cát để khỏi biết gì cả. Cho đến lúc nào mọi việc, tự nó, không còn gì che giấu nữa, lộ ra, chừng đó sẽ hay. Không những tôi với

(*) Xem từ Văn số 160.

bà tránh gặp nhau mà còn tránh cả việc phải nói với nhau nữa. Đây là một việc khá khổ cực. Khi bà về đến nhà thường thường là vào lúc tôi đã đi ngủ, nhưng vào những hôm phải soạn bài, chấm bài, giờ đó, tôi còn phải ngồi ở bàn. Phiên hà nhất là những bữa cửa ra vào đã khóa tôi phải đứng dậy và làm cái việc mở khóa cho bà. Cũng may công việc này hầu hết là do con nhỏ giúp việc trong nhà làm. Nếu tôi mở cửa tôi không thể không nói một câu gì đó với bà, chẳng hạn như hỏi, đi mới về, bà li nhí trả lời, sau đó bà đi vội vào trong nhà, tôi trở lại bàn làm việc, nhưng ngay cả khi không còn làm việc ở bàn nữa, đã nằm trong màn, giờ đó tôi vẫn cũng chưa ngủ được, nằm im nghe ngóng bà đi lại, có khi bà mở trạn lấy đồ ăn mang ra nhà ngoài ngồi ăn một mình, chắc bà cũng thừa biết tôi chưa ngủ, thừa biết tôi đang chú ý thử xem bà đang làm những cái gì, tôi phải thở rất nhẹ, bởi vì tôi không muốn bà biết tôi còn thức, tôi nghe tiếng bà nhai cơm, tiếng thìa dũa va chạm vào bát đĩa, nhìn thấy bóng bà mờ mờ qua lần vải sô của tấm màn, tự nhiên cũng thấy buồn cho bà. Hai đứa trẻ đã ngủ từ lâu, nhưng lâu lâu chúng cũng gắng thức chờ mẹ về, bà nói với chúng dăm ba câu thăm hỏi, rồi lại đuổi chúng vào giường ngủ, bà nói và hình như cũng thấy tiếng nói của mình vang lớn quá trong nhà, nên nhiều khi tôi thấy bà tự ý hạ thấp giọng, riêng tôi ít khi nói gì những lúc có bà ở nhà. Đời sống của tôi và cả của bà nữa, trong nhà, như vậy đã mất tự nhiên. Ý định đi ở riêng lâu lâu lại trở lại với tôi, nhưng tôi vẫn không quyết định được, dầu sao cũng còn ba tôi, thêm vào đó, từ ngày tôi về nhà, công việc trông nom hai đứa trẻ kể như tôi phải lo liệu. Dù tôi không hề nghe di tôi nói một điều gì về hai đứa trẻ với tôi, nhưng tôi chắc bà tin cậy tôi trong việc dạy dỗ chúng. Điều khổ tâm hơn cả là số tiền lương của tôi, sau khi chi dùng vào việc may mặc sơ sài, tiền tiêu vặt hàng ngày, tiền xe pháo đi lại, tôi chẳng còn được bao nhiêu. Tôi đưa cả cho ba tôi cũng kỳ, tôi không đưa cả cũng kỳ. Thực ra thì dù tôi có đưa cả cho ông số tiền lương hàng tháng còn lại của tôi, cũng chẳng đủ để cho ông hút, mà riêng tôi chẳng có một đồng một chữ nào để phòng thân những khi đau ốm, hoặc những khi cần dùng đến trong các việc không biết trước. Cuối cùng tôi quyết định mỗi tháng đưa biếu ông một khoản, còn bao nhiêu tôi chỉ dùng một ít vào những khoản chi tiêu trong gia đình, số còn lại tôi để dành.

Như thế tất cả gánh nặng trong nhà vẫn do một mình tôi gánh vác, chẳng có gì thay đổi cả.

Tôi cũng nói với ba tôi :

— Con cố đề dành mỗi tháng một chút để dùng những khi cần gấp.

Ba tôi nói :

— Tùy con.

Câu nói của ba tôi dội vào tôi cái ý nghĩa nửa đứng dừng, nửa chịu thua của ông đối với tôi, đối với cái hoàn cảnh chúng tôi đang sống đây. Tốt hơn tôi cũng chẳng nên nói thêm một điều gì về việc đó cả.

Tôi không nói gì, và tôi sống lâu bền trong niềm áy náy không nguôi về cái hoàn cảnh không rõ ràng gì cả của mình.

Từ ngày tôi trở về nhà, Tuấn cũng ít sang chơi. Có lẽ anh vẫn sang chơi với ba tôi, nhưng anh chọn những giờ tôi không có mặt ở nhà. Nếu anh sang vào buổi sáng tôi không thể có nhà được. Khi tôi về tôi cũng không để gì gợi chuyện với ba tôi để nói về anh.

Nhớ buổi đầu tiên gặp anh, khi anh sang đòi lại cuốn sách, tôi có nói lại với ba tôi việc đó, lúc ba tôi ở ngoài phố về. Ba tôi chỉ nói một câu ngắn ngủi, thế hả, ở của cậu đó, trả lại cho người ta. Tôi hỏi ông, coi bộ cậu ấy còn trẻ sao đã hút sớm vậy ba ? Ba tôi nhếch mép bảo, ba hút thuốc đầu tiên lúc ba còn trẻ hơn cậu ấy nhiều. Tôi nhìn rõ ràng ba tôi nhếch mép trước khi ông nói với tôi câu đó, nhưng tôi không thể biết ông định cười hay ông định nhăn nhó. Tôi nói, xưa khác, bây giờ khác chứ ba. Ba tôi rũ rũ chiếc gối của ông trước khi nằm xuống bảo, sao con biết khác ? Tôi cười bảo với ông, thời ba đầu sao người ta vẫn dễ sống hơn, ai muốn làm chi cũng được. Nhưng bây giờ, mới gần ấy tuổi đã nghiện thì còn làm ăn gì được nữa. Ba tôi nằm xuống yên vị rồi mới bảo, nếu đã khó thì lúc nào cũng khó, dễ thì lúc nào cũng dễ cả. Tôi nghĩ thầm đầu có vậy chẳng nữa mắc mớ gì mà đâm đầu vào sớm thế ? Cũng may đó chỉ là điều tôi nghĩ thầm ba tôi không biết được. Lát sau, tự nhiên ông bảo với tôi, nhưng cậu ấy chỉ sang đây chơi chứ đâu có hút. Câu nói

của ông làm tôi hả dạ. Tôi nói, lúc này cậu ấy cũng có nói với con, nhưng con cứ tưởng cậu ấy nói tránh đi. Ba tôi chắc lừa bảo, việc gì người ta phải nói tránh. Thi phản ứng tự nhiên, cậu ấy muốn giấu. Cậu ấy cũng có bảo cậu sang học chữ Nho bà mà. Ba tôi cười, lần này tôi nhìn thấy rõ ông mỉm cười thật, bảo, cậu ta nói vậy chớ chữ Nho cậu ta khá cừ rồi. Tôi vẫn không hết thắc mắc về chuyện anh ta học chữ Nho. Tôi hỏi lại ba tôi, bộ cậu ta học thuốc hả ba? Ba tôi bảo, ba cũng nghe nói vậy.

Tôi còn muốn hỏi thêm ba tôi vài câu nữa, nhưng tôi thấy ông đã mở cái bóng đèn, quẹt diêm châm vào ngọn bấc. Sau đó ông cầm chiếc kéo nhỏ, cắt sửa cái tim đèn cho ngọn lửa ngay ngắn, ông làm công việc này với một bàn tay khéo léo, mềm mại, yên lặng, dường như ông sợ tiếng nói làm ông rung tay không làm được một cách như ý. Trông ông dường đang sửa soạn một cuộc tế thần, và ông vừa có vẻ thầy cúng lại vừa có vẻ lễ vật đem cúng. Tôi nghiệm ra trong suốt một năm, (bây giờ trong những giờ rảnh rỗi tôi có thể leo lên gác ngồi với ông một lát nếu tôi muốn chớ không còn bị giữ như xưa nữa) ngồi nhìn ông hút, tôi nhận ra tất cả các cử chỉ của một người nghiện, cái gì trông cũng buồn thảm cả, từ cách châm đèn, tiêm thuốc, nạo ống, hút, thở khói, lim dim nằm duỗi dài để nghe cơn say thấm đi khắp cơ thể, cái cảnh ông mở cái bóng đèn thoi tắt ngọn lửa khi hút đủ cỡ, hình ảnh nào tôi cũng thấy có một vẻ gì làm muốn rơi nước mắt. Có lẽ vì thế, khi tôi còn nhỏ, ông không muốn cho tôi nhìn thấy ông hút? Mà chẳng phải riêng mình tôi, những người hút, họ thường hay túm tụm để hút nhưng không ưa những kẻ đến chỉ nhìn họ hút, ngày xưa khi ba tôi có nhiều bạn bè tới chơi, tôi đã nhận thấy như thế. Và quanh họ dù là lúc họ đang hút hay đã ngưng hút, hình như lúc nào cũng vẫn còn một đám khói, một ánh lửa chiếu ra, dù cả hai đã tắt. Có lẽ vì cái vẻ mơ màng của họ đã khiến những người nhìn thấy họ có cảm tưởng như vậy. Cũng có thể đa số người nào cũng có vẻ giống như hai màu khói và ánh đèn trộn lẫn lại.

Nhưng dù Tuấn không sang nhà tôi nữa, một đôi khi tôi vẫn gặp anh trên đường từ ngõ vào nhà. Anh vẫn vui vẻ chào hỏi tôi và bao giờ cũng với vẻ mặt hóm hỉnh và bộ điệu nhanh

nhện của anh. Cô mạnh giỏi chứ? Mấy hôm nay sương mù lạnh quá. Hoặc mưa thế này cô phải đi làm xa ngại quá nhỉ. Như thế chắc anh đã biết cả nơi làm việc của tôi. Tôi cũng cười hỏi thăm lại anh và cũng nhắc đã lâu không thấy sang chơi. Tuấn nói, vắng, độ này tôi cũng hơi bận. Sau đó anh rờ xe cho máy chạy hoặc đi khuất vào phía trong ngõ về nhà. Tôi ngó theo anh vào trong ngõ đoán thử coi căn nhà nào của anh, nhưng sự dự đoán của tôi cũng lộn xộn như tất cả những căn nhà nhìn thấy, sơn đủ màu, đủ kiểu, cao thấp, lồi lõm, chẳng ra hàng lối chi cả. Nhiều bữa vào nhà rồi tự nhiên tôi lại hồi hộp lo sợ vu vơ, vì nghĩ rằng, có lẽ chính Tuấn biết rõ về nhà tôi hơn cả tôi, dầu sao anh đã ở đây mấy năm, những năm tôi vắng nhà, và dĩ nhiên nếu đề ý, chắc anh sẽ biết.

Anh ta đã biết những gì đây?

Lễ Giáng sinh tới, hình như mấy năm liền, bao giờ cũng sau một vài cơn bão, một vài thành phố ở miền Trung hay miền Nam bị lụt, thành phố bị ảnh hưởng thời tiết trở nên lạnh hơn, Sài-gòn trong hơi sương lạnh, trong những trận mưa tưởng đã dứt mùa thỉnh thoảng lại trút xuống, làm cho thành phố có vẻ biến đổi, lãng mạn, quyến rũ hơn vì những thứ quần áo lạ mắt người ta đem ra mặc.

Một buổi chiều tôi ở trường ra vào giờ sau cùng, trên cánh đồng cỏ mênh mông quanh trường, sương đã xuống mờ, trên những hàng dây kẽm gai giăng trên mấy chiếc cọc làm giới hạn của trường, giữa mặt nhìn chiếc cột cờ khẳng khiu, vươn trên bầu trời u ám, tự nhiên tôi thấy đầu óc vắng vát, có thể vì sương xuống quá dày, cũng có thể vì tôi bị mệt, bỗng nhiên tôi thấy quanh mình giống như một cơn mơ, và tôi bước những bước hao hụt ra đường.

Khi tôi về đến nhà, tôi thấy đi tôi tiếp hai người đàn ông Đại-hàn trong nhà. Cái này thì quả ngoài sức tưởng tượng của tôi, nhất là tôi lại nghe bà nói tiếng Anh nữa. Tôi thấy hai chân tôi như bị buộc lại, lú lú, không đi nổi nữa. Cũng may đi tôi ngồi xây lưng ra phía ngoài cửa nên không nhìn thấy tôi. Qua cánh cửa mở một bên, tôi trông thấy họ, và nghe họ nói.

Tôi bối rối quá sức, không biết nên vào hay nên bỏ đi.

Đúng lúc đó tôi thấy Tuấn chạy Vespa qua đường sau.

Tôi liền chạy theo anh và gọi :

— Anh Tuấn. Anh Tuấn.

Tuấn dừng xe lại bảo :

— À, cô !

Tôi nói :

— Nhà tôi có khách tôi không tiện vô nhà. Anh cho tôi theo anh sang bên ấy một chút.

Tuấn nói :

— Mời cô sang đây.

Anh chở tôi đằng sau xe về nhà anh. Anh mời tôi ngồi trong một phòng nhỏ, ấm cúng, có một máy quay băng rất tốt, anh vặn nhạc cho tôi nghe. Anh xin lỗi đi lau qua mặt mũi trước khi trở lại. Người nhà anh mang vào cho tôi một ly trà.

Tuấn trở lại bảo :

— Cô chạy loạn à ?

Tôi nói :

— Cực quá.

Anh cười bảo :

— Nghe nhạc đi, cô sẽ hết mệt.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

Văn số 170 & 171

Giai - phẩm Xuân Tân - Hợi

quy tụ khoảng ba chục tác giả thời danh

với những tác phẩm chọn lọc

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

• Một sinh viên Sư phạm Cần-thơ, hỏi :

Hồi cuối tháng Ba năm 1969, chúng tôi có biên thư nhờ quý ông giải đáp glùm một vài thắc mắc. Chờ đợi mãi tới nay vẫn chưa thấy trả lời, trong lúc đó, rất nhiều thư viết sau thì lại được quý ông trả lời đầy đủ. Như vậy, chẳng hiểu thư chúng tôi gửi bị thất lạc, hay tại những câu hỏi của chúng tôi không đáng để quý ông trả lời ?

(thư ngày 9 tháng 12 năm 1970)

— trả lời :

Thư của quý bạn trước đây chúng tôi đã nhận được và ban phụ trách đã và vẫn cố công tìm kiếm nhưng chưa ra đầy đủ những câu giải đáp, nên vẫn chưa trả lời quý bạn đặng.

Việc giải đáp thắc mắc không căn cứ theo thứ tự ngày tháng nhận được thư mà tùy theo câu hỏi, câu nào có thể trả lời trước thì trả lời trước ; câu nào còn cần tìm tòi tra cứu tài liệu thì sẽ trả lời sau. Ví dụ như mới đây một bạn độc giả ở Phú-giáo hỏi « Tập thơ *Đoạn-trường Tân-thanh* của cụ Nguyễn Du, bản quốc âm, xuất bản lần thứ nhất vào năm nào ? tháng nào ? ». Chúng tôi nhớ đó là bản của cụ Pétrus Trương Vĩnh Ký, còn nhớ là trong bản in đó, cụ Trương gọi Kim Trọng là *thằng* Thúy Kiều là *con*. Thế nhưng, mặc dầu đã tốn công tìm kiếm, vẫn chưa tìm gặp bản in xưa để tra cứu xem sách xuất bản năm nào, tháng nào, để có thể trả lời đầy đủ và chính xác cho bạn đọc nọ.

Tất cả những thư của bạn đọc nhờ giải đáp thắc mắc, chúng tôi đều cố gắng tìm kiếm tài liệu để trả lời. Không bao giờ có vấn đề câu hỏi của bạn đọc có đáng hay không đáng để trả lời cả, mà chỉ có vấn đề trả lời được hay không mà thôi. Mong bạn hiểu cho điều đó và lượng thứ cho sự chậm trễ của chúng tôi.

Nhân đây, cũng xin được lưu ý chung quý bạn có lòng tin yêu biên thư về nhờ giải đáp thắc mắc: mong quý bạn giới hạn các câu hỏi trong lãnh vực văn chương; và mỗi thư, mong quý bạn đừng bao giờ hỏi quá ba (3) câu.

● L-L-G và các bạn ở Đà Nẵng, hỏi:

Tôi và các bạn có nghe đến hai câu thơ bằng chữ Hán sau, nhưng không biết ở đâu mà ra:

« Thiên nhai, hải giác hữu cùng thì,
Duy chỉ tương tư vô tận xứ... »

dịch là:

« Chấn trời góc bể còn đi tới,
Chỉ có tương tư không bến bờ... »

Xin ông cho biết tên tác giả, xuất xứ, hay luôn cả bài thơ có hai câu thơ trên, hoặc là sách nào có in bài thơ đó?

(thư ngày 05 tháng 8 năm 1970)

— trả lời:

Đây là một bài từ, điệu Mộc lan hoa, của Ân Thủ đời Tống. Nguyên tác như sau:

TƯƠNG TƯ

Thảo phương liễu lục trường đình lộ,
Niên thiếu phao nhân dung dị khứ...
Lâu đầu tàn mộng ngũ canh chung!
Hoa đề li sầu tam nguyệt vũ!
Vô tình bất tự đa tình khứ,
Nhất phiến hoàn thành thiên vạn lý!

Thiên nhai địa giác hữu cùng thì,
Chỉ hữu tương tư vô tận xứ !

Bài từ trên, Ông Lãng-Nhân có bản dịch :

Cổ thom liễu biếc đường mưa dầm
Tuổi trẻ vẫn thường đi đã lắm
Mộng tàn canh cuối chuông lầu vắng
Sầu biệt thánng ba mưa lũ thắm
Vô tình nào biết đa tình khổ
Một tấc kéo thành tơ vạn tấc
Chân trời góc biển chẳng bao xa
Chỉ có tương tư dài thăm thẳm.

Ông Giản-Chi có thơ dịch như sau :

Cổ thom, liễu biếc dậm dài,
Máu thanh niên đây, con người dễ đi...
Lầu cao mộng tỉnh chuông khuya !
Cuối xuân cánh rã biệt li mưa rào !
Đa tình cho lắm thương đau,
Nhớ nhung có thể mà nhau mới tơ !
Trời còn churn, biển còn bờ,
Tương tư thì biết bao giờ cho nguôi ? !

• Ông Châu Kỳ, Ninh-hòa, hỏi :

1) Xin ông cho biết nhóm Trúc lâm thất hiền bên Trung quốc gồm những ai cùng thân thế và thơ văn của các vị ấy ?

2) Xin giải nghĩa và cho biết xuất xứ 4 câu thơ sau đây :

« Sầu kiến chu hành phong hựu khởi
Bạch đầu lãng lý bạch đầu nhân. »

« Lai như lưu thủy hề, thế như phong
Bất tri hà xứ lai, hà sở chung. »

3) Hai câu thơ sau đây có sách chép khác nhau :

« Văn như Siêu, Quát lãng Tiền Hán
Thi đáo Tùng Tụy thất Thịnh Đường. »

lại có sách chép là vô Tiền Hán. Vậy « lãg » hay « vô », xin ông vui lòng cho biết chữ nào đúng.

(thư ngày 24 tháng 10 năm 1970)

- trả lời :

1) Trúc lâm thất hiền là bảy học giả đời Tấn : Kê Khang, Nguyễn Tịch, Sơn Đào, Hương Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhung. Bảy người cùng nhau vui chơi ở đất Trúc-lâm. Trong nhóm, có nhiều người có thơ văn đề lại nhưng tiếc vì khuôn khổ chật hẹp của một bài giải đáp thắc mắc nên không tiện dẫn ra đây. Khi nào ông bạn có dịp vô Sài-gòn, tòa soạn sẽ đưa ông mượn để tham khảo tại chỗ.

2) Trong Nguyệt san *Tân Văn* bộ I, số 3, tháng 7 năm 1968, chúng tôi đã giải đáp hai câu trên có nghĩa :

*« Buồn thấy thuyền đi gió lại nổi,
Đầu bạc ngồi trông sóng bạc đầu. »*

Còn tác giả là ai thì tới nay chúng tôi vẫn tra cứu chưa ra.

Hai câu thơ dưới chúng tôi không rõ. Mong bạn đọc, vị nào biết vui lòng giải đáp giúp ông bạn Châu Kỳ.

3) Theo ý chúng tôi, chữ « lãg » có lẽ đúng hơn. Đó là suy đoán về nghĩa chữ, còn nguyên bản ra sao thì chúng tôi thiếu tài liệu tham khảo.

● Một học sinh tại Huế, hỏi :

Trong Văn số 167, bài giải đáp thắc mắc cho bạn Trần Trung Trinh, ông có dẫn bài thơ « Bonne Justice » của Paul Eluard mà không giải nghĩa. Thú thật với ông là chúng tôi không hiểu nổi ý nghĩa bài thơ đó. Mà ngay cả người hỏi cũng nói là « đọc một bài báo Mỹ » vậy cũng chưa chắc đã hiểu (có thể TTT cũng chọn sinh ngữ I là Anh văn như chúng tôi). Vậy mong ông (...) dịch giúp bài thơ đó cho chúng tôi được hiểu...

(thư ngày 6 tháng 12 năm 1970)

- trả lời :

Sở dĩ chúng tôi không dịch nghĩa bài thơ vì người yêu cầu giải đáp đã chỉ yêu cầu chúng tôi « tìm và chép giúp em toàn bài thơ đó ».

Nay, chiều ý bạn, chúng tôi xin lược dịch như sau :

« Công lý. Là luật nóng của người, từ những trái nho họ làm ra rượu, từ than họ nhóm thành lửa, từ những nụ hôn họ làm hành người. Là luật khô nhọc của người, giữ cho được nguyên vẹn mặc dù những cuộc chiến và sự bần cùng, mặc dù những nỗi nguy chết người. Là luật hiền dịu của người, biến đổi nước thành ánh sáng, biến đổi ước mơ thành sự thật và những kẻ thù thành anh em. Một luật già nua và mới mẻ, cứ thế hoàn thiện lần lần, từ lấy lòng trẻ thơ cho tới lý trí tối thượng. »

Ông Lãng-Nhân có thơ dịch như sau :

CÔNG BẰNG ĐÚNG MỨC

Vẫn là luật nóng hồi
Chung cho cả loài người
Lấy nho làm rượu uống
Lấy than làm lửa soi
Yêu đương tạo nên người.

Vẫn là luật khắc nghiệt
Chung cho cả loài người
Giữ mình cho toàn vẹn
Trong chiến tranh cơ hàn
Trong hiểm nghèo mất mạng.

Vẫn là luật dịu hiền
Chung cho cả loài người
Biến nước thành ánh sáng
Mơ mộng thành sự thực
Địch thù thành anh em.

*Luật kia cũ mà mới
Cứ thế cải tiến thêm
Từ hoài bão trẻ nít
Đến đạo lý thánh hiền.*

(« Thơ Pháp ngữ tuyển dịch », Phạm Quang
Khai xuất bản, Sài-gòn, 1968, tr. 233)

● **Cô Lê-thị Hoàng, Long-xuyên, hỏi :**

Tôi muốn đọc những sách báo về môn Báo chí học (journalism) bằng Việt ngữ. Mong ông chỉ dẫn giùm nhau đề và nơi có thể mua những thứ đó...

(thư ngày 8 tháng 12 năm 1970)

— **trả lời :**

Xin giới thiệu với cô « Báo chí Tập san » là một quí san (xuất bản 3 tháng một lần) đặt dưới quyền bảo trợ tinh thần của Viện Đại học Đà-lạt.

Đọc tập san này cô sẽ rõ những sách về môn Báo chí học bằng tiếng Việt.

Cô có thể hỏi mua tại các nhà sách lớn dọc đại lộ Lê Lợi Sài-gòn, hoặc biên thư gửi ông Chủ nhiệm Nguyễn Ngọc Linh số 63, đại lộ Hàm Nghi (lầu 7) Sài-gòn.

□ □ □

ĐÃ PHÁT HÀNH :

BA MƯƠI HAI BÀI LỤC BÁT

**THƠ PHỒ - ĐỨC ● NHÂN CHỨNG XUẤT BẢN
BÌA HỒ HỮU THỦ ● PHỤ BẢN DUY - THANH
HOÀNG HƯƠNG-TRANG và NGUYỄN HỮU NHẬT**

tìm văn văn

Mục đích là cứu trợ nạn lụt

Trong Văn số 167, cùng mục này, chúng tôi có loan tin về cuộc triển lãm họa phẩm tại Trung tâm Cộng đồng Đà-nẵng của các họa sĩ Vĩnh Phối, Tôn Thất Văn, Cao Bá Minh, Lâm Quang Phước và Hoàng Đăng Nhuận.

Nay chúng tôi được Hội Phát huy Văn hóa Đà-nẵng, cơ quan bảo trợ cuộc triển lãm kể trên, cho biết kết quả cuộc triển lãm như sau :

Tất cả đã bán được 13 bức tranh, thâu được 250.000\$00. Số tiền 150.000\$00, tức là 60% tổng số thâu, đã được trích ra để ủng hộ Quỹ Cứu trợ Nạn nhân Bão lụt miền Trung.

Vậy xin loan tin thêm cho rõ và đủ...

Đêm thơ «Tưởng niệm Tô Đình Sự»

Đêm 06 tháng 12 vừa qua, tại quán Tím Quên, Cần-thơ, một số thân hữu của nhà thơ Tô Đình Sự (1943-1970) đã tổ chức một buổi đọc thơ tưởng niệm người quá cố.

Các bạn trẻ trong nhóm tổ chức đã đọc một số thi phẩm tìm thấy trong các tập san và tập bản thảo « Thơ viết ngày yêu em » của Tô Đình Sự. Các bạn Lưu Vân, Hồ Duy Chúng, Trần Phù Thế..., sau đó, đã đọc những bài thơ tưởng niệm và kể chuyện về nhà thơ trẻ đã từ trần vì một tai nạn lưu thông tại Sài-gòn ngày 13 tháng 10 mới đây.

Buổi đọc thơ đã diễn ra trong bầu không khí ngậm ngùi : bạn bè có mặt ai nấy đều chân thành tiếc thương nhà thơ chết trẻ...

Sinh hoạt văn nghệ miền Tây

Cùng địa điểm, thời gian tổ chức đêm đọc thơ «Tưởng niệm Tô Đình Sự», chúng tôi còn ghi nhận sự có mặt của một số bạn trẻ ở Cần-thơ đến dự buổi ra mắt của tập san «Thời gian» do Vũ Phan Trần chủ biên.

Được hỏi về đặc san «Phía chúng ta», Lưu Vân cho biết anh còn đang cố gắng vận động về tài chánh để «Phía chúng ta» có thể ra mắt bạn đọc như đã hứa.

Lê Trúc Khanh, có mặt trong đêm đọc thơ này, cũng cho biết anh sẽ cho sống lại tờ «Khơi Dòng» trong dịp Tết Nguyên đán Tân Hợi sắp tới....

Kẻ đau, người bận

Gần đây có tin đồn là hai nhà văn Huỳnh Phan Anh và Nguyễn Xuân Hoàng đã gửi hai tác phẩm mới nhất của hai anh (tập truyện «Những ngày mưa» và truyện dài «Khu rừng học lửa») tới dự thi Giải thưởng Văn học Nghệ thuật của Tổng thống VNCH năm 1970.

Được biết là anh Huỳnh Phan Anh hiện còn đang nằm tại bệnh viện Bình-dân, sau khi đã bị mổ bao tử tới hai lần. Còn anh Nguyễn Xuân Hoàng thì đang lặn lội ngoài Nha-trang vì việc gia đình.

Như vậy tin đồn trên là sai sự thật, chúng tôi xin nói lại để tránh điều ngộ nhận.

«Vòng đai xanh» ra mắt

Trong cùng mục này, đã nhiều lần, chúng tôi loan-tin về tác phẩm mới nhất của nhà văn y sĩ Ngô Thế Vinh.

Nay việc ấn loát đã hoàn tất và vào hồi 20 giờ ngày 18 tháng 12 vừa qua, nhà xuất bản Thái Độ đã mời một số anh em tới quán Hầm Gió, số 128 đường Võ Tánh, Sài-gòn, để «uống ly trà đậm rượu nhẹ trong tình thân hữu» và để dự khán sự «phổ biến lần đầu cuốn sách đã gặp nhiều khó khăn từ mọi hướng là VÒNG ĐAI XANH».

Lần nữa, chúng tôi ước mong bạn đọc VĂN sẽ dành cho « Vòng đai xanh » một mối chân tình nồng hậu.

Được biết, trong dịp này, nhà văn Thế-Uyên, người chủ trương nhà xuất bản Thái Độ, đã lên tiếng kêu gọi anh em cùng sát cánh với ông tranh đấu đòi hỏi việc thực thi hiến pháp cách đứng đắn trong việc hủy bỏ chế độ kiểm duyệt sách. Và ông cũng báo tin là ông đã nhờ luật sư đưa vấn đề này lên Tối cao Pháp viện nhờ phân xử.

Diễn kịch tưởng niệm Vũ Trọng Phụng

« Saigon (THH) 19-12. — Một nhóm văn nghệ sĩ định trình diễn kịch phẩm « Nghị Hách » do Ngọc Ngân viết phỏng theo tiểu thuyết « Giông tố » của Vũ Trọng Phụng.

Buổi trình diễn được dự định tổ chức vào ngày 25 tháng 12 tới đây tại thính đường Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, nhằm tưởng niệm Vũ Trọng Phụng.

Được biết Ban Tổ chức sẽ không bán vé, không nhận quảng cáo mà chỉ mở vài trang sổ vàng để ghi nhận sự tài trợ của quý vị hảo tâm... »

Bản tin trên được đăng trên một số nhật báo ra ngày 20-12. Không rõ thành phần diễn viên, ban kịch, đạo diễn là những ai? Trước đây ít lâu, dường như vở kịch « Nghị Hách » đem chiếu trên màn ảnh nhỏ đã được coi như một sự thất bại. Chẳng hiểu lần này, mang một ý nghĩa cao đẹp (là tưởng niệm một nhà văn lớn) cộng thêm không khí của sàn gỗ, màn nhung, đèn màu..., đêm trình diễn kịch có gây được tiếng vang nào và có khuấy động được không khí ngưng đọng của ngành sinh hoạt này chăng?

Những tấm bưu ảnh nghệ thuật

Từ trước, ở nước ta chưa có những bưu ảnh (carte postale) có tính cách nghệ thuật mà thường chỉ là những ảnh chụp các danh lam thắng cảnh.

Lần đầu tiên, họa sĩ Thái-Tuấn, với sự cộng tác của một nhà in lớn vào bậc nhất nước là ấn quán Đông Nam Á, sắp tung

ra thị trường một loạt bốn tấm bưu ảnh, in bốn tác phẩm hội họa khác nhau của nhà danh họa.

Được biết mỗi tấm bưu ảnh, họa sĩ Thái Tuấn được hưởng tác quyền là 5 đồng, nhưng không rõ số in là bao nhiêu.

Hì vọng là các bạn ưa chuộng nghệ thuật, nhất là các du khách, sẽ chiếu cố tới loạt bưu ảnh « mở đường » này, để trong tương lai chúng ta sẽ còn có nhiều bưu ảnh in lại họa phẩm của nhiều họa sĩ khác, phổ biến rộng rãi tới những chân trời xa lạ...

Một nhà văn chết già

Fritz von Unruh, nhà văn thuộc trường phái biểu tượng của Đức, vừa từ trần ngày 28 tháng 11, tại Diez-sur-le-Lahn (Rhénanie), hưởng thọ 85 tuổi.

Là một người sùng tín theo thuyết Hòa bình, người con của một ông tướng Đức này, đã cố gắng một cách tuyệt vọng trong công cuộc tạo ra một « chiến tuyến bằng sắt » để ngăn ngừa Hitler lên nắm quyền hành tại Đức. Thất bại, ông đã phải tự lưu vong.

Về văn chương, ông đã được Max Reinhardt khám phá, và dựng vở kịch thứ nhất của ông « Les Officiers » (Những sĩ quan).

□ □ □

GÓP VUI

Nhân ngày

NGUYỄN VĂN HIỀN

cưới

LÊ-THỊ TÂM-HIỆU

Chúc « đôi trẻ » cơm lành canh ngọt tới già.

QUẢNG . NGỌC . HẦU . HIỀN .

LIÊM . THUẬN . LONG . LOAN .



HỘP THƯ BẠN ĐỌC

★ Địa chỉ của Tòa soạn

Trân trọng lưu ý quý bạn có việc cần tới tòa soạn, hãy tới gần chợ Thái Bình, tòa soạn đặt ở số 38 Phạm Ngũ Lão, xẽ cửa rạp hát bóng Quốc Tế (Thanh Bình cũ).

● Liên lạc về thư từ

Mọi liên lạc về Tòa-soạn (thư từ, bài vở, ấn phẩm...) xin đề ông Trần Phong-Giao, thư-ký tòa-soạn.

Liên lạc trực tiếp xin hỏi ông Gia-Tuấn, phụ-tá thư-ký tòa-soạn.

Mọi liên lạc về Trị-sự (mua, bán sách báo, đăng quảng cáo...) xin đề ông Nguyễn-đình Vượng, chủ-nhiệm.

Để tránh sự chậm trễ, mong quý bạn, nhất là từ Cao-nguyên, miền Trung và các tỉnh Nam-phần, gửi thư **bằng máy bay**. Cũng xin quý bạn dán đủ tem, bởi lẽ tòa soạn sẽ từ chối không nhận những thư bị phạt vì thiếu bưu phí. Phần khác, để tránh sự thiệt thòi, cũng xin quý bạn gửi kèm đủ số tem đề **gửi máy bay**, mỗi khi quý bạn cần mua báo cũ và yêu cầu ty trị sự trả lời bằng thư riêng.

★ Thể thức gửi bài

Bài gửi cho VĂN xin viết trên một mặt giấy, viết rõ ràng hoặc đánh máy càng tốt.

Trên bản thảo, ngoài bút hiệu, xin ghi rõ tên thật và địa chỉ để tiện liên lạc. Xin nhớ ghi tên họ và địa chỉ **trên bản thảo** vì tòa-soạn không bao giờ giữ lại phong bì thư của độc giả. Tòa soạn hứa **sẽ giữ kín** tên họ cùng địa chỉ của tác giả các bài lai cáo.

Theo thông lệ, tòa soạn sẽ không **giữ lại** cũng như sẽ không **gửi trả lại** bản thảo các bài lai cáo không được chọn đăng. Vậy, yêu cầu bạn đọc miễn yêu cầu tòa soạn giữ lại hoặc phát hoàn các bản thảo.

Phần khác, vì quá bận rộn và thiếu nhân viên, tòa soạn cũng không thể trả lời bạn đọc bằng thư riêng. Rất mong quý bạn thông cảm và **miễn yêu cầu trả lời thư riêng**.

● Thể thức chọn bài

Tập san VĂN không có chủ bút. Việc chọn đăng các bài lai cáo do một Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm phụ trách. Ban này, mỗi môn loại, gồm ba người.

Bài nào thu được 2/3 số phiếu đồng ý, thì sẽ được chuyển sang Tòa-soạn để lựa đăng dần.

Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm làm việc rất siêng năng, vô tư, và lúc nào cũng **đặt nặng vấn đề khám phá những tài năng mới**. Chúng tôi có thể đoan chắc với quý bạn là không bản thảo nào gửi cho VĂN mà bị bỏ quên, cũng